

THẦM LẶNG

Tiểu thuyết của Bình Nguyên Lộc

THẦM LẶNG

BÌNH NGUYỄN LỘC

@TIEULUN 2024

MỤC LỤC

MÁ ƠI, MÁ !

CÂY ĐÀO LỘN HỘT

KHÔNG MỘT TIẾNG VANG

TIẾNG VANG TRỀ MUỘN

ĐÀNH CAM VÀO KHÁM VỚI TÌNH... BÒ

ĐÚA CON ĐỦ THÁNG

NGƯỜI ĐẸP VEN SÔNG

NGƯỜI CHUỘT CỐNG

NỖI BUỒN CỦA NGƯỜI SẮP CHẾT

LƯƠNG TÂM KẺ TRỘM

BẢO MẬT

BÍ MẬT CỦA CHÀNG

NẮNG CHIỀU HẤP HỐI

RẮN CẢN LÀM PHƯỚC

LÁ RỤNG VỀ... NGỌN

MÁ ƠI, MÁ !

Coi chừng té xuống nương !

Con Nhộng đứng khựng lại, ngo ngác nhìn trời bằng đôi mắt sâu trong đó không thấy tròng, và cả bọn đều cười rộ lên, một trận cười không ác ý.

Con Nhộng cũng cười hiền lành rồi hỏi :

- Nương gì, ở đâu ?

- Nương mới đào.

Con bé mù biết bạn hữu gạt mình, nên lại cười lặng lẽ rồi tiếp bước.

Con Nhộng mù từ hồi mới lọt lòng mẹ, do sự dốt nghề của bà mẹ vườn mà ra. Chứng mù này ở thôn quê ta, dễ thường có đến năm sáu đứa bé sơ sinh mắc phải, trong một trăm đứa bé ra đời.

Các bà mẹ vườn của ta không biết rằng công việc tối cần và đầu tay của các bà khi đưa bé lọt lòng là săn sóc đôi mắt của nó vì đôi mắt ấy đã bị nhiễm độc lúc lọt lòng.

Những đứa bé mù chứng mù ấy, thuộc lòng từng hòn sỏi, từng bụi cỏ trong làng và bất kỳ cái nương mới đào

Con Nhộng vây đoàn với bạn hữu nó để đi xuống vườn của Hương thân Quới, ở cuối làng.

Vườn đây là vườn cau. Xứ Đồng Môn này, cau trồng thành những sở to, như dừa ở Bến Tre, và có vườn cau đông đúc hằng năm, ba ngàn cây.

- Má mày uống thuốc đó có bớt không ?

- Bả bị giựt té xuống đất. Thuốc mạnh lắm nhưng sao không thấy bớt.

Mặc dầu mù lòa, con Nhộng phải làm để nuôi mẹ, vì má nó bại xụi tay chân đã ba năm rồi, cứ nằm một chỗ, không làm ăn gì được hết.

Đoàn bẻ cau gồm toàn con gái nhỏ trong làng mà đứa lớn tuổi hơn hết, mới có mười bốn.

Chúng nó có bảy đứa tất cả, toàn là con cái của cùng đình, bởi thế chúng nó mới chịu làm một nghề mà đến cả những người lớn gan dạ nhứt cũng không dám làm.

Giây lát sau, đoàn hái cau võ trang mỗi đứa một chiếc dao bầu, tới trước vườn Hương thân Quới.

Chó trong nhà sủa vang lên, và một chị người nhà chạy ra mở cổng. Chị ta nói :

- Tụi bây cứ hái, rồi thòng xuống, có người rước cau dưới này. Đây, dây đây !

Vừa nói chị ta vừa phát cho mỗi đứa một sợi dây nhỏ bằng ngón tay út, và phát tới con Nhộng, chị ta hỏi :

- Nhộng, má mày bớt không ?

- Không !

- Trưa nay ở lại, tao cho ăn cơm.

- Tôi phải về để đút cơm cho má tôi.

- Tội nghiệp !

Chị ta nhìn theo con bé mù lòa, thương nó lắm, nhưng không làm gì hơn được để giúp nó. Bọn bẻ cau chia vườn ông Hương thân Quới ra làm bảy khu, mỗi đứa một khu. Chị người nhà tranh đấu cho con Nhộng được cái khu ở gần cổng hơn hết, để tránh cho nó cái khổ phải đi tìm.

Bạn hữu nó đều vui lòng giúp nó nên không ai tranh giành làm gì, mặc dầu khu này rất tốt, về phương diện hái cau, bởi không có cây cau to nào cả.

Phải thấy cách chúng nó bẻ cau mới nhận thức được rằng cau tơ rất bất lợi cho chúng nó.

Chị người nhà hô lên cho những người nhà khác đi rước cau, còn chính mình thì rước tại khu của con Nhộng.

Con Nhộng cột một đầu dây dừa vào eo ếch nó, giắt lại cái dao bầu vào lưng quần cho thật chắc, tròng nài vào chơn, đoạn ôm cây cau gần hơn hết mà leo.

Đây là một giai đoạn dễ, hễ quen là leo được như chơi.

Cái khó, lên tới trên kia, mới gặp.

Việc khó thứ nhất là thử cau : bẻ đại một trái cau ở bất kỳ buồng nào, dùng dao bầu bửa ra để xem coi cau đã “dày” hay còn non. Nếu còn non thì phải để yên buồng cau đó.

Con Nhộng không thấy đường, nên phải xem bằng cái lưới của nó. Tuy thế, không bao giờ nó lầm lẫn cả.

Buồng cau thứ nhất được thông dây xuống tới đất êm ru và chị người nhà tháo gỡ mối cột để con Nhộng rút dây trở lên.

Chị ta bắt đầu nín thở vì cái trò hồi hộp đã khởi sự. Mặc dầu đã xem trẻ bẻ cau từ thuở bé, nghĩa là gần ba mươi năm rồi, chị ta vẫn nghe nghẹt thở mỗi khi chứng kiến cái cảnh trò hát xiệc của bọn này.

Con Nhộng ôm chặt thân cây cau rồi dùng sức mạnh của nó mà đẩy cho cây cau lay động như là bị gió thổi ngã nghiêng vậy.

Nó lắc một hơi thì chị Tám - người nhà - có cảm giác như là một luồng gió to đang thổi qua đây, vì cây cau ngã qua, ngã lại, thấy mà bất sợ.

Con Nhộng đưa tay ra không trung, chụp lấy ngọn của một tàu cau của cây kế cận, rồi nắm chặt cứng.

Cây cau này mọc cách cây kia độ một thước sáu tấc, bị lôi kéo như vậy, nên cũng ngã nghiêng theo chiều của cây cau mà con Nhộng đang leo.

Sức nghiêng của hai cây đều gia tăng vì cây này kéo cây kia, gia tăng mãi cho đến một lúc nào đó hai đầu cây cau gần dụi lại với nhau.

Con Nhộng chỉ còn ôm cây cau có một tay, tay trái, còn tay mặt nó thì mắc núu tàu cau bên kia.

Khi nó tính toán đã đến lúc, nó vớ tay mặt ấy qua, vừa vớ vừa buông cây cau đầu, vừa phóng mình qua cây kế.

Chị Tám nhắm mắt lại, cúi mặt xuống, không hề dám chứng kiến cái phút giây ghê rợn ấy bao giờ.

Chị đợi một hồi, không nghe có tiếng gì rơi xuống đất hết mới dám ngược lên mở mắt ra. Bây giờ con Nhộng đã ôm chặt cây cau thứ nhì rồi và đang bẻ một trái cau để thử.

Trẻ con làm nghề hái cau ở xứ Đồng Môn này đều hành động y như thế cả, để tiết kiệm thì giờ và công tuột xuống, leo lên mãi, vì mỗi ngày chúng phải hái hằng trăm cây không hơi sức đâu mà leo từng cây như ở các nơi khác.

Nhưng ngay như những đứa bé sáng mắt mà chuyên cây như vậy, cũng làm cho ta mọc ốc cùng mình rồi hướng hồ gì con Nhộng không thấy đường thì sự tính toán thì giờ của nó bấp bênh là dường nào.

Chị Tám thở dài, không còn lo cho con Nhộng nữa, mà lo cho chính thân chị. Nếu chị cứ ở mãi cho bà Hương thân Quới để rước cau như thế này thì ngày kia, chị sẽ đau tim mất.

Ở sáu khu kia, trẻ con cũng đang làm y như vậy, và cả bảy cái mạng này giống như bảy cái đại đồng chung treo bằng sợi chỉ mảnh.

Tuy nhiên chị Tám cố nhớ điều này để tự trấn an : là tai nạn ít khi xảy ra lắm, năm ba năm mới có một đứa bé bị rủi ro.

Qua khỏi tuổi nào đó, không làm nghề này được nữa, vì càng gần thành người lớn, trẻ con càng đậm nhất gan, với lại càng nặng cân, khó phóng mình từ cây này qua cây khác. Tai nạn lại chỉ năm ba năm mới xảy ra một lần thì có lắm thế hệ trẻ hái cau không hề gì cả, vì chúng chỉ hành nghề được có mấy năm thôi, giữa hai tai nạn nào đó.

Nhưng càng cố nghĩ tới các sự kiện ấy để trấn an mình, chị Tám càng ghê rợn, vì hề nghĩ thì nhớ, nhớ cái tai nạn rừng rợn nhất mới ác chó.

Năm đó con Khen, một đứa bé sáng mắt, bị té từ trên ngọn một cây cau lão xuống, thế nào mà ngọn dao bầu giắt lưng lại đâm lũng ruột nó, lòi phèo ra thấy mà on xương sống. Nó được chở đi nhà thương, nhưng khiêng bằng võng, đi bộ rồi sang qua xe bò, lâu lắc quá, tới được nhà thương Long Thành thì nó đã đuối sức vì máu ra quá nhiều ở dọc đường.

Vả lại nó mà không chết vì sự mất máu, thì nó cũng chết vì dập phổi, dập gan.

Con Nhộng cứ thử cau, hái cau, thông buồng cau xuống, đoạn làm trò hát xiệc để chuyển qua cây khác. Nó lặng lẽ làm việc, không đùa giỡn vang rân như bạn hữu nó, có lẽ để tập trung ý tứ hầu tránh rủi ro.

Chị Tám cứ van vái Trời Phật cho không có việc gì xảy ra, bởi tình cảnh gia đình con Nhộng hiện rất nguy ngập. Nó còn bé thế lại mang tật mù lòa, vậy mà nó vẫn là rường cột của gia đình nó.

Ba nó chết cách đây bốn năm, và năm sau đó thì má nó mắc chứng bại xứ. Và từ đó, chén cơm của hai mẹ con do chính nó kiếm lấy, bằng cái nghề nguy hiểm này vì trong làng không còn nghề nào khác để dành cho người mù lòa cả.

Thiêm Hai, má con Nhộng mà có tiền đi nữa cũng không sống được, bởi nếu không có đứa con hiếu thảo của thiêm thì lấy ai đút cơm, rót nước cho thiêm, với lại lo cho những việc tắm thường song tối thiết cho thiêm như sự đại tiện, tiểu tiện ?

Chị Tám bỗng nghe ân hận đã giành rước cau của con Nhộng. Nếu rước cau của mấy đứa bé khác chị không phải lo đến như thế này. Chúng nó bất kỳ đứa nào cũng có thể gặp rủi ro hết, nhưng chúng nó còn cha còn mẹ, cha mẹ chúng nỗ lại khỏe mạnh chớ không phải là phế nhân như má con Nhộng vậy.

Chị thề lần sau sẽ không dại mà đi theo ủng hộ con bé mù lòa này.

Sáu người rước cau khác là bà Hương thân Quới với lại năm đứa con của bà. Họ khỏe ru vì họ không hề biết thương vay, không hay lo bao đồng như chị Tám, mà trẻ con bẻ cau cho họ lại sáng mắt, khó lòng mà thọ nạn.

Chị Tám nhất định không thềm nhìn lên nữa. Công việc của chị ở dưới gốc cau, hề thấy một buồng cau thông xuống tới đất thì cứ việc rước lấy rồi mở dây. Chị mà có ngủ gục cũng làm tròn bổn phận như thường vì lần nào thông cau xuống con Nhộng cũng gọi chị, mà cho hay.

Nhưng không nhìn lên thì nhìn xuống đất, cảnh dưới đất càng làm cho chị rợn ớn. Cây cau nào cũng được rào bằng một hàng rào nọc thấp. Chủ vườn đổ rác trong hàng rào ấy cho nó thành phân hữu tốt cau, với lại để củng cố gốc cau nữa.

Những cây nọc ấy hồi mới thì được cưa bằng đầu, nhưng gió mưa và năm tháng đã gặm mòn đầu nọc, thành ra cây nào bây giờ cũng nhọn hoắt, chĩa thẳng lên trời như để hăm dọa kẻ leo cau.

Thật là khổ cho chị Tám không biết bao nhiêu.

Chị lại tránh nhìn xuống, tìm đầu hàng rào mà ngắm để quên. Hàng rào trà rừng nhà ông Hương thân Quới rất đẹp, nên ngắm một lát là chị Tám quên được.

Thình lình chị nghe sột soạt như tàu cau khô rụng ban đêm và đang rơi nhưng chưa tới đất : chị ngược lên thì vừa lúc ấy chị nghe con Nhộng kêu lên một tiếng thất thanh, kể đó nó rơi từ trên cao xuống.

Chị Tám nhắm mắt lại ngay, giấu đầu giữa hai đầu gối của chị rồi kêu lên oái oái như ban đêm gặp ma.

Con Nhộng không chết ngay. Thấy nó không thương tích gì, người ta khiêng nó về nhà nó, rồi chữa chạy theo trị liệu sai lầm xưa là cho uống mật gấu để máu bầm dễ tan. Nhưng nó vẫn á khẩu và bí đái suốt hai hôm.

Đến hôm thứ ba, nó vụt kêu được một tiếng lớn :

- Má ơi, má !

Rồi tắt thở luôn.

(Tuần báo Lẽ sống, 1950).

CÂY ĐÀO LỘN HỘT

Tám giờ đêm. Ngõ hẻm vắng lặng lạ kỳ. Thường thì đầu hôm trẻ con trong xóm tung tam tụ ngũ trên ngõ để chơi đủ thứ trò mà trí tưởng tượng phong phú của chúng đã

nghĩ ra, làm ồn không ai chịu nổi hết kia mà !

Con Dừa vừa ngạc nhiên trước tình trạng này thì bỗng nghe đất ướt lầy nhầy dưới chơn nó, nó chợt nhớ ra rằng đám mưa đầu mùa mới dứt hột đã làm cho ngõ hẻm bắn thiu bắt nhèm nên trẻ mới không buồn ra đây.

Nhờ im tiếng trẻ nên đêm nay con Dừa mới nghe được tiếng náo nhiệt của chợ Trương Minh Giảng còn theo đuổi nó mãi tới trong này.

Đến khúc quanh cây đào, nó nghe rờn rợn, mặc dầu năm nay, hăm một tuổi, nó đã hết sợ ma từ lâu rồi. Sinh trưởng ở xóm này, nó đã từng khùng khiếp thuở bé mỗi bận đi ngang qua mấy ngôi mộ đồ sộ dưới gốc cây đào cổ thụ ở góc ngõ này - cái ngõ chỉ mới có về sau đây thôi, ngày dựng lên khu chợ Trương Minh Giảng, chớ trước đây, thuở nó còn bé, nơi này là đồng không mông quạnh. Cái rờn rợn đêm nay là di tích của nỗi kinh sợ ngày thơ của nó.

Bỗng nó rùng rờ, suýt kêu lên một tiếng. Một bóng trắng xuất hiện ra thành linh, cạnh gốc đào, khi nó qua vừa khỏi đường quanh.

Nhưng nó tự trấn tĩnh được ngay và bật cười. Đó là bóng dáng quen thuộc, rất quen thuộc của anh mù mới tới ở đây chừng sáu tháng nay mà nó gặp mỗi sáng khi đi chợ.

Đó là một thanh niên đẹp trai, đẹp trai theo con mắt nó, sáng nào cũng thơ thẩn trong mấy ngôi mộ cỏ xanh rêu, nhất là hay đứng rờ rẫm cây đào lộn hột lâu đời, vỏ sù sì và đen thui. Ban đầu nó không biết hấn mù, vì hấn luôn luôn đeo kiếng mát, ăn mặc sạch sẽ và sang trọng, và không có cử chỉ quờ quạng của những kẻ mò đường.

Nhưng hấn ở đó mãi rồi ai cũng biết bí mật của hấn cả, do con cái của người dì họ mà hấn ở trọ loan ra.

Con Dừa là đứa con gái xấu xí nhất xóm, mà có lẽ xấu xí nhất nước Việt Nam cũng nên. Tuy nhiên nó không đàn độn và sức khỏe của nó dồi dào nên nó đã biết mơ yêu từ mấy năm nay.

Lúc vừa khám phá được tật kín của người thanh niên mới tới xóm, nó tiếc sao con người đẹp đẽ như vậy mà lại mù. Nhưng rồi nó thấy đó là điều hay cho nó. Nó cho hình ảnh hư ảo của vị hoàng tử đẹp trai của những giấc mơ yêu của nó nhập vào anh con trai mù, vì con người thật bằng xương bằng thịt vẫn hơn một hình bóng mơ màng, người con gái nào chắc cũng đã làm như vậy.

Mà sở dĩ nó dám cho nhập như vậy, và cho nhập một cách ổn thỏa, lòng nó không ngập ngừng, là nhờ bệnh mù lòa đã hạ bệ người con trai tiểu tư sản này xuống tới giai cấp của nó : Nó nghĩ rằng mặc dầu hấn đẹp trai, hấn có vẻ người ăn học, hấn vẫn kém sút người của giới hấn, tức là nàng có thể với lên.

Con Dừa sống những ngày vui vẻ với người tình tưởng tượng, người tình không quen biết, khá miễn nguyện với những buổi gặp gỡ nơi khúc quanh. Nó thường dừng chân lại ngắm chàng giây lát để ước ao được săn sóc chàng, đưa vai cho chàng vịn để cùng nhau đi ngoài phố. Nó chỉ dám yêu đến mức đó thôi, vì dầu sao cái uy tín “dân thầy” của người con trai vẫn còn và uy tín ấy đã làm nó mặc cảm.

Nó sợ, nhưng càng sợ càng yêu nhiều, và rất khổ sở mà không được yêu cụ thể. Rất nhiều hôm, nó muốn liêu, đến gần chàng, nhưng cứ sợ người ta cười, và sợ bị chàng hắt hủi rồi phải tủi thân.

Mấy đứa con của người dì họ của chàng rao lên rằng chàng là “văn sĩ”. Cả xóm, kể cả gia đình bà dì ấy, không ai biết văn sĩ là cái quái gì, nhưng nghe danh từ lạ, nó thán phục chàng lắm và càng mặc cảm hơn.

Đêm nay. . . đường vắng, không ai thấy cả. Con Dừa dừng bước, do dự rất lâu trong sự hồi hộp rồi cố gắng vô biên, nó nhẹ bước đi vào đám mộ.

- Anh ! Nó kêu lên nho nhỏ.

Thanh niên giật mình, làm thình một lát rồi hỏi :

- Cô là ai ?

- Em là Hoàng Mộng Dừa.

Nghe cái tên lổ lảng và dốt nát, thanh niên suýt bật cười, nhưng hấn cầm giữ được và hỏi :

- Giọng cô là giọng miền Nam, sao cô lại họ Hoàng ?
- Dân miền Nam không mang họ Hoàng à ?
- Không bao giờ.

Con Dừa ngạc nhiên hết sức. Nó có biết đâu điều đó. Hoàng Mộng Dừa là tên thật mà cũng là tên giả của nó, thật vì trong căn cước của nó có ghi rõ ràng : Hoàng Mộng Dừa, nhưng tên ấy không phải cha mẹ nó đặt ra.

Nguyên năm ấy nó đi ở mướn cho một cô vũ nữ tên - hay hiệu - là Hoàng Mộng Thúy. Cô ấy lại có một người em gái tên - hay hiệu - là Hoàng Mộng Điệp. Nó nghe hay quá, và ước ao được tên đẹp như vậy. Cô vũ nữ nói đùa :

- Vậy mày nên lấy tên là Hoàng Mộng Dừa đi. Người miền Nam ta phát âm sai, Mộng dừa, không có dấu mũ, nhưng họ đọc y như là Mộng dừa.

Cô ta đùa như vậy vì thấy cái mặt nó tròn bầu bĩnh như cái mọng dừa khô. Vả lại cô ta cũng dốt, hiệu của cô ta, cô ta nhờ bỏ đặt cho, còn tự cô ta đặt thì cô ta còn biết Mộng gì bây giờ. Dừa không biết ắt, giáp gì, nghe Hoàng Mộng Dừa cũng kêu lẩm nên chíp trong bụng. Kịp năm sau, tới tuổi lấy giấy căn cước, nó khai tên đó, và nhờ chủ nó bịa ra tên cha mẹ cho ăn khớp với lời khai tên. Nó không được khai sinh lúc ra đời, nên lại nhờ chủ nó chứng cho và được thẻ với cái tên mà người hiểu biết, ai nghe cũng ôm bụng cười.

Sợ thanh niên nghi kỵ, nó nói láo :

- Em là người Hà Nội VI CƯ DÀO đây mà !

Muôn nhái giọng Bắc, nó lại phát âm sai chữ D và chữ V.

- Thế à ? Thế cô tìm tôi có việc gì ?

- Em. . . em. . . thương. . . anh.

Nó ghen ngào, chỉ nói được có bấy nhiêu đó rồi thở hổn hển, mồ hôi toát ra đầm dề.

- Có sớm lắm hay không ?

Con Dừa hiểu lầm tiếng “sớm” vội giúp hấn vững lòng :

- Phải còn sớm lắm, nhưng họ đã đóng cửa hết rồi. Vả lại, em liều không thềm sợ ai hết.

- Không, tôi nói sớm là ta chưa quen biết nhau, thương yêu vội vàng như vậy sao được. Dầu sao, tôi cũng cảm ơn cô.

- Sao lại không biết nhau. Em biết anh là Văng Xĩ, còn em, em là nữ xinh, ba em làm Ủy viên Cán bộ Chủ tịch, nhà ở đằng kia.

Con Dừa thấy nữ sinh «le» lắm nên mới xưng láo như vậy. Còn về ba nó, thì nó đã trót nói là người VI cư mới DÀO, thì phải chọn cho ông thợ mộc ấy một cái nghề gì có vẻ miền Bắc. Nhon thấy trong xóm có vài người miền Bắc làm gì ở đâu xa lắm, thỉnh thoảng mới về một lần, mang những chức vụ có mấy danh từ na ná như trên, nó mới gom tất cả các danh từ ấy lại làm một, để tăng uy tín cho ông bố thợ mộc của nó.

- Lần này, thanh niên phải bật cười ra tiếng vì cái chức kỳ cục «Ủy viên Cán bộ Chủ tịch» ấy.

- Anh cười gì ?

- Tôi. . . à. . . tôi. . . thấy là như vậy cũng chưa biết nhau nhiều.

Con Dừa rầu lòng than :

- Anh không thấy đường, em làm thế nào để giúp anh biết em thêm !

- À, cô nói đúng đó.

- Như vậy, anh bằng lòng được với bấy nhiêu đó hay không ?

- Kể ra thì cũng được. Nhưng mà, tôi bị bắt chợt, tôi chưa nghĩ gì về cô hết.

- Rồi anh sẽ nghĩ. Miễn là mỗi đêm, anh cho em gặp ở đây.

- Rất vui lòng.

“Từ ngày ngộ bệnh thành linh, Thanh lui về nương nấu nơi xóm này cho đỡ tốn. Chàng tủi thân lắm và rất cần một an ủi tinh thần. Vả chàng đương tuổi trai, sinh lực cũng dồi dào như con Dừa, mà vì bệnh tật, túng thiếu, chàng không được gần phụ nữ cả năm rồi, nên nhu cầu sinh lý đang mãnh liệt nơi người chàng, thứ nhu cầu nó thường xui người ta nhắm mắt, không đắn đo.

Cứ bằng vào mấy câu đối thoại trên đây, thì họ phải chia tay để rồi gặp nhau nữa, hầu biết nhau lần lần, nhưng Thanh lại đưa tay ra sờ soạn tìm người con gái có cái tên ngộ nghĩnh, vừa thơ mộng, vừa củi đụt, khiến chàng không thể căn cứ vào cái tên để tưởng tượng nàng đẹp hay xấu.

Còn Dừa mỉm cười, đưa tờ báo ra cho tay chàng đụng phải.

Thanh hỏi :

- Em đi mua báo về cho ba đây chắc ?

- Dạ.

Nó lại nói láo nữa. Ba nó không bao giờ đọc báo. Nó mua giùm cho bà Sáu vé số, một bà chuyên “cho tiền” các tay bán vé số lẻ. Nó rất mừng mà thấy Thanh đã đổi lời xưng hô và đánh bạo nó nắm lấy tay chàng.

- Em thơm lắm, - chàng khen khi nó ngả đầu vào ngực chàng,

Đêm nay, như con gái bà Sáu trang điểm để đi xem hát, nó kẻ một chút xiu phấn thơm và nước hoa, hai bữa bồi đã giúp phần nào quyết định của nó khi bước chân vào đây.

- Anh cũng thơm lắm.

- Em mấy tuổi em ?

- Dạ, mười tám.

- Em đẹp hay không ?

Thanh vừa hỏi, vừa sờ tay mò mẫm những chỗ lồi lõm trên mặt bạn.

- Ảnh của em được trưng trong tủ kiếng tiệm chụp hình ngoài chợ.

Dừa tự sụt đến ba tuổi và tự tăng nhan sắc của mình lên đến bậc được bày ảnh nơi tiệm hình.

- Em nè ?

- Dạ.

- Anh mù lòa.

- Em biết rồi.

- Anh nghèo lắm.

- Không sao.

- Hiện giờ anh vẫn kiếm được chút ít tiền, nhưng phải để dành cho đủ hầu mổ mắt.

- Anh làm gì ?

- Làm “Văng xỉ” như em nói đã biết rồi, khi nãy.

- Ừ, nhưng anh làm gì mới được chớ ?

- Anh viết tiểu thuyết đăng báo.

- A, hay, hay quá, bà Sáu biểu em mua báo để coi cái tiểu thuyết «Thu sang, lá rụng, người về bơ vơ» mà đọc lên ai cũng khóc hết. Trời, anh giỏi quá.

Con Dừa bị lộ đuôi vì vừa buột miệng khai sự thật là nó mua báo giùm cho bà Sáu nào đó không biết. Thanh thấy rằng nó vừa quê dốt, vừa giả dối. Nhưng chàng bỏ qua tất cả từ lúc nghe mùi hương nơi tóc nó từ lúc nghe hơi nóng và nhịp tim của nó trong lòng chàng. Chàng đĩnh chánh :

- Không, anh không có viết truyện đó. Anh viết truyện «Lúa vàng phần nộ».

- Sao nghe không hay bằng cái kia.

Thanh cười, hôn lên tóc nó rồi hỏi :

- Cái này có lẽ hay hơn tất cả, có phải không em ?

- Dạ phải.

Từ đó mỗi ngày, đi chợ ngang qua khúc quanh Cây Đào, con Dừa đều đặn hăng lên để thấy Thanh vịn gốc đào, ngó ra mỉm cười với nó, và mỗi đêm, họ đều gặp nhau ở đây, sau khi trẻ con thôi chơi giỡn.

Nó thấy rằng «anh Thanh» nói chuyện nghe hay lắm, mặc dầu nó không hiểu hơn tình của nó nói những gì. Thắc mắc đầu tiên của nó được Thanh giải đáp như thế này, nó nghe mê, mặc dầu không thỏa mãn.

- Tại sao ngày nào anh cũng ra đây rờ rẫm gốc đào ?

Thanh nhìn qua hướng cây đào lộn hột cổ thụ, cây đào độc nhất của một vườn đào ngày xưa nào, còn sót lại trong xóm nhỏ mọc giữa một khóm mộ cổ, không bị người ta đồn đẽ lấy chỗ cất nhà. Chàng say sưa nói :

- Tất cả cuộc đời đều xóa nhòa nơi trí tưởng của anh, anh quên hình dáng và màu sắc của mọi thứ, chỉ trừ cây đào lộn hột thiên niên này thôi, cái vật đẹp vô cùng mà khi chưa bình, anh thường ngắm, mỗi lần vô xóm này thăm dì anh. Em có thấy rằng nó đẹp hay không ? Cây cổ thụ nào cũng đẹp cả vì nó gợi nhớ cả một thời dĩ vãng mà nó là nhơn chứng. Nó đã thấy Sài Gòn ngày xưa, hay nói cho đúng đã thấy một làng Sài Gòn ngày xưa với nếp sống chắc lạ lòng lắm, không hẳn thôn quê mà cũng không hẳn thành phố. Nó đã thấy mấy gia đình phú hộ ngoài Sài Gòn vào đây chôn ông, chôn cha, rồi tàn rụi luôn, không còn ai để trở vào đây săn sóc mồ mả nữa cả.

Riêng cây đào này nó mọc lên cao được hai thước rồi nằm ngang, trông như một cây tùng quì của bộ cây cảnh non bộ nào. Hình ảnh cằn cỗi, cổ kính của nó là hình ảnh độc nhất của cuộc đời, còn ghi rõ nơi trí anh, nên anh thương mến nó lắm.

Họ ngồi hụp trong thành ngôi mồ bằng vôi trộn nhót ô dước, to lớn nhứt khóm, không ai trông thấy được cả, để tận hưởng hạnh phúc riêng của họ, Dừa thì hoàn toàn sung sướng trong tay người tình đẹp trai và thanh nhã với sự ăn học của chàng, Thanh thì cũng hoàn toàn sung sướng với trên tay một thiếu nữ mà chàng “mù quáng” yêu, không biết mặt mũi ra sao cả, nhưng cứ đinh ninh là nàng xinh đẹp vô cùng.

Họ yêu nhau như vậy được sáu tháng, không hề có con sóng gió nào làm xao xuyến mối tình của họ cả. Nhưng một đêm kia, trong cuộc hội kiến thường lệ, Dừa buồn rầu báo tin cho bạn hay rằng nó đã có thai !

Thanh chết điếng một hơi rồi hỏi :

- Em chắc hay không ?

- Chắc lắm. Em lén hỏi nhiều người, họ đều nói em có dấu hiệu ốm nghén.

Qua cơn kinh sợ đầu, Thanh vui vẻ trở lại và an ủi bạn :

- Em đừng lo, độ nửa năm nữa là anh có đủ tiền mổ mắt. Chừng ấy, anh sẽ làm ra nhiều tiền để nuôi em và nuôi con. Anh sung sướng lắm mà nghĩ rằng khi ra khỏi cảnh mù lòa, anh sẽ thấy mặt cả hai người thân yêu, em và con. . .

- Nhưng bây giờ, em biết ăn nói làm sao với ba má ?

- Em cứ nói thật, anh dám chịu trách nhiệm.

Nhưng trái đời nhứt thế gian, con Dừa quyết định không nói sự thật, khi có một chàng con trai lương thiện hiếm hoi dám đứng ra lãnh lấy gánh nặng mà phần đông con trai khác đều trốn tránh.

Nó giấu mẹ đẻ nôn ọ, bịt bụng để che cái thai. Nhưng khi thai được bốn tháng, không thể delay điếm được nữa, nó đành nhẫn nại đợi sự trừng phạt.

Má nó sanh nghi đã lâu vì thấy nó sức còn con gái mà tự nhiên biếng ăn, không đau ốm gì mà cứ rả rượi và thỏn cả hai má vô. Hôm ấy bà nhìn kỹ con Dừa rồi thấy rằng không thể làm được, bà chết sống rất lâu rồi chụp lấy nó mà cật vấn :

- Có phải là mày có ghen hay không ?

- Con không biết.

- Đồ dịch, đồ quỷ, đồ yêu, đồ ngựa bà. Rõ ràng là có ghen đây chứ còn gì nữa. Mày lấy ai hũ con khôn kia ?

Con Dừa cứ đứng làm thinh rồi toan bỏ đi. Má nó lại chụp nó một lần nữa và chưởi :

- Đồ con báo đòi, đồ con trời đánh, mày lại định để vậy dặng bêu xấu tao với ba mày hả ? Trời đất quỷ thần ơi, ngó xuống mà coi. Cả dòng cả họ tôi, bên nội bên ngoại có ai mà hư thân mất nết như vậy hay không nè !

- Ăn thua gì với má mà má làm rùm ?

- Trời ơi, bà con xóm giềng nghe nó nói trọ họng đây nè. Sao tao lại không ăn thua. Mày lấy ai, phải nói ra, để tao bắt nó cưỡi mày, chứ để cái bụng bình rĩnh, xóm giềng cười tao với ba mày thúí đầu.

- Con không biết má à !

- Sao lại không biết ?

- Con gặp người đó có một lần, rồi y đi mất.

- Con này nói khó nghe dữ ! Gặp một lần mà có chữa được sao.

Nó không cãi lẽ, nhưng nhứt định giữ “lời khai”.

Nồi nóng, má nó rút roi mây, chiếc roi sấm để đánh các em nó, mà quất nó một trận toí bời. Đánh đến mỗi tay, má nó buông roi, chườm nó một hơi nửa rồi tạm dẹp cuộc thăm vắn lại.

Con Dừa cắn răng làm thỉnh, không hề hít hà một tiếng. Tối lại má nó bèn đem sự khám phá ra để báo cho ba nó hay. Chú Đán đi làm trên trại hòm vẻ còn mệt, nên làm thỉnh ăn cơm, mắng sơ vớ : “Hứ, đờn bà hư, có con mà không biết giữ. Lời tục người ta nói con hư tại mẹ là phải lắm. Giao cho mà lo cho tròn, không thôi, hai mẹ con chết với tao ! ”.

Rồi chú ấy tiếp tục ăn, ăn xong đi ngủ, như không có gì xảy ra cả. Thím Đán biết chồng là tay độc thủ, chú ta càng không nói gì, càng đáng khiếp sợ hơn bởi luôn luôn sau những lần làm thỉnh như vậy, chú hành động rất dã man, tàn nhẫn. Những trận đòn mà thiêm thỉnh thoảng phải chịu, làm cho thím khiếp vía mỗi khi nhớ đến. Vì thế mà sáng hôm sau, thiêm lại cật vắn con :

- Mày khôn hồn thì nói thiệt để ba mày với tao lo. Bằng không ba mày nó nổi giận lên thì nát xương, mày biết chứ ?

Con Dừa đã cả quyết, nên hôm nay nó không buồn đáp lại một lời. Thím Đán tra vắn một hơi vô hiệu quả nên nổi xung thiên, thiêm rút roi mà quất như mưa. Cả mặt, cả tay con Dừa đều mang lằn ngang, lằn dọc đỏ như vẽ bằng son Tàu, kể những lằn roi trên lưng, trên vế, trên mông, không thấy được.

Nhưng rốt cuộc thím Đán cũng phải chịu thua nó vì quá mỏi tay. Nó lì như trâu, cứ làm thỉnh mà chịu, không nói không rằng gì cả.

Bồn hôm trôi qua, thím Đán xoay ra năn nỉ con, dỗ ngọt nó, mong đổi chiến lược, thím sẽ moi ra được tiết lộ nào chẳng. Thím thương con, muốn nó được một tấm chồng, và rất lo sợ nó sẽ bị trận đòn nhứt sanh nhứt tử của chồng thím.

Năn nỉ không xong, thím mua chuộc lời khai của nó bằng cả bao nhiêu tiền dành dụm chắt mót được của thím, nhưng thím chỉ hao hơi mỗi miệng mà thôi.

Túng thế, thím Đán phải thú thật bí mật gia đình cho vài người bạn gái rất thân nghe, để nhờ họ dỗ con Dừa. Nhưng tất cả những người đòn bà khôn khéo ấy đều thất bại.

Ngày chúa nhật, chú Đán nghỉ làm, theo luật lao động. Sáng dậy, chú đi uống cà phê và la cà ngoài chợ cho tới gần mười giờ mới về. Chú hỏi vợ :

- Má nó đi chợ có mua ớt hiểm hay không ?
- Có, chi vậy ?
- Má nó đâm cho tui một chén muối ớt.

Thím Đán rụng rời vì thím đã nếm mùi muối ớt nhiều lần rồi. Nhưng sợ chồng, thím không dám hó hé, vội thi hành mạng lệnh ngay. Khi thím làm xong công việc mà chồng thím giao phó, chú Đán bước xuống nhà sau, bắc ghế đứng lên rồi rút từ trên giàn bếp xuống một chiếc roi đuôi cá đuối.

Thím Đán rung rung nước mắt, còn con Dừa thì tái cả mặt, toan bỏ chạy. Ba nó cười gằn một tiếng rồi chụp tóc nó, đè đầu nó xuống đất. Đoạn chú ta rẽ tóc con, làm thành hai sợi dây đánh, cột tóc ấy lại nơi chơn cột nhà bếp.

Chú ta bình thân và chậm rãi như một nhà nho thời xưa, làm cái công việc ghê gớm ấy mà không lộ một tí sắc giận, y như là cột con gà hay cột một bó dây lạt.

Thím Đán mếu máo nói :

- Vừa vừa ông ơi, kéo chết con tôi.

Người mẹ đã mang nặng đẻ đau nào cũng thương con nhiều hơn cha, và đau lòng hơn khi thấy xác thịt con họ bị giày vò, chà đạp. Phương chi, chính thím đã biết tay ác hiểm của chồng thím hơn ai cả, thì làm thế nào mà thím an lòng được khi nhìn bao nhiêu chuẩn bị đó.

- Dừa ! Chú Đán gọi.

- Dạ !

- Mày lấy ai mà có chữa ?

- Dạ con không biết.

- Hừ ! - Chú Đán cười gằn. Như vậy thì tao phải liều như không có đẻ mày.

Nói xong, chú quật xuống một roi, kêu cái trót, nghe như con Dừa đang đứt làm hai đoạn. Thím Đán nín thở, lũ em của Dừa im thin thít, còn con Dừa thì cắn răng, cố nằm yên, không nhúc nhích.

Đoạn trót. . . rồi trót. . . rồi trót. . .

Chú Đán quất độ hai mươi roi thật thẳng tay lên lưng, lên mông con Dừa, vẫn cứ bình thản như là người ta đập một tấm nệm phơi cho bay bụi ra vậy. Xong chú giở áo nó lên. Thím Đán bậm môi, ngó lơ đi nơi khác. Những lần roi, nổi gân lên đỏ lôm, vắt ngang qua lưng con Dừa. Chú Đán với tay cầm chén muối ớt ra thoa lên các lần roi ấy, như một bà nội trợ ướp cá.

Lần đầu tiên, con Dừa hít hà và cựa cựa. Muối ớt thấm vào thịt, qua các vết thương mới, làm cho nó đau đớn vô cùng. Chú Đán nhíp roi lên mông nó, chờ đợi một hơi kết quả của cách tra tấn riêng của chú, rồi hỏi :

- Mà chịu khai hay không ?

Con Dừa vừa hít hà, vừa đáp :

- Con không biết ba à !

Thím Đán rửa thềm nó : “Thật là đồ cổ lì, như thằng cha nó. Quả rau nào sâu nấy”.

Trận quật lại tiếp diễn, liên tu bất tận, khiến thím Đán nghe chóng mặt quá. Khi thím nghe con Dừa rên ư ư và nhìn thấy toàn thân của nó run rẩy lên, thím van chồng :

- Tôi lạy ông, nới tay giùm một chút. Dầu sao, nó cũng là máu mủ của ta.

Đề đáp lại lời cầu khẩn của vợ, chú Đán mạnh tay thêm và mau tay thêm. Chiếc roi lên xuống kêu vù vù và không ai trông thấy nó được nữa.

Con Dừa rên hừ hừ rồi khóc lên vài tiếng ngắn mà nó cố bóp cho chết. Thím Đán khóc lớn và lũ trẻ em của Dừa, đua nhau mà khóc rùm, khiến người lân cận ngõ nhà có ai vừa mới tắt hơi.

- Hu. . . hu ông ơi, chết con, ông ơi ! Ông cứ đánh tôi đi vì lỗi cũng tại tôi mà ra.

Khi hàng xóm chạy tới thì thấy thím Đán nhào vô mà đỡ đòn cho con. Thím nằm sấp trên mình con Dừa, hứng lấy tất cả bao nhiêu cái vút của ngọn roi nhám, lồm chồm những cái gút cứng như đá của đuôi con cá đuối biển, dài đến hai thước tây.

Chú Đán vẫn không ngớt tay quát, có lẽ chú nghĩ rằng đứa nào đại, nhào vô thì chịu lấy, và vợ chú cũng đáng đòn lắm.

Nhưng lúc mấy bà láng giềng nhào tới thì chú buông roi liền, không phải vì nể họ mà vì chú đã mỏi rụng cánh tay rồi. Chú thở hổn hển, bỏ đi lên nhà trên.

Thiên hạ xem lại thì con Dừa đã ngất đi từ lúc nào không biết. Họ vội ngậm nước phun lên mặt nó một hơi, nó mới tỉnh dậy,

Bằng đi mười hôm, con Dừa không đến với bạn. Trong mấy ngày đầu Thanh thắc mắc rồi đâm ghen. Con Dừa có ghen hay không, không chắc lắm. Quả chàng đã sờ bụng nó và thấy khác thường, nhưng cũng không phải là bằng cứ rõ rệt. Có thể nó ăn quá no trước khi đến rồi đặt điều cho vui vậy thôi. Và nó có thể chán anh mù để đi theo anh chàng nào khác.

Rồi chàng nhớ nhung người bạn đã an ủi cảnh đời tăm tối của chàng và rất cuộc lo lắng vì đoán nó có thể bị tai nạn gì cũng nên.

Đêm đêm, chàng vẫn ra khóm mộ cây đào lộn hột, vì thói quen, mà cũng là để đi hành hương ở một nơi mà chàng đã qua một đoạn đời tình cảm có lẽ thú vị nhất đời chàng.

Đêm ấy, chàng thấy hơi sương lạnh, vừa toan trở gót, bỗng nghe lá đào khô cựa mình dưới đất vì có chơn ai đạp lên đó. Chàng không dám vội mừng, sợ phải thất vọng, nhưng bỗng có tiếng gọi nho nhỏ.

- Anh !

- Ủa em ! Trời ơi, hôm nay em đi đâu. . .

- Em bệnh mới đỡ.

- Vậy à ? Em bệnh làm sao ?

Con Dừa cầm tay bạn, dẫn cho hấn sờ lên lưng nàng, lên hông nàng.

- Trời ơi, sao em ra thế này ?

- Ba đánh đòn.

- Trời ơi, sao vậy ?

- Ba đánh đến em chết giấc, nhưng em vẫn không khai. Rồi em nóng lạnh nằm li bì.

- Không khai cái gì ?

- Không khai anh ra.

- Bậy nà ! Trời, em dại quá ! Anh đã nói là anh chịu trách nhiệm kia mà !

- Không, em quyết không hại anh.

- Em nghĩ sai. Có hại anh chỗ nào đâu. Bất quá ba má bắt anh cưới em là cùng.

- Không, em thương anh lắm không đành làm khổ anh.

Một lần nữa, con Dừa đã nói láo. Sở dĩ nó quyết chịu chết chứ không khai tác giả của cái thai là chỉ vì lợi riêng thôi.

Thanh yêu nó mà không ai biết và không biết nó là ai và ở đâu, và ngờ nó xinh đẹp lắm. Nếu câu chuyện đổ bể tùm lum, sẽ có kẻ cho chàng biết rằng chàng đã áp yêu một cô gái bản nhứt xóm và xấu xí nhứt Sài Gòn. Chàng sẽ vỡ mộng và không yêu nó nữa.

Không, nó phải là cây đào lộn hột thứ nhì trong đời chàng, nó phải là hình ảnh thân yêu thứ nhì trong trí tưởng của kẻ mù lòa, hình ảnh thứ nhất là hình ảnh thật mà chàng còn giữ được và trung kiên với hình ảnh đẹp ấy; hình ảnh thứ nhì là nó, chàng chỉ mới tạo ra trong cảnh mù lòa đây thôi, nhưng cũng mến yêu lắm và trung kiên lắm với cái đẹp tưởng tượng của hình ảnh sau đó.

Khai chàng ra, gia đình nó, và cả thiên hạ đều sẽ biết mối tình thầm lén này, và Thanh sẽ biết nó là ai, một đứa nghèo hèn, đen đúa và xấu như ma.

Không, nó phải hoàn toàn là bí mật, là một bóng ma trong đời chàng, là một ảo ảnh mà chàng mê say như bất kỳ ảo ảnh tốt đẹp nào trên đời này.

- Em nè.

- Dạ.

- Em tên thật là gì, và con của ai ?

- Đã nói em tên Hoàng Mộng Dừa mà.

- Anh không tin rằng tên em lại kỳ cục như vậy. Em là con của ai, ở xóm nào, nói cho anh biết, anh sẽ tìm đến tạ tội với ba má.

- Không.

- Anh lay em, sờ thấy vết thương trên người em anh sốt ruột, đau lòng lắm.

- Không, nhứt định không.

Chú Đán chỉ đánh con có một lần thôi, rồi bỏ trôi luôn. Chú là kẻ biết rõ sức chịu đựng của con người. Khi con Dừa chịu đựng được như thế thì chỉ còn có nước chịu thua nó thôi. Và câu chuyện cũng tùm lum ra rồi, ai cũng biết nó chữa hoang cả rồi thì không còn cứu vãn được.

Thôi, cũng xong một đời nó. Trong giới lao động của chú, người ta đã dám công khai nuôi nấng và thương yêu những đứa con hoang mà rất cuộc đời vẫn tốt đẹp, và rồi không ai cười ai cả.

Chú Đán bỏ trôi, thiểm Đán nhẫn nại chịu cảnh không được gả con lấy chồng và cái thai của con Dừa cứ lớn một cách suôn sẻ.

Đến cuối tháng thứ chín, Thanh cho bạn một số tiền để ăn đẽ. Chàng vui vẻ báo tin cho bạn hay rằng độ nửa tháng nữa là chàng đi mổ mắt vì đã đủ tiền rồi. Chàng sẽ thấy mặt vợ con, và sẽ tìm cha mẹ vợ mà xin thú phạt.

Con Dừa hoảng hốt vội ngăn :

- Đừng, anh không nên mổ, rủi ro chết thì em khổ lắm.

- Không chết đâu.

- Ai biết được. Nên để dành tiền là hơn. Em sẽ đi làm đẽ nuôi anh. Ta tìm một căn nhà ở xa đây, rồi ở chung với nhau.

- Em bắt anh đui mù trọn kiếp sao ?
- Có hại gì đâu, anh mù mà em cứ thương anh là đủ rồi.

Thanh sung sướng lắm, hôn bạn lu bù, nhưng chàng quyết không nghe lời khuyên mà chàng ngỡ là do tình yêu của bạn.

Trong khi con Dừa nằm chỗ thì Thanh đi mổ mắt thật và chàng sáng ra, về nhà một lượt với bạn chàng đầy tháng.

Giờ sáng rồi, Thanh lại không biết bạn ở đâu mà tìm. Nhưng con Dừa lại thấy bạn nó ra khỏi cảnh mù lòa. Sáng sáng, đi ngang qua khóm mộ cổ, nó gặp người thanh niên đẹp trai đứng dựa gốc cây đào lộn hột, mắt không đeo kiếng mát nữa. Trước đó, nó đã xin với bạn cho nó thấy đôi con mắt bệnh của chàng mấy lần, chàng đã bỏ kiếng mấy lần khi nó đi chợ ngang qua đó và đánh tiếng lên. Nên chỉ ngày nay, nhìn sự khác biệt giữa tình trạng trước và tình trạng bây giờ, nó biết ngay Thanh đã mổ mắt xong.

Hơn thế, cuộc giải phẫu ấy thành công vì Thanh đã nhìn đây, nhìn đó, mỉm cười khi thấy một đứa bé chạy té trên ngõ.

Nó đi qua, Thanh thấy nó, nhưng không hề nhìn. Đối với Thanh, nó không chỉ là một kẻ xa lạ thôi, mà là một kẻ xa lạ không đáng chú ý. Nó vừa xấu vừa rách, trông bần cùng quá đi mất, ai còn chú ý đến làm gì.

Con Dừa tủi thân, rung rung nước mắt. Khi nãy có mấy giây nó mừng quính muốn nhảy đến ôm lấy bạn mà mừng, nhưng giờ thì nó thấy rõ rằng hẳn sẽ đẩy nó ra, cho dầu biết rằng nó là nó, biết rằng nó là thiếu nữ mà chàng đã ôm ấp trên tay và thương yêu một cách chân thành.

Chàng sẽ kinh ngạc, rồi ghê tởm nó, rồi xấu hổ vì nó. Trời ơi, chàng vẫn trung thành được với hình ảnh cũ của cây đào lộn hột mà chàng vuốt ve trong những ngày u minh của chàng, còn mình thì không ! Trời ơi, thế là hết rồi, những ngày diễm ảo của chàng và của mình !

Không, chàng đã ra khỏi cảnh mù lòa, nhưng không nên để chàng ra khỏi giấc mơ tiên của chàng. Dầu sao, mình cũng mất chàng nhưng ít lắm hình ảnh giả vờ Hoàng Mộng Dừa cũng phải được lưu mãi nơi trí chàng.

Con Dừa lảo lủi bước, nước mắt rơi ướt cả mặt nó.

Hôm ấy, chàng đang ngồi buồn, định đọc cho thẳng bé con của người đi viết một đoạn tiểu thuyết, lối mượn tay những ngày bệnh tật, đã thành thói quen, thì một đứa bé bước vào sân có vẻ tìm nhà ai.

- Gì đó - chàng hỏi.
- Tôi kiếm nhà thầy Thanh.
- Ở đây. Có chuyện gì ?
- Có thơ cho thầy.

- Thơ của ai gởi ?

- Của chị tôi.

Thanh mừng đến muôn ngợp thở. Chàng sẽ níu thằng bé và sẽ tìm ra tung tích vợ con chàng. Đưa tay nhận mảnh giấy xếp nhỏ, chàng nhìn đứa bé mang thơ và thấy nó rách và dơ quá, khiến chàng thắc mắc về bạn của chàng hết sức.

Thằng bé trao thơ xong, toan đi. Nhưng Thanh níu nó lại và nói :

- Đề rồi đi với anh. Anh cần gặp chị.

- Đâu được, chị tôi chết rồi.

- Chết rồi !

Thanh kêu lên, rồi đứng đó mà chết điếng. Lâu lắm, chàng mới hỏi thêm được :

- Chết hồi nào ?

- Bảy ngày rồi, chôn rồi.

- Trời ơi !

Thằng bé bảy giờ mới khóc. Nó đã khóc nhiều, nhưng đã quên được rồi. Giờ nó thấy cảnh bi thảm, người thanh niên trước mặt nó đang rung rung lệ, nó mới sức nhớ đến đau thương trong gia đình nó. Nó mếu máo nói :

- Chị tôi lúc gần chết, đưa thơ này dặn tôi tìm thầy mà trao, lại dặn tôi đừng cho ai biết hết.

Thanh rơi xuống ghế rồi úp mặt lên bàn mà khóc mù.

Chiều hôm đó, chàng dạo hỏi rồi đi thăm mộ bạn, chôn trên đất chùa ông Tạ. Chàng đã biết rõ nguyên do cái chết của Hoàng Mộng Dừa, người tình yêu mến mà không bao giờ biết mặt, nhờ bức di thư của nàng.

Con Dừa học chữ ở một lớp học bình dân, viết không rành rẽ, nhưng chàng vẫn hiểu được ý nó muốn nói gì trong đó.

Đến nơi, chàng lấy nhang ra thắp ba cây cắm lên nắm mộ mới đắp rồi vừa khóc, vừa lầm bầm : “Em Dừa ơi, em đẹp hay xấu, sang hay hèn, anh không cần biết. Anh chỉ biết rằng anh đã thành thật yêu em và em đã cho anh hạnh phúc thật to lớn nhất của đời anh. Không, em sẽ còn mãi mãi, trường cửu tồn tại nơi lòng anh còn lâu bền hơn là cội đào lộn hột nó sẽ chết đi một ngày nào đây và anh quên nó dễ hơn là quên một người đáng thương như em vậy”.

Nhật báo Buổi Sáng, 1962.

KHÔNG MỘT TIẾNG VANG

Dòng nước đã đứng ròng. “Đứng” là không chảy nữa, còn “đứng ròng”, khác với “đứng lón” là dượng chảy xuôi dòng ra biển, chớ không phải dượng chảy ngược nguồn, như khi nước đã ròng sát.

Rình con nước từ sớm đến giờ, anh Nhánh nói :

- Thôi, phụ đem ghe ra cho tao, mày.

Anh gọi vợ anh theo lối nhà quê, kêu chị bằng “mày” và xưng “tao” với chị.

Chị Nhánh đang thổi lửa nấu cơm, vội đứng lên, rồi cả hai vợ chồng nhổ sào, chống chiếc ghe nhỏ ra giữa dòng sông.

Khúc sông Đồng Nai ở đây khá rộng, và đó là con sông sâu, tàu lớn chạy được. Nhưng kỳ lạ chưa ! Hai vợ chồng anh Nhánh chỉ dùng sào ngắn mà chống, đầu sào chìm dưới nước cỡ lối ba thước thôi.

Khi ghe ra tới giữa dòng sông, họ không bỏ neo mà cũng chỉ cắm sào như trong bờ cạn, làm như đây là một con rạch nhỏ, thật nhỏ.

Anh Nhánh mặc quần đùi, mình trần trụi trụi đưa cái lưng đen thui ra. Anh cầm một cái thúng nhỏ, đứng trên be ghe và toan “lông rông”. Nhưng chị Nhánh nói :

- Khoan đã ! Để tôi bắc nồi cơm.

Đây là một loại công việc phải hai người làm mới được, nên anh đành phải đợi vợ nhưng sốt ruột, anh hồi thúc :

- Đại đi ! Cho mau đi !

Nồi gạo vo rồi, được chị Nhánh bắc lên chiếc cà ràng mà bây giờ lửa đã cháy hỏa hào hỏa đế rồi. Chị vội vàng lắm và chị biết chồng chị sốt ruột có lý. Rồi chị chạy trở ra phía trước ngay, nhảy lên mui, để bước cho được lẹ hơn là bò dưới cái mui ghe thấp quá ấy.

Anh Nhánh không day lại cũng biết rằng vợ anh đã ra tới nơi. Anh xách thúng phóng lẹ xuống nước, đầu trước, cẳng sau.

Chị Nhánh nghe một cái tùm, thấy nước bắn lên trắng xóa mà mặt nước khép lại trên người của chồng chị

- Một. . . hai. . . sáu. . . chín. . . mười hai. . . mười lăm. . . hai chục. . . hăm tám. . . băm hai. . .

Chị Nhánh đếm tới đó thì nước dợn rồi một cồn cát nổi lên. Nước trong vắt nên chị thấy được màu cát vàng hồi nó còn ở sâu dưới nước non một thước.

Cồn cát cứ trôi, trôi lặn và nổi lên khỏi mặt nước. Đó là một cái cồn nhỏ bằng chiếc nón lá. . . Không ! Đó là thúng cát đầy vun mà anh Nhánh đội trên đầu.

Thúng cát vừa nổi lên khỏi mặt nước thì chị Nhánh với tay xuống bưng lên đổ vào khoang ghe, vì chậm một chút là chồng chị sẽ hụt hơi : anh ấy xúc cát dưới đáy nước xong, đội thúng lên đầu rồi lấy chơn đạp đáy sông để tự mình bắn vọt lên. Tuy chơn anh mạnh vô cùng và anh tự bắn như có lò so bật, nhưng thúng cát thấm nước ấy nặng quá, nên anh nổi hơi chậm mà thì giờ thì đã trôi qua hơn ba mươi giây rồi.

Rồi anh Nhánh lại lặn với chiếc thúng không và chị Nhánh lại ngồi đếm và rình thúng cát.

Anh Nhánh trước kia là thợ lặn chuyên môn mò cây trên các hàn. Đó là những cây be chở từ rừng về Sài Gòn, bằng đường thủy, dưới những chiếc bè tre. Sông Đồng Nai từng chặn lại có đá hàn, tuy mùa nước nổi bè lọt qua được chớ thỉnh thoảng vài chiếc bè cũng thọ nạn, đứt dây, và cây chìm giữa hàn.

Qua mùa nắng, nước sông tương đối cạn đi, anh Nhánh lặn xuống dưới đáy hàn, mò cây đã mất trong mùa nước, cột dây để trục lên.

Sau này, sức anh yếu đi, nên anh dùng tài lặn của mình một cách không nguy hiểm là xúc cá sát cho một tiệm cháo cá.

Cá sát thịt rất ngon, nấu cháo ăn thì số đzách. Loại cá này chỉ ưa có hai món lương thực, là cặn bã do ruột người loại ra và “hèm”.

Anh Nhánh chiều chiều đội một chiếc cần xé nhỏ đựng một mớ hèm trong đó rồi lặn dưới sông. Cá sát đánh hơi hèm, đổ xô vào giỏ cần xé rồi anh bắn tung người anh lên khỏi mặt nước. Anh chỉ lặn độ mười lặn là hiệu cháo cá đủ bán suốt đêm đó.

Thấy rằng cả đời làm công không đưa anh tới đâu cả, anh Nhánh bèn dành dụm rồi sắm chiếc thuyền nhỏ này, xúc cát chở xuống Sài Gòn bán.

Sông Đông Nai có rất nhiều cồn cát nổi, nhưng những cồn ấy bị họ tới kiếm ăn đông quá, đông đến hết chỗ đứng. Và lại bao nhiêu người cứ đào bới thì chầy ngày cồn nổi nào cũng hóa ra cồn ngầm hết ráo.

Thế nên anh Nhánh mới tách ra, chiếm độc quyền cái cồn ngầm này, cồn đang thời kỳ thành hình, cồn ngầm sâu, không ai thềm rỏ tới, vậy mà thích hơn vì khỏi chen chúc, và anh là thợ lặn thì có cần gì cồn chìm hay nổi !

Anh Nhánh lên xuống đã được ba mươi lần rồi. Nước càng phút càng ròng và mực nước càng phút càng thấp xuống. Chiều sâu của khúc sông nơi đó càng phút càng được thâm ẩn. Thế mà anh Nhánh lại không bao giờ trôi lên trước con số ba mươi mà chị Nhánh đếm.

Chị Nhánh hơi ngạc nhiên vì, lẽ cố nhiên, hể nước cạn thì thời gian lặn phải ngắn hơn.

Lần thứ năm một này, chị Nhánh đếm tới bốn mươi mới thấy dạng thúng cát thấp thoáng dưới mặt nước.

Vừa rước lấy thúng cát, chị vừa hỏi :

- Sao lâu vậy mình ?

- Tao mệt lắm. . . ắm. . . ả. . . m,

- Thì đành là đi nhiều chuyến thì phải mệt, nhưng sao chuyến này đi lâu vậy chứ ?

Anh Nhánh thở hắt hên nói :

- Tao nghe lòng bùng nổ tai quá trời. Ngực với lại màng tai của tao như là có cái gì nặng lắm nó đè lên đó.

- Thì tại mình lặn lâu. Nhưng tại sao mà lâu ? hỏi hoài hông chịu trả lời !

- Không phải vì lặn lâu. Tại tao yếu trong mình nữa. Cái nghề này không làm tới già như các nghề khác được. Còn lặn lâu là tại lớp cát xốp ở trên đã hết. Lớp dưới dễ dặt quá, phải cào lâu mới hốt đầy thúng.

- Thôi, nghỉ một lát.

- Nghỉ sao được ! Làm tới nước đứng lòn mà còn chưa đầy ghe thì đừng có nói chuyện nghỉ.

Rồi anh Nhánh lại lặn. Nhưng mặt nước vừa khép lại là anh nổi lên liền, với cái thúng không. Anh với tay vịn be thuyền, nhưng không rút mình lên được như mọi lần mà anh thót một cái là tới nơi, như con khỉ. Chị Nhánh phải cố sức nắm tay anh kéo lên, anh mới ra khỏi mặt nước.

Nằm dài trên sạp ghe, anh Nhánh thở dốc và nói, giọng đuối sức :

- Tao tức ngực quá.

- Thôi ! Bỏ một chuyến.

- Hồng được. Ghe mình mua trả góp, mà góp trể một kỳ tiền là họ lấy lại.

Chị Nhánh bỏ chồng nằm đó, đi ghé com. Khi chị trở ra thì anh Nhánh hỏi :

- Nước gần đứng lớn chưa ?

- Mới có nửa con nước, còn lâu mà !

- Nửa con nước, nhưng ta chưa được nửa ghe cát.

- Khi mạnh khỏe thì khác, giờ bệnh hoạn thì khác chứ ! Mình cứ muốn đầy ghe trong một con nước sao được !

- Một đầu là một, hai con rồi đó chứ ! Con nước hôm qua không tính à ? Nếu phải bốn con nước thì chết đói còn gì !

Được đâu chừng tàn một điều thuốc, anh Nhánh cố chống tay ngồi dậy. Anh nhìn mặt nước, thở thêm một hồi nữa rồi xách thúng đứng lên toan nhảy.

- Hồng nghỉ thêm hay sao ? - Vợ anh hỏi :

Anh Nhánh không buồn đáp lại vợ, lao mình xuống sông liền.

- Một. . . hai. . . ba. . . mười. . . mười tám. . . hăm hai. . . hăm bảy. . . băm mốt. . . băm chín. . . bốn mươi hai. . .

Chị Nhánh đâm lo. Chồng chị nổi danh lặn giỏi như con rái. Anh Nhánh lặn đến một phút rưỡi là thường. Nhưng lần này thì không thường bởi nước đã cạn lắm rồi, và chồng chị vừa than mệt.

Đếm thêm cho tới chín chục mà không thấy dạng chồng, chị Nhánh quỳnh lên và cúi xuống dòm mặt nước.

Anh Nhánh gỏi lên vài bong bóng rồi số tám tăng lên thật lẹ và nổi lên cũng thật lẹ.

Bỗng chị Nhánh kêu rú lên : cùng với số tám ấy, một màu huyết đỏ pha loãng trong nước, nhuộm hồng một vùng nước rộng gần bằng cái nia.

Chị vụt hiểu ngay rằng anh Nhánh chảy máu miệng, máu mũi, hoặc máu tai gì đó và chắc chắn là anh đã ngất rồi.

Chị phóng lẹ xuống nước như con chim thẳng chài thấy cá. Chị lặn sâu độ già một thước là đụng phải đáy cát.

Chị mở banh mắt ra mà nhìn nhưng không thể thấy xa hơn bốn tấc. Chung quanh chị bóng tối dày mịn, u u minh minh như trong rừng sâu. Nước sông không trong bằng nước biển và ai có lặn sông mới biết rằng đáy sông dễ sợ hơn đáy biển vì bóng tối dưới ấy có vẻ bí mật ghê lắm.

Chị Nhánh thuở bé tắm sông với trẻ con trong làng, cũng thích lặn lội. Nhưng đã lâu rồi, chị không có chơi trò lặn cút bắt nữa nên đâm nhát. Chị nghĩ đến những con thủy quái mà rùng mình.

Mặc dầu vậy, chị cũng đánh bạo sờ soạn tìm chồng. Chị chụp được thúng cát đầy, nhưng anh Nhánh thì không thấy đâu cả.

Nghe gần hụt hơi, chị Nhánh trôi lên để thở, rồi lại lặn trở xuống.

Còn cát rộng chừng bằng ba căn nhà, chị phải lên xuống mấy lần mới mò khắp diện tích của nó, nhưng vô hiệu quả.

Tuy ở dưới đáy nước mà lòng dạ chị Nhánh nóng như bị lửa đốt vì thời giờ càng trôi qua, mạng chồng chị càng khó cứu. Thế nên chị trôi lên lần chót rồi thót lên thuyền, đứng trên ấy mà la làng.

Xóm ở xa lắm, nên chị la cả buổi, rát cả cổ họng mới nghe tiếng hú trả lời. Rồi từ dưới xóm, xuồng nhỏ đâm lên gần hai mươi chiếc.

Những chiếc xuồng ba lá ấy tiến mau như ghe chạy buồm và không mấy chốc, họ đã tới nơi.

- Gì đó chị Sáu ? - Chú Tư Ngộ hỏi.

- Hu. . . hu. . . hu. . . bà con ơi, anh Nhánh ảnh lặn mất rồi. .
. hu. . . hu. . .

- Từ bao lâu ?

- Độ tàn hai điều thuốc.

- Dữ hôn ! Sao không đợi tới chiều hãy la làng cầu cứu.

Cả bọn bỏ xuống, mặc kệ cho nó trôi đi đâu thì trôi, đồng hè nhảy xuống sông tùm tùm.

Hai mươi người mà không ai mò thấy anh Nhánh đâu cả. Khi cả bọn đều trôi lên đủ mặt, ông Dậu nói :

- Tôi độ nó nhẹ hơn thúng cát nên bị nước cuốn, lăn ra hòm chảo ở bìa cồn.

- Ờ, có lẽ như vậy !

Rồi cả hai mươi người đều thót lên ghe của anh Nhánh, dùng sào dài chống ghe ra khỏi nơi đậu, rồi mò kiếm ở chỗ sâu, cũng bằng mấy cây sào dài ấy.

Họ xâm đáy sông bằng cây sào, lần theo dốc lài của cái cồn, nó lài mãi hơn năm thước thì bỗng sụp xuống đột ngột. Chính cái chỗ đất sụp ấy là cái mà ông Dậu gọi là “hòm chảo”.

- Gì đây nè ! - Ba Sang hô to lên.

- Gì đó ? Gì đó ?

- Hình như là nó !

Có một điều này lạ lùng lắm là xúc giác của con người dường như truyền qua vật chất vô tri giác được, và mũi sào đụng cái gì, người cầm sào có thể đoán được cái ấy thuộc loại nào.

Ba Sang nghe mềm mềm, tròn tròn và chú ấy xâm thêm vài cái nữa rồi quả quyết :

- Nó đây rồi ! Tôi giữ sào, ai dài hơi, cứ tuột sào xuống dưới ấy đem nó lên.

Thằng Tư dài hơi nhứt bọn, trong làng nó chỉ kém có một minh anh Sáu Nhánh mà thôi.

Chỗ này sâu hơn mười thước nên chỉ có nó là đủ khả năng xuống đó để ôm cái xác nặng lên.

Giây lát sau, quả nhiên nó trôi lên : bên hông, nó ôm xác sáu Nhánh.

Hai ba người lại nhảy xuống nước, đỡ phụ với nó còn bao nhiêu người khác đứng trên này, thông tay xuống mà rước kẻ mắc nạn.

Bếp lửa còn cháy và ông Dậu rinh cả chiếc cà ràng ra phía trước mũi ghe, rồi bốn người khiêng anh Nhánh để trên ngọn lửa mà hơ.

Trong khi đó mấy người khác chống ghe vào bờ để có thể xốc nước anh Nhánh.

Khi ghe cạm vào bờ ở bến xuất phát khi sáng thì thằng Tư lực lưỡng được ông Dậu chỉ định xốc nước.

Thằng Tư mạnh như con trâu cỏ, xách cẳng anh Nhánh lên rồi đặt ngựa anh ta trên lưng nó, đầu anh trở xuống đất.

Xong, nó nhảy lên bờ với cục neo nặng ấy rồi chạy băng đồng. Nó chạy như vậy được nửa tiếng đồng hồ thì hụt hơi, và biết trước rằng mình sẽ đuối sức, nó đánh một vòng tròn để lúc không thở ra nữa thì trở lại chỗ cũ.

Một đồng lửa đã được đốt lên tại bến ấy và người ta lại hơ nặn nhàn một hồi, rồi thẳng Tư lại xúc nước một vòng băng đồng nữa.

Nhưng anh Nhánh cứ lạnh trong giấc ngủ ngàn năm. Anh chết không tên, không tuổi vì cái nghề xúc cát để cất nhà cho những người có tên tuổi ở.

Tuần báo Lẽ Sống, 1950

TIẾNG VANG TRỀ MUỘN

Ông Đại Hương Cả Mộc đẩy lên cặp kiếng già đang xế xuống sống mũi của ông, rồi đọc :

Lão hạng 40 người.

Lão nhiều 20 người.

Tráng đình 280 người.

- Bậy ! Chú xã nó làm bậy ! - Ông Đại ngưng đọc để phê bình như vậy.

- Thừa ông Đại, bậy chỗ nào ? - Xã trưởng Quang hỏi.

- Tôi tính thầm trong bụng suốt mấy đêm thì thấy làng mình chỉ có 279 tên tráng đình thôi. Chú ghi là 280 thì tôi dám cá là chú đã thêm tên thằng Bò vô sổ, như vậy là sai.

Cả ban hội tề 12 ông, vụt cười lên một cái rần, cả xã Quang cũng cười. Ông xã trẻ tuổi này nói :

- Tôi muốn cho chẵn con số, với lại bỏ nó ra cũng tội nghiệp nó.

- Tội nghiệp cái khi khô. Mình chạy tờ “nam phụ lão ấu” chớ có phải cho ai hưởng bổng, hưởng lộc gì hay sao mà tội nghiệp.

- Nhưng, thưa ông Đại, như vậy lại càng nên ghi nó vô sổ cho đúng với sự thật.

- Không nên, vì có thể gây hại cho ta. Thí dụ nếu nhà nước có bắt dân đi làm dâu mà giao cứ hể mười tráng đinh, làng phải nộp một tên làm dâu, thì ta biết tính sao về cái chực chót mà có chín người thật sự đó, vì thằng Bò đầu có phải người thật sự. Như vậy có phải là ta sẽ chịu lỗ hay không ?

Ông Đại Hương Cả Mộc không phải khinh người mà quyết định như vậy. Còn thằng Bò thật ra, có phải con người hay không, còn tùy theo lối hiểu của mỗi người.

Nó không thiếu mất một cánh tay hay cái cẳng nào hết. Nó biết nói, hiểu được những điều thông thường do người khác nói, nó lại vạm vỡ lắm, lại lương thiện nữa thì nó là con người đứt đi rồi.

Nhưng nó khờ dại như đứa trẻ mười hai, lại không cha không mẹ, không họ hàng bà con với ai trong làng, không nhà, không cửa, không có lấy một chiếc áo rách nữa nên làng lên nhà nước tha thuế bộ đinh cho nó như nhà nước đã ban ân huệ cho những kẻ tật nguyên thật sự.

Vậy thì về mặt pháp lý nó không phải là công dân, nó giống như một cây xoài chớ còn cây thuốc lá An-giơ-ri hoặc Việt-gi-ni-a, mới được nhập cảng để trồng thử ở xứ này, cũng được nhà nước biết tới và có sổ thống kê hẳn hoi, chớ không như thằng Bò, mà lúc má nó đẻ nó ra, không ai ghi nó vào sổ hộ tịch hết.

Cái xã hội nhỏ hẹp của làng Thanh Lộc này đã quên mất nó mà cho đến đôi ban hội tề thấy mặt nó mỗi ngày mà họ cũng không biết tới nó nữa.

Họ thấy mặt nó mỗi ngày ? Vâng, số là hội tề có mượn những công nhân sai vặt và trực ở công sở. Công nhân này có tên là «thường xuyên» vì họ luôn luôn có mặt. Đó là những người nghèo khó trong làng, không nhà cửa, vô gia đình, ăn chợ ngủ đình, lương bổng rất thấp nhưng họ vẫn nhận lấy công việc để lấy chỗ đựng mưa núp nắng, và sẽ được hội tề bố thí cho một cỗ hòm hạng bét khi họ nhắm mắt theo ông theo bà. Làng quê nào cũng có ít lắm là một thằng khật khù như thằng Bò, nó là phó thường dân và sống bám theo các anh thường xuyên nói trên, vào ra công sở ngày một.

Nói cho đúng ra thì xã hội thôn ỏ này không quên hẳn thằng Bò. Thỉnh thoảng họ lại chợt nhớ đến nó, chẳng hạn như khi nào có một người ăn mày cùi nằm chết ở đầu làng, thì hội tề lại nghĩ ngay đến cái thằng khờ không biết nhờm góm ấy để nhờ nó vác cái thầy ma lầy nhầy đó đi chôn cho rảnh của nợ. Nó rất đắc dụng vào những mùa dịch mà công việc tẩn liệm không ai dám làm. `

Khi có một đứa trẻ té xuống ao Miếu Bà và chết đuối dưới ấy thì cha mẹ đứa bé đó cũng chỉ biết nhờ thằng Bò thôi chớ không ai đủ can đảm vớt xác thằng bé lên. Ao Miếu Bà là một cái ao tù nằm cạnh miếu thờ Bà Ngủ Hành, một nữ thần của giới thuyền thương hồ là giới chiếm đa số trong làng. Ao Miếu Bà là

nơi dân làng vất xuống đó tất cả những gì bần thiêu không thể vứt đi đâu được mà khỏi bị thiên hạ phản đối : vạt giường để, vệm giặt áo quần của phụ nữ có kinh kỳ v. v. . .

Ao sâu và rộng lắm nên cả một mùa nắng không làm rút cạn bớt được phân nửa nước của một phần tư mùa mưa, thành thử nước ao tù này còn già tuổi hơn ông tiên chỉ trong làng nữa, vì vậy mà dơ bẩn không tưởng tượng được, chỉ có thằng Bò là chịu lặn xuống đáy nước hôi thúi ấy thôi.

Vậy thằng Bò là một con người, nhưng cũng không phải là một con người. Ngày thường không có nó, không chết ai, nhưng khi có việc không giải quyết được, nó trở nên tối cần. Chỉ phiên là vài ba tháng người ta mới cần nó một lần.

Sau một hồi thảo luận, xã trưởng Quang phục thiện, bỏ thằng Bò ra và sửa con số 280 thành 279. Thế là thằng Bò cũng không làm được một con số trên giấy tờ nữa.

Cuộc kiểm tra dân số của bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới, kể cả quốc gia văn minh nhứt, tổ chức chặt chẽ nhứt, cũng đều sai sót chút ít, nhưng họ sai vì lầm lẫn còn làng Thạnh Lộc này, trái lại sai sót vì cố tình.

Nhưng cái xã hội thu hẹp ấy, nhưng quốc gia Việt Nam, nhưng cả nhân loại nữa, đều sống được, tiến được, mặc dầu thiếu thằng Bò.

Đến như các chánh khách lừng danh, các nhà bác học đại tài, các văn sĩ cừ khôi kia mà người ta còn thay thế được nữa huống hồ gì thằng Bò làng Thạnh Lộc. Đã chẳng có ông Đại Hương Cả Mộc, chẳng có thầy giáo Rô, chẳng có bác thợ rèn Nứa, chẳng có chị bán cá Giỏi, chẳng có anh thợ cày Mừng hay sao, những người này thiếu mới là không được.

Thế nên năm ấy thằng Bò chết, chết như cây cỏ ngoài nội, không ai hay biết cả, vài người hiếm hoi chôn cất nó cũng không buồn nói tới cái đám ma bó chiếu ấy làm gì.

Năm mồ của thằng Bò đã xanh cỏ được một mùa rồi mà cũng chưa ai hay.

Trưa hôm ấy vào giữa mùa nắng nực, trẻ con trong làng tắm sông rất đông. Chúng nó ngâm nước hằng giờ mà chưa chịu lên, hết lội đua thì cút bắt dưới nước rồi lại thi lặn lòn dưới những chiếc thuyền đậu ở bờ sông.

Thình lình thằng Nhóm la lên :

- Thằng Mận đâu mất rồi tụi bây ơi !

- Nó đi tìm Hà Bá chó đâu ! - Thằng Ngộ nói đùa như vậy.

Mận nổi tiếng lặn dài hơi nhút và hay tự xưng là bà con của Hà Bá, khoe đã nhiều lần xuống thăm ông ấy. Vì vậy mà không đứa nào lo cho số phận của nó, trừ thằng Nhóm ra vì thằng Nhóm này giờ chơi trò lặn lòn đáy ghe với Mận.

Thấy bọn kia thờ ơ. Nhóm hoảng, thoát lên bờ đi báo động.

Mận là con của bác thợ mộc Mười Thị chuyên làm sườn nhà. Má nó chết đã lâu rồi, còn tía nó thì đi cất nhà cho người ta ở làng bên kia, xa lắm. Nó ở nhà một mình không anh chị, không bà con xa gần nào hết.

Dân trong xóm hay tin, sốt sắng kéo nhau xuống sông để lặn tìm nó. Họ lặn hụp cả tiếng đồng hồ mà không thấy tăm hơi thằng Mận đâu cả. Sau đó có người bày mẹo để dầu phộng lên mặt nước, theo một lối tìm xác chết chìm ngày xưa mà họ cho là rất hiệu quả.

Lập tức, không rõ là do luật vật lý, luật hóa học nào mà dầu phộng tìm trôi đến chỗ xác chết chìm, nhờ thế mà họ định vị trí và giới hạn khoảng tìm kiếm được và giây lát sau là xác thằng Mận được vớt lên khỏi mặt nước.

Mặc dầu rất ít hy vọng, dân làng cũng định «xóc nước» cho nó. Dân quê ta không biết làm hô hấp nhân tạo mà chỉ cứu cấp xác chết bằng xóc nước mà thôi.

Xóc nước là một công việc rất mệt nhọc, phải khỏe mạnh như trâu mới làm nổi. Người xóc nước cõng ngược kẻ chết đuối trên lưng họ, đầu kẻ này lộn xuống đất cho nước ở bụng họ dễ chảy ra miệng họ, cõng như vậy mà chạy khắp làng năm bảy vòng, để sự nhồi lắc làm cho nước thoát ra.

Phương pháp này hoàn toàn vô hiệu quả, nhưng họ vẫn cứ làm từ đời này qua đời khác.

Thằng Mận mình mẩy đầy lác lại có ghẻ ngứa nữa, nên chỉ hai người đàn ông lực lưỡng có khả năng xóc nước cho nó và có mặt từ này giờ đến giờ rút êm đi hồi nào không ai hay vì họ nhòm góm cái xác ấy lắm.

Bồng bà Hai Hảo hỏi :

- Còn thằng Bò đâu rồi ? Chạy kiếm thằng Bò cho mau !

- Ủi thằng Bò đâu rồi ? - Năm sáu người lặp lại câu hỏi đó mà không ai đáp cả.

Thằng Bò mạnh như trâu cỏ và không hề biết ghê tởm gì hết.

- Thằng Bò đâu rồi ?

- Bò ơi ! Ố Bò.

- Chạy kiếm thằng Bò đi !

Ông Ngạc, một ông lão tám mươi, chống gậy từ đằng xa chậm chạp bước tới cái bến nước mà thiên hạ đang bu đen nghệt này. Nghe hỏi tới thằng Bò ông nói :

- Thằng Bò đã thành đất rồi còn đâu mà kêu mà réo.

Cả đám đang đứng ở bờ sông đều rụng rời :

- Thiệt vậy sao ông Tám ? Thằng Bò chết rồi hả, chết hồi nào?

Đây là một tin sét đánh giữa lúc nguy kịch này. Ngày thường có lẽ người ta chỉ nói hai tiếng “tội nghiệp” rồi thôi.

- Trời ơi thằng Bó chết rồi !

Đây là tiếng tuyệt vọng từ bao nhiêu miệng người vọt ra. Thằng Bò chết đi thì từ đây bao nhiêu công việc dơ bẩn ghê tởm, không biết phải nhờ ai đảm nhiệm.

- Thằng Bò chết thật rồi à ?

Không sao mà người ta tin được thằng Bò lại chết. Họ cứ yên chí rằng thằng Bò phải sống mãi mãi để thanh toán những công việc làm buồn nôn.

- Thằng Bò đã chết rồi !

Cái tin dữ này được truyền miệng người này qua miệng người khác, được loan đi nhanh chóng từ đầu xã đến cuối thôn, lẹ như sợi dây thuốc pháo cháy, và ai nghe tin này đều hỏi gạn lại bằng giọng ngạc nhiên, tuyệt vọng và buồn thảm.

- Thằng Bò đã chết rồi à ?

Kể từ hôm đó, dân làng tuy không ai nói gì nữa, chứ ai cũng thâm nghe thiếu thiếu cái gì.

Trong làng từ cây đa trước miếu, đến đồng ông vôi mẻ miệng, đồng ông táo sứt đầu vứt dưới gốc cây linh thụ, từ thằng chăn trâu đến ông tiên chỉ, từ tiếng tù và đến màu mạ non, tất cả đã hòa hợp lại để tạo cái không khí, cái chân trời quen thuộc của người dân, thiếu đi một món thì không xong.

Một cây sao vô chủ ngoài đồng, bị sét đánh tróc gốc cũng làm cho họ lạc hướng, vì mất hết một chỗ nhắm quen mắt nó bỗng dưng đầu hôm sớm mai không còn nữa.

Kẻ sống đời tăm tối, có cũng như không là thằng Bò dầu sao ít ra cũng phải được xem là ngang hàng với cây cỏ, mà cỏ cây tàn rụi họ nghe trống trải trong lòng họ, thì thằng Bò ra ma cũng gây ít lắm là một tiếng vang như vậy, là vì thằng Bò thuộc vào những cái không tên tuổi đã tạo nên đất nước, đất nước không thể quên hẳn thằng Bò.

- Thằng Bò đã chết rồi à ?

Khi thằng Bò gầm lên tiếng đau đớn trong cơn hấp hối, không có lấy một tiếng vang. Nhưng tiếng vang ấy rồi ra cũng có, nhưng tui ôi, đó là một tiếng vang trề muộn.

Giai phẩm Hương vọng, 1959

ĐÀN H CAM VÀO KHÁM VỚI TÌNH. . . BÒ

Nằm trên một cành đào lộn hột đâm ngang, thằng Nóp vừa nhìn mây trắng trôi qua tán lá đào thưa vừa thổi ống tiêu.

Nó không biết bài bản gì hết, nhưng sao nhiều người trong xóm thường khen rằng nó thổi hay. Chính nó, nó cũng nghe những tiếng tiêu của nó là hay.

Nó đang say nhạc thì bỗng thằng Ngọ ở đâu chạy tới dưới gốc đào, kêu với lên :

- Anh Nóp ơi, ông Cả biểu anh để tui đuổi cặp bò về.

Tiếng tiêu im bật ngay và Nóp nhìn xuống hỏi :

- Thiệt hay giống ?

- Ai nói chơi cà !

- Vậy để tao đuổi về coi ra sao. Mà nói láo thì chết.

- Tui nhỏ, ở lại coi trâu gì được.

- Sâm sâm cái đầu còn nhỏ gì mà nhỏ.

Vừa nói câu sau này, Nóp vừa tuột xuống. Nhưng trâu và bò đã biến đâu mất hết rồi. Mới hồi nãy đây, chúng còn đang núp nắng dưới bụi tre, nhơ lại mớ cỏ hiếm hoi mùa nắng mà chúng đã cạp được từ sáng đến trưa ở bãi cỏ, cạnh vườn đào vô chủ và hoang phế này.

Nóp hú vài tiếng rồi lắng nghe thì xa xa, trong chòi cây có tiếng lục lạc gõ kêu lộc cộc đáp lại lời kêu gọi của nó.

Thì ra trâu bò vào rừng ăn lá cây vì không tìm được cỏ nữa, với lại để trốn nắng luôn thể. Nó chười thể inh ỏi rồi lủi vô rừng.

Khi nó trở ra với cặp bò thì Ngọ đã leo lên nằm thay thế cho nó nơi cành đào ngang ấy. Cây đào lộn hột cổ thụ này không còn sức để sanh trái nữa, nhưng cái nhánh ngang ấy giống một cánh tay bà lão mà thẳng chẵn bò, chẵn trâu nào cũng thích nằm như để chờ nghe bà ta kể chuyện ngày xưa, chuyện bà Xang, người chủ điền của cái vườn bỏ hoang này.

Vỏ nhánh đào sù sì, bị lưng lữ chẵn trâu cọ nhiều năm thành láng bóng, nằm khá êm lưng, và gió trưa hiu hiu thổi, khiến đứa nào nằm trên đó cũng lim dim đi vào một giấc ngủ tuy nặng, nhưng dễ chịu, sung sướng vô cùng.

- Bộ ở nhà, ông Cả tính đi kéo cái gì hả mậy ? - Nóp hỏi Ngọ.

- Hồng biết. Thấy nhà có khách.

Nếu không có công việc thì trâu bò được núp nắng trong rừng chòi này tới tối, Nóp mới lùa về. Bữa nay chắc ông Cả cho đi kéo rơm phơi ở ngoài ruộng, bên kia suối. Rơm phơi ngoài ấy dạo này bị ăn cắp dữ lắm.

- Khứu cà, dịch nà !

Thằng Nóp chười con bò Khứu y như là chười người ta. Con Khứu đang ăn hiếp con Mốc, cụng vào đầu con Mốc vốn không sừng.

Nóp lại vỗ vào hông bò mà nói :

- Tụi bây ăn từ sáng sớm tới giờ mà chưa liên lung. Rồi ông mắng tao rằng để tụi bây no theo kiểu “trong mo, ngoài đất sét”, oan cho tao lắm nghe ?

Nóp ám chỉ đến một truyện cổ tích cắt nghĩa do đâu mà trâu bò ngày xưa biết nói tiếng người, còn bây giờ thì không.

Rời gò và nửa tiếng đồng hồ sau. Nóp lừa bò tới xóm ở dải đất phì nhiêu gần khu ruộng thấp mình mông hằng trăm mẫu của nhiều địa chủ nho nhỏ trong làng.

Bò vào công sau và ông Cả với một người khách lạ nghe chó sủa đón mừng bò, chạy ra sân sau, đứng nhìn hai con vật bạn của Nóp.

Bò thấy cỏ vườn tươi mát thì ham lắm, đứng lại rút từng cọng, món ăn mà ngày thường chúng không được phép rớ tới bởi cỏ mọc xen với rau cải trồng trong vườn.

Riêng hôm nay ông Cả cứ để vậy. Người khách lạ ngấm nghĩa một hồi rồi bước lại, vỗ đầu bò và lắc đầu chê.

- Chùn cheo ! Cái ngữ này thì giựt gì nổi !

- Nó nằm cát đó, ông à !

Câu sau đó là của thằng Nóp. Nó nói một cách ngây ngô để có chuyện mà nói, cho đỡ trơ trước người khách lạ chú ý tới nó ít hơn là tới hai con bò, chứ nó không có mục đích gì hết.

Nhưng mắt nó bỗng gặp cái nhìn lườm lườm của ông Cả nên nó hoảng vía, ngó xuống đất. “Nằm cát” là một khuyết điểm lớn, chỉ cái tật của những con bò lười, liệu xe chở nặng quá là nằm vạ xuống cát, không chịu kéo. Nó đã vô tình khai tặc của ông Cả.

- Một con thì không sừng, sẽ lộn nài, tháo ống, còn một con thì nằm cát. Ông tính sao, ông chủ ?

Ông Cả nổi xung thiên, xẵng giọng mà rằng :

- Ông biết coi bò thì cứ coi, bằng không thì thôi, cần gì nghe một đứa con nít nói bậy nói bạ. Bò đó, giá đó, ông mua thì mua, không mua thì thôi, ai ép ông đâu !

Thì ra ông Cả bán đôi bò và ông khách là một chú lái bò. Thằng Nóp rụng rời, điếng hồn trong giây lát, nhưng hy vọng trở lại vì thấy chú lái cứ lắc đầu mãi.

Nó cố ra hiệu với ông lái bằng mắt để cho ông biết rằng cặp bò này không làm trò trống gì được đâu, nhưng ông ta vẫn không thèm để ý đến nó.

Sống riêng biệt ngoài vườn, ngoài hè với trâu bò, từ hồi sáu tuổi đến nay là mười năm. Nóp chỉ được tình thương của trâu bò, nhứt là bò. Trâu thì dơ không tưởng tượng được và ngu lăm, gần như không có tình cảm. Bò hiểu được tiếng người, biết thưởng thức lời lẽ và cử chỉ mơn trớn của nó.

Trong một cử chỉ bảo vệ, nó bước tới trước đầu bò rồi nắm chặt dây mũi bò, dang hai chân ra để cổ thủ, như quyết không cho ai bắt bò bạn của nó.

Ông Cả đã ham rẻ mua đôi bò này từ lâu rồi. Tuy con nào cũng có khuyết điểm, nhưng mà rốt cuộc công việc cũng xong, nhờ người và bò biết ý tứ nhau, Nóp rất thạo cách bắt chúng nó làm việc, mà chúng nó cũng thạo cách phá Nóp cho vui.

- Thôi thì ông bớt cho tui hai trăm đồng, tiền tổn phí giấy tờ này nọ - ông lái kèo nài.

- Một đồng xu tôi bớt cũng không được, nói thiệt với ông.

Ông Cả cương quyết giữ giá vì ông bán giá phải chăng và thấy lái có ý muốn mua lắm.

Nóp thăm van vái cho vụ mặc cả này không xong. Nhưng nó cứ xong, khiến thằng bé chăn bò nghe như mất hồn.

Giây lát sau, chủ không bảo gì, mà Nóp vội đi khuấy nước muối với cám cho bò uống. Thùng nước mặn ấy có pha mấy mươi giọt lệ nóng của nó.

Nó đưa đôi bò đi khỏi hàng tre mở ở đầu xóm mới chịu trở gót. Trước khi chia tay với hai người bạn thân mến nhứt đời nó, nó hỏi chú lái đi về đâu ?

- Tao về Bà Ký, xa lắm. Mà xế rồi, đi đâu có kịp. Tối nay tao ngủ đậu nhà ông Muôn ở xóm trên.

Nóp đứng nhìn cặp bò đập bụi của con đường làng trải đá đỏ lâu đời, mãi cho đến khi người và vật khuất sau một bụi cây ở một khúc đường quanh, nó mới lững thững xuống làng.

Đêm đó, lần đầu tiên trong đời nó, nó không sao nhắm mắt được. Ngày thường nó hay bị ông Cả mắng là ngủ như chết. Mà thật quả có như vậy : hễ ngã lưng xuống là nó ngáy pho pho, có lần nó ngủ giữ cổng chuồng trâu : ăn trộm khiêng nó đi nơi khác, để mở cổng mà nó không hay.

Lần đó bị mất trộm trâu, ông Cả đánh nó một trận đòn nhứt sanh nhứt tử, rồi cho nó ngủ chuồng bò : trâu mắc tiền hơn lại nhiều con hơn nên ông phải giao cho thằng bạn cày canh giữ ban đêm.

Đêm nay chuồng bò trống trơn. Mùi phân chuồng vẫn còn, nhưng mùi bò quen thuộc mà nó đã ghiền, không có nữa.

Nóp tưởng tượng Mốc và Khứu sẽ cực lắm vì chủ mới không biết ý chúng. Chủ mới lại là tay lái bò, thì chưa quen tánh ý của bò, ông ta đã bán sang tay khác rồi.

Bò sẽ đi xa nó hơn nữa và càng khổ hơn vì chủ mới lại lạ, còn tình nghĩa gì với bò ?

Nóp nhớ bò và tin chắc rằng bò cũng nhớ nó, nhớ chuồng, nhớ xóm, nhớ vườn đào hoang phế, nhớ rừng chồi với con suối nhỏ nước trong veo, mà trưa trưa, ăn no rồi, chúng xuống mé nước làm một bụng no nóc nước trong và mát.

Nóp rung rung nước mắt khi nghĩ rằng nó không bao giờ thấy mặt lại hai bạn thân mến của nó là Mốc và Khứu nữa.

Mốc và Khứu coi thì cứng đầu vậy mà dễ dạy lắm, vì nó đã sẵn sóc Mốc và Khứu hồi hai “đứa” còn là bê. Chủ cũ bán bê cho ông Cả và sang luôn Nóp vì ông ấy dư người chăn trâu, chăn bò.

Đằng chuồng trâu bên kia, mấy mồm trâu cứ thông thả nhoi lại mớ cỏ ban ngày, kêu phồm phập trong đêm lặng như tiếng chân của chúng chìm dưới bùn được chúng rút lên. Có lẽ chúng đang nhìn sang chuồng bò và ngạc nhiên trước sự vắng bóng của hai con vật mà chúng thấy là kỳ cục và xấu xí hơn chúng.

Nóp tóc chiếc chiếu rách đắp trên người nó ra, ngồi dậy rồi lắng tai nghe ngóng. Nó rón rén bước xuống chõng tre đặt trước cổng chuồng, rồi lại rón rén ra đi.

Mấy con chó nhà sủa lên một tiếng rồi đánh hơi được người nhà quen thuộc, lặng lẽ chạy theo Nóp nhưng nó đá vào một con, cho chúng biết rằng nó không cần chúng theo hộ tống.

Nóp lén theo nẻo mà chú dắt bỏ đi hồi chiều. Chó trong xóm sủa theo nó, nhưng cũng không sủa dai vì con nào, từ đầu làng đến cuối ấp, đều quen với nó hết thảy.

Khi tới xóm ông Muôn, Nóp bị chó sủa một vài tiếng nữa rồi cũng thôi. Nó leo rào vào sân nhà, không quên quăng cho chó một mớ khoai nướng nó mang theo.

Nó mò lại chuồng bò, chun vô giữa hai cây song ngang. Bò ông Muôn và bò chú lái gỏi, nhót chung bốn con một chuồng. Nóp quờ quạng thì vớ được cái đầu trọc của con Mốc không sừng.

Nó mừng đến run lên, ôm lấy cái đầu ấy vào ngực nó. Tay nó vuốt miếng da lòng thòng dưới cổ Mốc và thăm thì nói với Mốc rất nhiều. Mốc cũng nhận ra nó nên lắc lư nhè nhẹ cái đầu, ra vẻ sượng lắm.

Khứu cũng vừa đánh hơi được Nóp nên cạ nanh, đưa mõm tới nhồi những bắp thịt lưng của Nóp, khiến nó phải buông đầu Mốc ra để mơn trớn con Khứu, và cả ba thăm lặng thương nhau trong bóng tối.

- Gà gáy rồi cà !

Có tiếng người đàn bà nói trong nhà.

- Mới gáy chập đầu, còn khuya lắm - tiếng đàn ông nhura đáp lại.

- Lạ ! Tôi nghe gì ngoài chuồng bò ?

- Có cái gì, khéo nhiều chuyện. Chó hồng có sữa mà.

- Tôi nghi quá, đâu ông ra coi thử coi !

Câu nói sau rốt của bà Muôn khiến Nóp chột dạ. Nhưng không nỡ rời bò, nó đợi thật nguy rồi sẽ hay.

Hàng rào lao táo lâu đời của nhà này, bị đứt chơn, nhổ lên chơn xuống đã mấy mươi lần nên thấp lểm, nó thót một cái là lên tới nẹp tre kẹp giữa những trụ lao táo chơn đứng, và bước qua đầu rào để nhảy ra ngoài, không có gì dễ dàng.

Nóp quên rằng khi người nông dân nghe động, nhứt là ngoài chuồng bò, họ lặng lẽ mở cửa để đi rình, chớ không thấp đèn đi rọi mà nó biết lúc thật nguy để mà đông.

Vì thế mà khi ông Muôn hô lên một tiếng thì cả nhà đã vây quanh chuồng bò đầu từ hồi nào, và nó mà có cánh cũng không tháo bay thoát được.

Bấy giờ người ta mới đốt đuốc lên, và chó mới rập nhau mà sủa. Hàng xóm cũng đốt đuốc chạy tới vì nghe ồn, biết có biến :

họ hành động đúng như tình đoàn kết ở thôn quê.

Cả xóm vang dậy tiếng người, tiếng chó, và đèn đuốc sáng rõ cả mấy mươi vườn cau của xóm này.

Khi ông Muôn lôi tên ăn trộm ra khỏi chuồng bò thì thiên hạ kinh ngạc hết sức. Đó là gã thiếu niên hiền hậu nhứt làng, thẳng chần trâu của ông cự Hương Cả Ngọt.

Nóp chỉ mười lăm, nhưng nó cao lớn gần bằng người trưởng thành. Nó lằm lằm lì lì, ai hỏi gì cũng không nói, và không sao mà đoán được những ý nghĩ gì đang diễn ra trong đầu óc nó.

Người ta đưa nó đi, nó trị lại. Hai ba người lớn phải áp lại dùng võ lực lôi xềnh nó, nó mới chịu bước.

Nhưng chốc chốc nó day lại nhìn chuồng bò, như tiếc mẻ trộm hụt này lắm.

Ông lái bò cười ha hả mà rằng :

- Tôi biết mà ! Hồi xế, nó cứ theo hỏi đon hỏi ren tôi đi về đâu ? Ai đẽ cái thằng hỉ mũi chưa sạch mà đã trở mồi rồi.

Tuần báo Lễ sống, 1950

ĐÚA CON ĐỦ THÁNG

Tôi là một thằng đờn ông khôn nạn nhưt thế gian. Tôi bẻ gãy cuộc đời của một cô gái đáng lý phải được một tấm chồng dang hoàng và hưởng hạnh phúc mãi mãi.

Mà thiếu chi người cho tôi yêu chớ, nếu các bạn tha thứ tình yêu bất chánh của tôi, vì tôi đã có vợ.

Ừ, thiếu chi người để tôi yêu tôi lại đi phá một cô gái thơ, hơn thế, cô gái ấy là bạn thiết của vợ tôi ?

Hồng đến nhà chúng tôi xin đùm đậu, cách đây ba năm. Nàng đồng hương với vợ tôi. Cha mẹ chết hết trong buổi loạn ly, nàng một mình tản cư lên Sài Gòn.

Hồng đẹp, Hồng có học, Hồng có duyên, Hồng tốt bụng. Hồng giỏi về nội trợ. Như thế, tôi làm sao mà không yêu được chớ ? Tuy biết yêu Hồng là bậy, tôi cũng cứ yêu vì lòng ích kỷ xui tôi rằng không yêu một cô gái như thế là uổng lắm.

Vả, gần gũi với nhau lâu ngày quá, mà tôi có phải là thánh nhơn đâu !

Hồng lại tin mến tôi, coi tôi như anh rể (ây, Hồng ngây thơ lắm, chưa biết “bản lĩnh” của bọn anh rể mà !), coi tôi như một anh rể nên thân mật với tôi một cách tự nhiên.

Vợ tôi nó đại đột quá đi mất. Nó thương bạn và tin chồng. Trời ơi, đến ngày hôm nay, nó vẫn còn tin tôi là người đứng đắn. Nếu nó có đọc truyện này chắc nó cũng chẳng đoán được thằng khôn nạn là tôi đâu, vì tôi vẫn còn trắng án kia mà.

Vậy tôi yêu Hồng. Tôi tỏ tình cho Hồng biết và đã dùng đủ mưu thần chúc quỷ để xô Hồng ngã.

Hồng chiến đấu được ba tháng thì ngã quay ra. Ừ, làm sao không ngã được, trước những chiến lược thần tình của tôi ! Tất cả kinh nghiệm của giống đờn ông từ mấy mươi thế kỷ nay tôi đều đem ra áp dụng, tấn công ráo riết nên thành trì đức hạnh của Hồng đâu có kiên cố đến đâu cũng phải thất thủ.

Lần đầu chúng tôi gần nhau, Hồng khóc, cái khóc của kẻ chiến bại. Tôi cũng khóc, cái khóc do một điểm lương tâm cuối cùng quả trách, nhưng có ai đang thắng trận mà rút quân đâu !

Đoạn tuyệt thì khỏi nói, vì chúng tôi thật tình yêu nhau. Nhưng giữ mãi tình thế đó, rất có hại : vợ tôi mà bớt mù quáng một chút, thấy rõ sự thật thì sao ? Khó là khó cho Hồng, không mặt mũi nào dám ngó mặt bạn nữa, chớ còn tôi thì bất quá bị đòn vài hôm là cùng.

Hoặc nếu Hồng có thai thì làm thế nào ? Ừ, nếu trường hợp này xảy ra, thật là nguy cho tôi. Nếu Hồng có thai, tôi phải giấu đút Hồng đâu đó mà tiền lương của tôi thì rất kém cỏi, vợ con tôi sẽ đói, nếu tôi chia hai ngân sách gia đình. Hồng sợ điều này lắm, vì như thế nàng sẽ đủ điều kiện thành một đứa giựt chồng bạn.

Khổ ôi là khổ ! Nữa, thôi, thôi nữa, cứ thế mãi mà bàn, mà cũng vẫn chưa ngã ngũ ra sao cả. Thỉnh thoảng chúng tôi gặp riêng nhau một lần. Mở màn thì bàn chuyện nên đoạn tình, rồi một lát sau khóc lóc như là đã chia tay nhau rồi. Rồi thì tôi dỗ Hồng như dỗ em, rồi thì chúng tôi lại yêu đương nhau hơn bao giờ hết, rồi thì đầu vào đó cả, và màn hạ trước một niềm lo ngại

của hai đảng.

Tháng sáu năm ấy bỗng Hồng cho vợ chồng tôi hay là nàng định về quê luôn :

- Ở dưới ấy yên ổn rồi, anh chị cho em về săn sóc ruộng vườn. . .

Vợ tôi bằng lòng ngay, khi Hồng cho biết chắc rằng về quê vẫn được an ninh.

Tôi không nói gì, nhưng tức lắm.

- Hừ, chắc nó yêu thằng nào khác, muốn thoát ra chó gì. Trời, đồ phụ bạc, đồ vô thủy, vô chung.

Tôi giận lấy đến không thềm gặp mặt nàng lần chót để từ biệt theo lời yêu cầu của Hồng. Tức giận tràn hông. Nhưng tôi vẫn làm mặt vừa vui vừa vui vừa mền tiếc cho vợ tôi khỏi nghi. . .

Một tháng sau, Hồng từ Bến Tre gửi lên một bức thơ động trời : Hồng đã lấy chồng !

- Biết mà, nó phụ tình để lấy thằng khác mà. Đồ bạc tình ! - Tôi chửi thảm lên như vậy.

Nhưng qua cái vố mạnh đầu tiên ấy, tôi lần lần nguôi lòng được và thôi giận Hồng.

- Ủ, con bé nó cũng khôn hèn đó, biết lo lập thân lấy chó cứ đeo theo mình hoài thì hông cả đời.

Nghĩ thế, tôi thôi giận Hồng và hối hận đã quá ích kỷ và nhưt là tôi thấy Hồng thật là cô gái khô khan, không đáng yêu tí nào cả. Con người gì mà ít tình cảm quá như thế, để lý trí lên trên, dám dứt tình đang nặng để đi lấy chồng ?

Tháng sau người đồng hương cho vợ tôi hay một tin còn động trời hơn nữa, là Hồng lấy chồng chắc chắn, một ông bang già người Tiền Châu, chủ vựa đường.

- Hà, cái này thì quá lắm. Tôi có thể tha thứ sự bạc tình của Hồng, nhưng không thể tha một sự tuột dốc quá sá đó. Con người đẹp đẽ thế kia, khôn ngoan thế kia mà lại đi lấy một chú Chệt già à ?

Thật tức chết đi thôi. Chính vợ tôi nó cũng đâm ngực mà kêu trời tiếc «bông hoa lài cặm bãi. . . c. . . trâu». Tôi nói thể vì, xin lỗi ông bang ấy, đó chỉ là một lời nói thôi, lời nói nhái ca dao, thật ra tôi không có ý so sánh bậy bạ đâu.

Hồng có chồng được năm tháng thì gởi lên bức thơ thứ nhì.

Anh chị thân yêu.

Tuần rồi em đã sanh được một thằng con trai. Cháu đủ ngày tháng nên tốt lắm, cân nặng được bốn kí lô.

Em xin phép anh chị đặt tên nó là Phận, cho liền với tên của cháu út Số của anh chị. Âu cũng là để tưởng nhớ anh chị và các cháu vậy.

Thân yêu

HỒNG

Vợ tôi đọc thơ xong rồi cười sặc sụa :

- À, chú chệt con lại đặt tên là Phận, cho liên với Số, Số Phận. Có lẽ đó là số phận làm bà bang của chị ấy mà.

Tôi ngạc nhiên hết sức về tánh vô ý của vợ tôi. Nhưng tôi, lòng đang nát ngấu nên không nói gì.

Trời ơi, lấy chồng mới có năm tháng mà sanh con lại đủ tháng ngày, nặng gần bốn ký lô ?

Thế nghĩa là Hồng đã có thai trước đó. . . Mà trời ơi, chắc chắn là với tôi.

Tôi vội đi ra sau, vào nhà tiêu để mà giấu những giọt nước mắt cứ trào ra, không cầm giữ được.

Thì ra Hồng đã hy sinh để cứu gia đình tôi.

Tuần báo Tầm Nguyên, 1954

NGƯỜI ĐẸP VEN SÔNG

Kể ra thì nghề của anh tư Được rất nhàn. Làm phu trên một chiếc phà máy, công việc chỉ tương đối hơi nhọc lúc phà lìa bến hay tới bến. Ngoài ra trong mấy mươi phút đồng hồ phà sang sông, anh tư chỉ phải ngồi đó mà nhìn trời nước mình mông thoi. Mà mỗi ngày anh được hưởng rất nhiều lần mấy mươi phút nhàn tản như vậy.

Anh tư Được không phải là thi sĩ. Anh cũng chẳng có tâm hồn thi sĩ nên anh ngắm phong cảnh mau chán mắt lắm. Và phong cảnh ở bến Bassac này cũng chẳng nên thơ tí nào.

Đứng một bên bờ, trông qua bên kia, chỉ thấy mù mù. Nơi bờ mình đứng thì chiếc cầu bắc đen thui, những cái quán lụp xụp, những ngôi nhà quản trị buồn như kho hàng.

Vì thế mà cái ngày người ta trồng tấm bảng quảng cáo khổng lồ ở bên này, phía Sài Gòn anh tư Được vui dạ vô cùng.

Tấm bảng đó quảng cáo cho hiệu kem đánh răng Perkol vẽ một mỹ nhân đang đánh bóng răng nàng bằng thứ kem ấy, đôi hàm răng đều, trắng, dễ thương như những hàm răng giả bày trong tủ kiếng các hiệu trồng răng ở chợ Cần Thơ.

Bảng cao quá, rộng quá, phà chạy đến giữa đại giang mà anh tư còn thấy được rõ mặt nàng đang tươi cười, tuy mặt ấy bị một khoảng cách lớn thu nhỏ lại, thu nhỏ mà vẫn còn bằng mặt người thật, nhìn tận mắt.

Ôi chào là nàng đẹp ! Nàng đẹp hơn tất cả các thiếu nữ lên xuống Sài Gòn mỗi ngày qua bến bắc này, đếm tới bằng mấy ngàn mỗi năm.

Anh tư đốt nát, không biết đó là họ chụp hình một người thật, hay là họa công tưởng tượng mà vẽ ra, hoặc họa công vẽ truyền thần theo một người mẫu. Nhưng anh muốn tin rằng người trong tranh có thật lắm.

Lâu ngày chầy tháng, anh làm quen được với thiếu nữ đánh răng bằng kem Perkol quen mặt và quen lòng nữa. Cỡ anh đi đường, gặp cô ta, chắc anh nhận ra ngay.

Ngồi trên phà, anh có cảm giác rằng người đẹp nhìn theo anh mà cười. Không, nàng không nhìn ai hết mà chỉ nhìn độc một mình anh thôi, chắc chắn như vậy, vì mắt anh luôn luôn gặp mắt nàng.

Quen lòng là như vậy đó. Đi chuyến phà đầu tiên trong ngày nào, anh tư cũng vắng nghe nàng tiên đánh răng nói to : “Chào anh tư !” Và vào chuyến chót trong ngày, anh lại nghe cô ta nói : “Mai ta lại gặp nhau”.

Anh tư biết cả giọng nói của mỹ nhân nữa, cái giọng ấy mà ra lệnh cho anh nhào xuống giữa sông Bassac cho dòng nước cuốn đi, anh cũng sẽ vâng theo.

Nhưng quái, sao không bao giờ người đẹp xuống chơi Hậu Giang cả, nếu người đẹp quả có trên đời này ? Anh tư mỗi ngày mỗi điếm những khách phụ nữ qua đò như một bà nội trợ điếm gà vào chuồng mỗi chiều tối, rất cẩn thận trong công việc, xem có sót con nào hay không, hoặc như một anh xếp bạc-ti-dăng

thời Tây bố, đứng tại cầu bắc mà nhìn mặt khách qua đò để tìm bắt một tên “phiến loạn”, nhìn trùng trùng vào từng người một, quyết moi cho ra một gương mặt khả nghi.

Phụ nữ qua lại bến đò này đẹp lắm, nhưng quả không ai làm cho lòng anh tư xao xuyến bằng cô gái kem Perkol. Và trong hằng ngàn gương mặt đẹp lướt qua nơi ấy, chàng không hề tìm thấy mỹ nhân mơ ước.

Nói cho ngay, anh tư nguyên là một nông dân chất phác và rất biết phận mình chớ không phải là kẻ có tánh trèo đèo. Người đẹp mà có thật chẳng nữa, anh chỉ lấy mắt mà ngó từ đằng xa thôi chớ cũng chẳng dám nhìn gần. Anh biết rằng trời sanh người đẹp ra không phải để cho anh mà để cho các bậc công hầu vương bá.

Tuy thế, anh cứ mơ. Giấc mơ không làm động tới móng tay người ngọc mà cũng chẳng tốn hao của anh đồng xu lớn, đồng xu nhỏ nào, thì sao anh lại không mơ cho sướng những ngày cơ khổ và khô cằn của anh.

Mình mà trúng số độc đắc thì mình sẽ đăng báo tìm cô đó. Rồi mình cậy mai cậy mối đi hỏi cô ta. Chắc cô ta còn con gái, ở với má. Trẻ đẹp thế mà đã có chồng đâu nà. Phải giấu kỹ chuyện cũ mới được. Không, mình không phải là phu phà máy ở bến bắc Bassac đâu. Không, thưa quý nương, tôi là con của ông Hội đồng dưới Cần Thơ kia mà.

Nàng núp sau lưng má mà nhìn mình bằng đôi con mắt này đây. Thương quá. Má bảo nàng rót nước mời ông mai với mình uống để có dịp biểu diễn qua cho mình coi giò coi cẳng. Nàng mắc cỡ lắm. Thương quá.

«Nàng là gái Sài Gòn, chắc văn minh, dạn dĩ, và can đảm hỏi:

- Thừa anh, anh ở Cần Thơ ?

- Dạ.

- Lên đây, anh phải qua bắc Bassac ?

- Dạ.

- Thế anh có thấy hình của em họa lớn trên tấm bảng quảng cáo cho kem Perkol ở đó hay không ?

“Mình sẽ nhảy lên mà la : “Có, chính tôi đã nhờ tấm bảng ấy mà biết cô, và xin lỗi cô, như là tôi đã xem mắt cô từ lâu rồi”.

Thật là :

Sông dài cá lội bắt tôm

Phải duyên chồng vợ ngàn năm cũng chờ.

“Kẻ chơn trời, người góc biển, nếu không duyên tiền định sao lại gặp nhau.

“Cưới được nàng rồi, mình mua nhà lầu ở Sài Gòn cho nàng ở cho sướng thân nàng và thỉnh thoảng về thăm quê hương, đi ngang qua bến đò này, cả hai sẽ nhìn tấm hình quảng cáo rồi nhìn nhau mà cười.

“Trời ơi, nàng ơi ! Nếu phải đưa lưng cho nắng đốt ba mươi năm để làm lưng hầu đủ tiền mà cưới nàng, tôi cũng không quản công, và nếu phải làm rẻ có công suốt mười năm, mỗi ngày rửa chơn cho nàng hai lần, tôi cũng chẳng sợ gì thân tôi ! ”.

Ảo mộng giúp tươi đẹp phần nào cuộc đời tăm tối và phẳng lì của anh tư Được. Sáng anh ăn lót dạ bằng đôi mắt và đôi hàm răng của người đẹp ven sông, tối anh dỗ giấc ngủ bằng hình bóng của nàng nó hiện lên trong đêm tối của nếp nhà lá của anh, còn to hơn là hình trong tấm bảng quảng cáo nữa.

Một hôm một người đồng nghiệp cũ đã giải nghệ từ hai năm rồi và tìm kế mưu sinh ở đâu không rõ, về quê và qua đó.

Họ mừng rỡ với nhau dữ lắm và nhìn quần áo bảnh bao của anh bạn cũ, anh tư Được hỏi :

- Bò làm gì và ở đâu mà coi bộ có cô hồn dữ vậy ?
- Mỏ chạy xích lô máy trên Sài Gòn.

Nghe đến tiếng Sài Gòn, tư Được giật mình đánh thót một cái. Từ thành phố lạ ấy vọng xuống từ lâu một tiếng gọi xa xôi, nó mời mọc chàng, nó rủ rê chàng, nó quyến dụ chàng bằng hình bóng người đẹp đánh răng.

- Chạy xích lô máy khá lắm hay sao ?
- Mỗi ngày, trừ sở hụi rồi, kiếm được trung bình một trăm rưỡi, bảnh như mấy thầy vậy a bò.
- Nghề có khó lắm không anh ?

- Phải lấy giấy thi. Cũng dễ thôi.
- Mỏ muốn quá.
- Muốn thì lên trên. Vui lắm.
- Nhưng lúc đầu, biết ăn đâu, ở đâu ?
- Tụi mình là bò ruột xưa, bò cứ lên, mỏ bao bọc tháng đầu.
- Anh về quê bao lâu ?
- Nửa tháng. Xây mộ cho bà già xong là trở lên.
- Anh qua đây, ghé nhà tôi một bữa, đợi tôi thu xếp được chớ?
- Phải như vậy, không thôi bỏ làm sao mà đi cho kịp chuyến xe với mỏ.

Cái bận mà anh tư Được rời gốc mù u của làng anh để ra đây, anh bùi ngùi không bằng bây giờ, mặc dầu bến «bắc» này, anh không bịn rịn nó bằng nơi chôn nhau cắt rún của anh.

Đi Sài Gòn, tức là xa người đẹp ven sông. Vẫn biết là lên trên ấy cốt để tìm nàng mà nhìn một cái cho hả dạ, nhưng biết tìm được hay chẳng và nhứt là biết có nàng hay không.

Người đẹp ven sông tuy chỉ là một bức hình vẽ nhưng ít ra cũng có bóng dáng của người đẹp, cái bóng dáng mà chàng nhìn mãi thành ra thấy nó có linh hồn, thành ra ghi được hình ảnh nó trong tâm tư của chàng để mà bầu bạn với, trong những lúc cô đơn.

Đi Sài Gòn tức là bỏ mồi bắt bóng mà cái bóng theo đuổi còn mong manh hơn cái bóng chắc có ở đây nhiều lắm.

Nhưng mà. . . phải đi. Khó mong trúng số độc đắc lắm, nhưng dành dụm mỗi tháng ba, bốn ngàn, có ngày đủ vốn để mà dám nghiêm trang nghĩ đến cưới người đẹp mơ ước, nếu may ra tìm được nàng. Nghề chạy xích lô máy là con đường đưa chàng đến non tiên, tuy đường dài và lắm gai góc nhưng mà có con đường và hễ bền chí dày công là tới nơi, chớ như ngồi đây mà đợi vận, biết bao giờ cho có được năm ba ngàn chớ đừng nói chi cho nhiều.

Đi để kiếm tiền, mà cũng để thử tìm ai. Một công đôi ba việc, sao lại cứ quyển luyện tâm bằng quảng cáo này ?

Anh tư Được xin thôi việc, bán nhà với điều kiện người mua chồng tiền và nhận nhà ngày chàng lên đường. Anh nhắn tin về làng cho bà con hay là anh đi xa thử thời vận, rồi trong mấy ngày cuối cùng rảnh rang, anh tư, nhơn hết còn dính líu với quản trị của bến đò lấy vé qua sông mỗi hôm mấy bận để nhìn người đẹp những lần chót hầu chia tay giả bạn.

“Cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy ? ” Người đẹp ven sông sao hình như cũng sa sầm nét mặt xuống. Nàng vẫn cười, vâng, nhưng cười đây là cười gượng gọi là, chớ khách qua đò nào phải tri âm của nàng đâu.

Họ đi qua, không để dấu tích, không để lại mảnh tình nào của họ cả, mà cũng chẳng mang theo mảnh tình nào của nàng. Hết lên khỏi đó là họ quên nàng mất. Tri âm là chính anh tư này đây, là con người mỗi ngày mấy mươi bận chiêm ngưỡng trước tượng nàng, mỗi đêm thắp hương, đốt trầm trong tâm khảm đề tụng niệm nàng.

Những đường được quyền ưu tiên là : đường Hai Bà Trưng, đường Trần Hưng Đạo. . .

Những xe được quyền ưu tiên là : Xe Cứu hỏa, xe Cấp cứu, xe Hồng thập tự. . .

Đây, những trường hợp bị rút bằng lái xe : Cán người rồi bỏ chạy luôn. . . .

Anh tư Được học những thứ rắc rối bề đầu ấy một cách khó sỗ. Từ thuở nhỏ đến giờ, anh chỉ học có mỗi một loại bài học thuộc lòng là mấy bản vọng cổ. Mà nào có khó nhớ như thế đâu.

Vọng cổ sao mà lời nghe rất bùi tai, học qua vài bận là nó dính chết vào trí anh ngay :

Cái con nặn đàn kê sương nơi biển Bắc ơ. . . ơ. Còn cái con én cam. . . khóc hạn ông trời Nam. . . Thảm thay Ngưu Nữ. . . .

Cái ngữ tiểu ri, cái ngữ Cốt và Xi-nhô này sao mà lảng nhãng, nghe man rợ không êm ái chút nào. Cái gì mà thằng cha dạy học nó bóc một lượt bốn chiếc xe hơi nhỏ mua ngoài chợ, thứ để các em nhỏ chơi rồi, đoạn thả đùn cục lên một con đường vẽ trên bàn, rồi hỏi :

- Xe nào lỗi ?

Ý a, xe nào cũng lỗi cả, thưa ông. Ông hỏi như vậy tí tôi cũng chẳng biết đâu mà rờ. Nếu ông hỏi xe nào lỗi nặng nhất thì họa may tôi mới trả lời trôi.

Còn cái vụ Xinhô mới sát nhọn chớ. Cái gì mà hình nào cũng tròn cả, trong vẽ rồi nuôi các thứ, hoặc ba góc cả, trong sơn màu vàng tuốt hết, đến mấy mươi cái như vậy mà mỗi cái nói một chuyện khác nhau, lộn xộn như bùa thầy pháp, cỡ con nít mắc bệnh tà, dán Xi-nhô lên chắc là phải xuất tức khắc.

Bên cạnh anh tư, có những bà những cô đẹp ghê hồn. Ù, anh tư nhận thức rằng ở đây có lắm cô đẹp bằng người đẹp ven sông của anh. Tuy nhiên không vì thế mà anh bớt mê kiều nữ đánh răng bằng kem Perkol.

Vậy, những bà những cô xinh đẹp ghê hồn ấy cũng học cùng lớp với anh. Có hãnh diện cho anh không chớ ? Nhưng cũng nhục nhã cho anh lắm vì họ học đâu nhớ đó và ông thầy hỏi đó bắt nhọn đến đâu, họ cũng đáp trơn tru hết thầy.

Anh tư lo quá. Người đẹp nào chắc cũng thông minh như vậy, và người đẹp ven sông không ra ngoài định luật đó. Như thế, anh sẽ là thằng Lãnh trong mối tình giữa nàng và anh.

Anh tư Được thi lái là đậu ngay, nhưng rớt Cốt và Xinhô đến mấy bận, phải đóng lại tiền trường một lần trọn học phí và một lần phần xúp hai trăm nữa. Anh lại ở không mà tiêu xài nên số tiền hiếm hoi dành dụm được, mang lên đây đã gần cạn.

Tuy vậy rốt cuộc anh cũng lấy được giấy thi và nhờ bạn dẫn đường, mượn được xe để sinh sống.

Anh tư chạy xe ban ngày, noi dấu người bạn đã cho anh đùm đậu và đã dạy nghề anh. Cứ theo anh bạn đó thì bọn đi chơi ít sử dụng xích lô máy lắm, mà khách ban chiều và ban đêm phần đông là bọn đó.

Chạy xe giắc sáng, sẽ dễ sống lắm nhờ bọn làm ăn.

Quả có như thế. Và mặc dầu còn lờ khờ, anh tư cũng kiếm được mỗi ngày trót trăm bạc, đã trừ xong tổn phí mọi thứ rồi. Cứ theo cái đà này mà tiến thì anh sẽ làm giàu không mấy hồi và cái mộng của anh không còn phải là ảo mộng nữa.

Chỉ phiên là lên đây đã ba tháng trời rồi mà nàng tiên đánh răng không thấy đâu cả.

Ôi chao ! Ở đây người đẹp sao quá nhiều ! Cô nào cô nấy như tiên nga giáng thế. Nhưng tuyệt nhiên không hề thấy tiên nga nào đi chung với một người có phong độ như anh tư cả.

Muôn đi chung với tiên nga, phải bảnh như thế nào, anh tư quan sát rất kỹ, định bụng chừng gặp người đẹp ven sông, anh sẽ ăn diện như những tay bảnh đó.

Anh bạn ân nhân đã giàu có đã sắm nhà và sắm chiếc xe riêng cho anh ta. Cố nhiên là anh ta vẫn cứ chạy buổi sáng. Buổi chiều anh ta không nở để xe nằm không, sợ xe nó buồn. Anh ta cũng không nở cho người lạ thuê sợ họ bạc đãi nó.

Thành thử anh ta nài nỉ anh tư Được chiều cố giùm đưa con cung của anh trong giấc chiều và giấc tối.

Chiều và tối ít mỗi lại phải dầm mưa hứng sương, nhưng anh tư không phải là đứa vong ân bội nghĩa nên anh cắn răng mà chịu cảnh lép vế ấy.

Hai giờ trưa đang nắng muồn bẻ đầu, năm giờ chiều mắ mưa ướt loi ngoi. Tối lại thì không có khách, phải đợi tới nửa đêm, lai vãng đến trước mấy rạp cải lương mới kiếm được ít tiền.

Đêm ấy, quên mất vì lý do nào mà anh tư Được lại ngừng xe trước một nơi kia mà anh nghe trong ấy rộn lên tiếng kèn tây, tiếng đàn tây, tiếng ca hát.

Một lát sau đó thì thiên hạ từ trong ấy tủa ra. Nhiều tiên nữ giáng trần lắm. Tiên nào cũng được các tiên ông mời lên những chiếc xe hơi bóng lộn, duy chỉ có vài cô tiên là phải đi tắc xi thôi.

Anh tư ngồi trên yên xe mà nhìn mê những kiều nữ đã đẹp lại còn huyền hoặc hơn dưới ánh đèn.

Mà kia, còn một mỹ npon ra trể. Mỹ npon dáng đặc nhìn quanh. Đêm vắng lặng. Xe nhà đi mất cả rồi. Vài chiếc tắc xi hiếm hoi cũng đã có khách từ lúc này.

Biết rằng người bánh không dùng xích lô máy, anh tư không hy vọng gì. Nhưng cô ấy nhìn xe anh, do dự rồi xăm xăm đi lại phía anh.

Khi cô ta tiến đến gần thì bỗng anh tư rụng rời. Đó là người đẹp ven sông. Đúng như vậy và anh không thể làm được. Anh đã thuộc lòng vàng trán đó, đôi mắt đó, cái dáng tổng quát của khuôn mặt đó từ bao nhiêu năm rồi, làm sao mà trông gà hóa cóc được.

Trời ơi, thì ra người đẹp ven sông quả có trên đời này và thợ vẽ khéo tay nào đó đã truyền đúng sắc diện của nàng lên bức tranh quảng cáo.

Anh tư chết sững trên yên, người đẹp tự tiện ngồi lên xe, nói gì anh, không nghe biết. Cô ta phải hét lên, anh tư mới sức tỉnh cơn mê và bối rối hỏi :

- Thưa cô dạy gì ?
- Đi Tân Định. Điếc sao ?
- Thưa cô, có phải cô ở Cần Thơ hay không ?

Người đẹp ngạc nhiên, day lại nhìn cái người phu xe đã hỏi một câu vô lý hết sức. Nào cô có ở Cần Thơ bao giờ đâu. Rồi cô ta đâm sợ, sợ gặp phải kẻ bất lương. Nhưng vì không còn xe nào nên cô đành ngồi luôn đó và hăm dọa :

- Liệu hồn. Tôi đã lấy số xe của anh rồi đó.
- Dạ, không có gì. . . ơ. . . hơ. . . tôi chỉ hỏi. . .

Rồi anh cho nổ máy.

Người đẹp ở trong một ngõ hẻm sạch sẽ, rộng rãi mà nhà cửa hai bên còn sang hơn hẳn nhà ở ngoài mặt tiền đường nữa kia.

Anh tư cố ghi vào trí tên đường, số ngõ hẻm và số nhà, và lúc xòe tay ra nhận tiền, anh nói :

- Thừa cô, tôi nói cô ở Cần Thơ là nói. . . ơ . . . hơ . . . cái hình của cô ở dưới. . . ơ . . . hơ . . . cô đánh răng.

Người đẹp ven sông chợt hiểu, châu mày tỏ vẻ khó chịu rồi ngoe ngoáy bỏ đi vô sân nhà.

Kể từ đêm ấy, tối nào anh tư cũng thức khuya, trời mưa như trời khô ráo, dầm mưa hứng sương để chờ đợi người đẹp tại trước ngôi nhà vang tiếng kèn tây, đờn tây và tiếng ca hát.

Đúng vào giờ phút của đêm đầu gặp gỡ ấy, các tay đờn ông bảnh và các nàng tiên túa ra, kẻ lên xe nhà, người đi tắc xi, nhưng tuyệt nhiên không hề thấy bóng người đẹp bên sông.

Trong mấy tháng đầu lên đây, anh tư nhớ bức hình dưới bên bắc. Nhưng chỉ nhớ vậy vậy thôi. Giờ anh nhớ người đẹp bằng xương bằng thịt một cách ray rứt vô cùng.

Thuở bé, có một khi kia má anh đi vắng hai tháng trời. Anh đã khóc mù, nhưng quả thật anh nhớ má không xót xa bằng nhớ nàng ngày nay.

Trời ! Giờ anh đã thấy được bàn tay thật của nàng, nó dịu hơn bàn tay vẽ nhiều lắm. Còn bàn chơn mới non làm sao chứ ! Bàn chơn ấy phải đi trên gạch bằng vàng mới xứng đáng, phải bước

trên lụa mới khỏi cán gót son của nó chớ còn chiếu bông cạp điều cũng còn thô quá.

Trời ! Mùi hương của nàng. . . Nàng ơi, nàng cứ bước trên lưng tôi mà đi cho sướng chơn vì lưng tôi có những bắp thịt êm như nệm bông gòn.

Anh tư bèn chí đến hơn một tháng mà bóng chim tăm cá cứ bật cam. Anh có trở lại ngõ hẻm trên Tân Định mấy lần, để xe ngoài đường lớn, đi bộ vào rình trước căn nhà ấy, nhưng vẫn không thấy nàng thoáng hiện một lần.

Anh dư biết người sang chỉ đi xích lô máy khi nào tưng xe lăm về khuya, đường vắng thôi, nên không trở lại đó nữa mà chỉ đợi trước cái nhà có ca nhạc ấy thôi.

Một đêm, không rõ sao anh ta lại cả gan dám đón một nàng tiên trong đám quần tiên dạ diễm ấy để hỏi thăm tin tức của người đẹp ven sông.

- Anh hỏi ai ? - Nàng tiên áo hồng xẵng giọng hỏi lại vì cô nghe chưa rõ cái câu rối nùi của anh.

- Dạ, cái cô ở ngõ hẻm Lý Trần Quán trên Tân Định.

- Hỏi để chi ?

- Dạ, cô đi xe tháng, nhưng không hiểu sao khi không cô lại không đi nữa.

- Còn thiếu tiền anh à ?

- Không, cô sòng phẳng lắm.

- Cổ đã thôi làm ở đây rồi.

Tiên nữ áo hồng lên xe Huê Kỳ rồi, anh tư mới chột thấy rằng mình ngu ngốc quá. Ủ, cổ thôi làm ở đây, rồi đi làm ở đâu ? Sao lại sẵn dịp may, không hỏi luôn thể. Và làm ở đây với lại làm nơi khác là làm cái gì mới được chứ ?

Đêm sau và những đêm sau nữa, anh vẫn đến đó vào giờ tiên ra, nhưng anh không bao giờ dám đón ai một lần thứ nhì để hỏi thăm về người đẹp ven sông.

Anh tư tiếp tục tới đó chỉ vì thói quen. Anh lại đến như để hành hương trong tinh thần hầu chiêm ngưỡng cái nơi mà ngày xưa một vị tiên nữ đã hiện xuống, đã đặt gót chân lên một phiến đá, ấn gót cho lún xuống thành một khoảng lõm rồi từ khoảng lõm ấy một mối nước trời lên. Đòi đòi kiếp kiếp người đòi đến đó để vọng bái dấu gót linh thiêng.

Mỏi mòn, mòn mỏi, anh ta bỏ cuộc, nhưng lòng còn mang một chút xiu hy vọng mong manh sẽ tái ngộ với người đẹp đêm nào.

Cuộc tái ngộ ấy đến hai tháng sau mới xảy ra tại góc hai con phố Thái Lập Thành và Tự Do. Lúc ấy vào khoảng nửa đêm. Đường sá vắng hoe vì đó là đêm thứ bảy đầu tháng, xe nào cũng tắt mồi.

Người đẹp đi với một ngoại kiều cao bằng hai cô ta. Sống ở Sài Gòn được tám tháng rồi và dấu khờ khạo đến đâu, anh tư Được cũng hiểu tánh cách giao thiệp giữa hai người.

Lần này thì anh chết sững thật sự, chết sững theo nghĩa đen. Anh vừa đẩy xe lại đón khách thì bỗng thành linh bị trời trồng trên đà tiến tới của anh.

Khách đợi mãi, sốt ruột hét lên. Anh chợt tỉnh : thót lên yên, cho nổ máy rồi cho vọt phóng tới thật lẹ, đoạn biến mất trong đêm lặng.

Khách rất lấy làm kỳ cho một người phu xích lô lên cơn điên thành linh, sau một trận mưa làm cho không khí Sài Gòn mát mẻ vô cùng.

Anh tư cho xe chạy bay như vậy không biết trong bao lâu, chạy bán sống bán chết như bị cộp đuổi theo sau lưng. Ngồi trên xe có động cơ mà anh nghe đuối súc và khi đã mệt lử, và thấy đã xa nơi ấy quá rồi, anh mới hãm xe lại.

Anh xuống yên, lên xe ma ngồi như khách, ôm mặt lại để hình dung ra những gì anh vừa thấy mà không dám ngó cho kỹ.

Nhưng rồi anh cũng không dám hình dung cảnh ấy nữa. Anh kêu trời thảm lên một tiếng, nấc mấy cái rồi khóc òa.

Năm xưa, hồi Tây đại bố ráp, chúng nó đốt nhà anh, anh không khóc. Chúng nó hiếp em gái anh, hạ sát em trai anh, anh cũng không khóc. Mà giờ không có gì cả, anh lại rơi lệ.

Trời sanh ra người đẹp không phải để cho anh, anh dư biết điều đó, và chỉ mơ mộng vậy thôi. Anh sẽ đưa lưng ra làm thảm lót cho người đẹp và chồng của người đẹp bước đi mà không hề ghen tức.

Anh yêu người đẹp một cách cung kính như tín đồ Phật giáo yêu Đức Bà Quan Âm. Thế nên, anh cũng yêu luôn cái người mà người đẹp yêu.

Nhưng tác phong của người đẹp mà anh tình cờ bắt chợt, đã gây một sự sụp đổ ê chề nơi lòng anh. Tượng Đức Bà Quan Âm mà anh chiêm bái từ bao lâu nay, bỗng dung ngã xuống, và anh xem lại thì tượng làm bằng một thứ nguyên liệu bản thủ vô cùng.

Cả một lòng tin đổ vỡ. Anh không khóc vì thương xót người đẹp, không khóc vì sợ tàn rụi mối tình của anh mà khóc cho sự sụp đổ của lòng tin ấy. Phải, đó là một tín ngưỡng. Khi ái tình thanh cao quá và người ta yêu cao quý quá, tình yêu biến thành một tín ngưỡng gần ngang hàng với bất kỳ tín ngưỡng đứng đắn nào,

Khi một toán cảnh sát đi ngang qua đó, hồi ba giờ sáng, họ ngỡ anh phụ xích lô này ngủ ngoài đường, đuổi khéo anh đi, anh tư Được mới ra khỏi cơn ác mộng.

Anh đi thẳng về nhà người ân nhân, để giao xe, để vĩnh biệt anh ấy hầu về quê. Anh không còn lý do làm giàu nữa. Gom cho được nhiều tiền để xây thêm vàng cho ai ? Anh không còn lý do tìm vết người đẹp ven sông nữa vì anh đã tìm thấy rồi.

Khi qua bắc Bassac, lúc phà lìa bến, anh ngoái cổ lại mà nhìn lần cuối cùng nàng tiên của anh. Tám bảng quảng cáo đã cũ quá rồi. Gió, sương, mưa, nắng đã làm dột chất sơn. Mặt người đẹp tróc nước men, loang lổ nhiều nơi.

Và kỳ lạ thay. anh thấy cái miệng đơm bọt kem của nàng, cái miệng nhiều duyên cứ nhìn mãi mà không cần ăn gì cũng được ấy, cái miệng đó như là đang mếu.

Nàng tiên ơi ! Nàng cùng khóc nữa a ? Phong trần nơi bên bắc chà đạp chơn dung của nàng làm cho nàng buồn, hay phong trần của xa hoa chà đạp đời nàng khiến nàng đau ? ”

Phà ra tới giữa sông rồi anh tư còn quay cổ lại để nhìn cái mếu của ai, và vắng nghe như ai đang nói với theo cùng anh : “Xin lỗi nhé, tôi có muốn gieo sâu cho anh đâu, chẳng qua đời là thế đó thôi”.

Nhật báo Buổi sáng, 1962

NGƯỜI CHUỘT CÔNG

Đã sáu giờ sáng rồi mà đường còn vắng lạ, vì hôm đó trời mưa. Những hột mưa nhỏ rít, rơi như hột bụi trong gió, làm lạnh thâm lòng.

Ba bóng người lầm lũi như bóng ma, đi co ro dưới làn mưa bụi, tiến đến góc đường Nancy ,

Họ vừa dừng bước thì ánh đèn điện nơi đó cũng vừa tắt.

Người đàn ông và anh con trai mặc áo thun, quần đùi vải đen. Người đàn bà mặc áo khỉ vải đen. Trừ người đàn bà này ra, thì họ đều có xách mỗi người một cái thùng thiếc và cầm nơi tay một vật như là cây đèn pin.

Họ dáo dác nhìn khắp bốn phía, rồi cùng cúi xuống mặt đất một lượt.

Họ hè hụi nắm quai sắt của cái nắp ống cống mà giở lên. Nhưng họ không giở tốc ra, chỉ đẩy trịch nó qua một bên, thành ra miệng cống chỉ hở nửa chừng.

Bây giờ người đàn ông ngó trước xem sau là một lần nữa, đoạn lượm thùng và đèn, rồi bước xuống hang. Anh ta lần theo nấc của chiếc thang sắt mà leo xuống.

Ở xa mà nhìn, thì người ta có cái ấn tượng rằng anh bị một con quái vật nuốt lần lần.

Khi cái đầu anh ta đã hụp mất rồi, thì người con trai lại xuống tiếp liền theo.

Cả hai cùng xuống hết. Người đàn bà một mình kéo cái nắp cho đầy trăm miệng hang lại. Chị ta kéo cực nhọc lắm mà cái nắp bê-tông nặng trĩu chỉ chịu xít tới từng chút thôi. Nhưng rốt cuộc rồi cũng được.

Hai người đàn ông đã xuống tới đáy giếng. Anh con trai vừa thọc cẳng xuống nước vội giựt lên. Anh nghe cái lạnh chạy từ gan bàn chơn lên tới óc. Nên chỉ anh ngại không muốn rời nấc thang sắt cuối cùng.

Người đàn ông lớn tuổi bấm đèn pin rọi sáng xung quanh, rồi nạt :

- Bước đại xuống coi nà !

Nơi đó là một ngã tư đường cống. Bốn ống cống giáp nhau nơi miệng ấy, nên nước chảy mạnh ồ ạt. Trong ánh đèn pin, người con trai nhìn dòng nước đen như nước thuốc bắc mà ái ngại. Anh ta bịt mũi để bớt thở vô cái mùi hôi thúi nặc nồng trong hang.

Anh vừa quả quyết bước xuống thì bỗng nghe một cái đùng, nên giựt nảy mình, bước lên một nấc.

- Cá lớn ! - Người có tuổi kêu lên như vậy.

Ham quá, anh con trai bước đại xuống. Nhưng chất bùn nhòn nhòn dưới đáy cống làm anh ta nhòn nhột ở bàn chơn.

Anh nhìn lại bốn cái cống : nó thấp cỡ tới cổ người lớn. Nước chỉ lên tới nửa ống quyển thôi.

- Chun vô ống này - Người đàn ông lớn tuổi bảo như vậy.

- Ba quen, ba chun trước đi.

Suy nghĩ điều gì giây lâu, người cha rọi đèn vào ống cống bên mặt, rồi khom lưng mà chun vô.

Đi xa miệng cống chừng nào càng ngộp chừng nấy.

Người con trai bấy giờ không khó chịu vì mùi hôi thúi nữa, mà chỉ khổ vì thiếu không khí. Anh ta ước ao được thở hơi thúi

ở miệng cống cũng còn sướng hơn không khí ở đây nhiều.

Nhưng cá nhiều quá, những con cá lóc to bằng bắp chuối cứ lội đụng chơn họ hoài. Mải ham chụp cá, hứng cá, mà anh con trai quên tất cả mọi nỗi khó chịu.

- Những bữa trời như vậy mà đi thì cực thiệt nhưng lại “trúng”.

- Còn mưa lớn, hay nắng, có cá hôn ba ?

- Mưa lớn làm gì dám xuống. Còn trời nắng thì cá ít lắm. Cái hồi tao mới tập đi lần đầu như mày bây giờ, ông nội mày dẫn tao xuống lúc trời tạnh mưa. Ôi thôi ! Lúc trời tạnh mưa, cá chỉ có hốt mới là hết, chớ không cần bắt nữa.

Họ đã quẹo qua nhiều ngã, đã gặp nhiều miệng cống, và thùng của hai người đã nghe nặng lắm rồi.

- Mày có đề ý gì không ?

- Không.

- Đường như mực nước cao hơn, với lại nước chảy mạnh hơn.

- Dạ, phải.

- Có lẽ trời mưa. Lại, những buổi sáng mưa tro như vậy, thì trời không mưa lớn được. Nên tao mới dám xuống. Mà sao. . .

Hai cha con đứng yên, nghe nước chảy càng ngày càng ồ ạt. Mực nước cao lên trông thấy. Bây giờ nó đã ngập đầu gối hai người.

- Mau trở lên, mưa lớn rồi.

Người cha ra lệnh như vậy, rồi cả hai đều xây lưng. Thành ra người con dẫn đầu chó không phải cha nữa.

Đối với những khúc quanh đầu, trên đường về họ không do dự, như đã thuộc nẻo đi lắm.

Nhưng đến một ngã ba kia, hai cha con đứng lại nhắm hướng.

- Hồi nãy mình nhắm hướng nam mà đi ra, bây giờ queo vô thì trúng - người cha nói như vậy.

- Nhưng mình nào phải chỉ đi ra từ hướng này. Mình có queo xuống hướng bờ sông kia mà.

Người cha lướt tới vệt con qua một bên rồi rọi đèn pin lên nóc đường hầm rồi quả quyết queo qua tay trái.

Bây giờ nước đã lên tới bụng họ rồi. Họ chạy, chó không đi nữa, vì tiếng nước đổ ồ ồ cứ mạnh thêm lần. Tiếng nước vang dội trong hầm cống, nghe như là tiếng thiên binh vạn mã tràn tới.

Nước đã lên khỏi rún họ !

Đến một ngã tư miệng cống hai cha con bị nước trên đường đổ xuống như thác, làm hai mắt không thấy đường nữa.

- Leo lên ! Không cần kiểm miệng cống cũ nữa. Miễn khỏi chết đuối thôi thôi.

Họ leo thang trong khi nước cử đổ xối xả xuống.

Khi tới nắp hầm, ông cha một tay nắm nắp thang, một tay nung thử nắp cống.

Bỗng ông hốt hoảng la lên :

- Thôi chết rồi !

- Gì đó ba ?

- Mình trúng nắp cống có trét xi măng.

Không bảo nhau, hai cha con lại tuột xuống, con trước, cha sau.

Tới đáy giếng họ thấy ống cống bị ngập quá nửa và nước đã lên gần tới ngực họ.

Hai cha con vô cùng kinh khủng và lại đi nữa trong đường hầm. Họ mong gặp một ngã tư miệng cống khác, nhưng đi mãi cũng cứ gặp độc đạo.

- Oái !

Đó là một tiếng kêu thất thanh của đứa con đang dẫn đầu.

Người cha bấm đèn bin thì thấy con đang chơi với giữa một dòng nước to rộng lắm : Họ đã gặp phải ống cống cái. Nước trong ống này chảy mạnh như nước nguồn lúc mưa lũ đổ. Anh con trai cố lội ngược dòng để trở vô miệng cống nhỏ, nơi cha anh đứng. Nhưng những cố gắng của anh đều vô ích, và càng ngày, anh càng bị đưa đi xa.

Không biết nghĩ sao, người cha cũng lao mình ra ống cống cái, và sau một giây là hai cha con đã nắm tay nhau.

Bây giờ họ không còn thúng và đèn pin nữa. Hai cha con cố lội ngược.

Được vài phút họ đuối quá, và thấy cử chỉ của họ là vô lý. Lội ngược đề mà đi đâu mới được chớ.

Như phát minh ra được điều gì hay, hai người đều mừng rỡ và đầy dẫy hy vọng. Họ thả trôi theo dòng nước, mong nước đẩy họ ra sông. Phải, chỉ còn con đường đó mới mong thoát được.

Họ bị đưa đi lẹ như bè tre xuống thác.

Bỗng người cha nghe kêu một tiếng vang dậy trong đường hầm : “Trời ơi” tiếp theo đó là tiếng của một vật cứng chạm vào đá, rồi thôi.

Ông ta vừa kịp nhận ra con mình đã bị đập đầu vào vách hầm, và chưa kịp đau lòng thì ông cũng vừa đưa đầu vào đá và không còn biết gì nữa hết.

Người đàn bà khi sáng, trở về nhà, đợi vài giờ sau, như thường lệ, rồi ra rước chồng, bằng cách phụ đỡ nắp cống trong khi chồng ở dưới nâng lên.

Nhưng sáng hôm đó, bà ta ra trước giờ, cũng vì đám mưa nguy hiểm. Bà ta dầm mưa mà đi.

Chỗ ấy đường vắng, nên ban ngày họ lên xuống như thường, đã mười mấy năm rồi.

Người đàn bà cúi xuống nắp cống đầy hủ, kêu : “Ba nó ơi”, “Con ơi ! ”. Chỉ nghe tiếng vang dưới cống vọng lên.

Cứ mỗi năm phút bà ta lại kêu một lần.

Và bà ta đợi cho đến tàn đám mưa, qua một đám mưa khác, đợi ngoài nắng đến xế chiều, cũng không thấy tăm dạng chồng con.

Đến chiều, bà lão đảo đứng lên, đi mà không biết đi đâu, không khóc được, vì bà đã hết nước mắt khi năm xưa bà khóc ông cha cũng chết vì nghiệp ấy.

Tuần báo Lẽ sống, 1960

NỖI BUỒN CỦA NGƯỜI SẮP CHẾT

Năm 1960, tôi về làng X để thăm lại một gia đình đã cho tôi ăn cơm trong nhiều ngày, vào cuối năm 1945, khi tôi tản cư về hậu phương, như bao nhiêu người khác, khi Pháp tái chiếm Việt Nam.

Cuộc viếng thăm này rất dễ dàng vào năm 1954, là năm ký hiệp định Giơ-ne (Geneve), nhưng dạo ấy tôi bận quá, bỏ qua luôn. Sau, gặp người làng, hỏi thăm lại thì làng X vẫn được an ninh, nên tôi mới có được dịp viếng thăm quá trễ muộn ấy.

Mười lăm năm đã qua rồi, và chú Sáu chủ nhà đã lên lão, một ông lão sáu mươi lăm.

Chú Sáu đã yếu lắm, vì một chứng bệnh kia chớ không phải vì cái tuổi sáu mươi lăm của chú, là cái tuổi mà lắm nông dân còn cày ruộng được.

Chú Sáu mắc bệnh ung thư bao tử, chú có đi nhà thương, nhà thương bảo phải mổ.

Chú ấy biết rằng mặc dầu ngày nay khoa mổ xẻ rất tiến bộ, nhưng vẫn còn lắm trường hợp rủi ro, nên chú thích chết ở nhà hơn, và không nhờ nhà thương nữa.

Tôi hơi ngạc nhiên mà thấy chú Sáu buồn. Sau những giờ đầu mừng rỡ gặp lại cố nhân, chú ấy bỗng hết là con người vui tánh và yêu đời trong bất cứ lao đao lận đận nào.

Nhớ cuối năm 1945, đầu năm 1946, hễ khuya thì dân làng nấu cơm ăn để “chạy Tây”; ăn xong, mang cơm nước theo lên rừng, ở mãi tới chiều mới về. Như vậy từ tháng này tới tháng khác, mọi công việc đều làm ban đêm, kể cả gặt lúa nữa, cực khổ không biết bao nhiêu, vậy mà chú Sáu vẫn cứ vui cười và truyền lấy lạc quan của chú cho cả làng, thật khác xa với bây giờ không biết bao nhiêu.

Tôi cứ ngỡ tuổi tác và bệnh hoạn thay đổi con người của chú, nhất là cái chết cầm chắc trong tay, không biết nay mai gì đây thì chú sẽ theo ông, theo bà, chú biết rõ như vậy, có lẽ do những lời không giữ gìn của các y tá nhà thương, nên tôi không ngạc nhiên, không tò mò tìm biết gì hết.

Tôi không định ở lâu, nhưng rồi vẫn nấn ná nơi đó hơn mười ngày vì một lần đi, một lần khó, không phải lúc nào cũng thăm gia đình tốt bụng ấy được, mà chú Sáu có thể chết trong một vài tháng tới, vài năm sau, tôi trở lên thì không còn thấy mặt chị nữa, vì vậy mà tôi không đành về.

Thím Sáu cũng cùng tuổi với chú ấy nhưng già hơn chú ấy nhiều, dĩ nhiên là như vậy. Nhưng thím vẫn vui tánh như ngày nào.

Hai vợ chồng sống với cậu con trai út đã hăm mốt tuổi, mà năm tôi tản cư, cậu ấy còn ở trường chồng vắng vì mới lên năm.

Sáu người con khác của chú Sáu, thím Sáu đã ra riêng cả từ lâu rồi

Có lần tôi hỏi riêng thím :

- Thím Sáu nè, tôi nhớ ra thì hình như là chú Sáu can đảm lắm trước nguy hiểm, lúc ta còn chạy giặc mỗi ngày. Nhưng giờ tôi thấy chú Sáu cứ buồn buồn hoài, có vẻ sợ chết lắm phải không thím ?

Thím Sáu đáp :

- Không, bọn già chúng tôi không sợ chết vì chúng tôi tin chắc rằng chết rồi vẫn còn một thế giới để mà về, chớ không phải quả quyết rằng chết rồi thì hết như mấy người trẻ tuổi. Tôi chắc chắn là ông không sợ chết đâu.

Chính ông đã cùng tôi chuẩn bị đám ma của ông, ông đã mua hòm rồi, thầy không thấy đó hay sao ? Ông lại hái củi tốt để dành có đám ma thì khỏi lo củi lửa, ông đã may áo tằm liệm, đã lo phần mộ xong cả rồi. Một người chuẩn bị như vậy, đâu có sợ chết.

- Nhưng sao chú Sáu lại buồn ?

- Tôi cũng không biết, và cũng hơi lầy lăm lạp.

Lẽ dĩ nhiên là ông không thể vui, người sắp xa vợ, xa con cháu một cách vĩnh viễn thì không vui vẻ lắm được, nhưng buồn dầu dầu thì thật là trái với tánh của ông.

- Chắc chú buồn từ ngày ở nhà thương về ?

- Không. Sau đó nửa tháng, ông mới buồn.

Rời nhà bếp và thím Sáu, tôi chú ý đến một chiếc cối xay đang được chế tạo dở chừng.

Chú Sáu là nông dân, nhưng cũng là một người thợ, như hầu hết những người thợ khác : thợ rèn, thợ mộc vân vân ở thôn quê. Họ cày cấy đám ruộng nhỏ của gia đình hoặc trồng trọt khu vườn nhà, và kiếm thêm tiền xúp bằng một nghề thủ công, lâu lắm mới nhận được một cái «còm măng», không đủ đầu vào đầu cả nhưng họ cứ làm.

Chiếc cối xay này chỉ mới xong có thớt dưới, nghĩa là một bộ chơn bằng gỗ, và chính cái thớt tre nằm giữa ấy, nhưng đất sét đỏ không đầy thớt rồi công việc bị bo luôn, đất sét đã khô cứng lại từ lâu. Bây giờ có muốn chôn răng cối bằng tre trong đó cũng không được nữa.

Tre đan thớt cối cũng ngả từ màu xanh qua màu vàng, chứng tỏ rằng chú Sáu khởi công đã lâu lắm rồi, ít lắm là sáu tháng, mà công việc này chỉ đòi hỏi vài ngày là người thợ hoàn tất được.

«Chắc là chú ấy làm tới đây thì nghe mệt trong người, mệt quá, đến phải bỏ dở công việc, rồi càng ngày, bệnh càng nặng tới, nên chú bỏ cuộc luôn”.

Tôi nghĩ như vậy, khá ổn, nhưng không an lòng. Ngày nay, không còn ai dùng cối xay nữa hết, ít lắm là như vậy, ở các vùng an ninh. Nhà máy xay lúa thứ nhỏ, cứ vài làng có một nhà, họ lấy công khá rẻ, thì ai lại đại đột nai lưng ra xay, giả cho nhọc xác mà chẳng lợi được bao nhiêu ?

Nhà chú Sáu có một chiếc cối, bị bỏ lâu năm một ăn vỏ tre hết, không dùng được nữa. Như vậy, cũng không phải chú chế tạo cối để trực dụng, thì cái cối này, tại sao mà thành hình, mặc dầu mới có phân nửa ?

Tôi định trở vô nhà bếp để hỏi thím Sáu về vụ cái cối này, nhưng không hiểu sao, tôi lại thôi.

Hai hôm sau, tôi chuẩn bị lên đường, mua sắm vài thứ quà thôn quê để về tặng bạn ở Sài Gòn, để bữa kia ra lộ đón xe về.

Đêm đó, chú Sáu, thím Sáu thết tôi một tiệc cháo gà từ già.

Chú chỉ ăn được cháo chó không có ăn cơm từ hơn nửa tháng nay, mà cháo gà, chú cũng chỉ ăn cháo không.

Ăn xong, chú với tôi trò chuyện rất lâu, cả hai đều muốn như vậy vì cả hai đều linh cảm rằng đây là đêm tâm sự cuối cùng.

Khi mà cả nhà đều ngủ im, hoặc ngủ ngáy pho pho. chú Sáu mới tỏ nỗi niềm :

- Tôi tin rằng thầy Hai không giận vì tôi không được vui như ngày trước nên mới chịu ở chơi mười ngày. Tôi đã rán mà vui vì tôi nghe thật tình vui dạ khi gặp lại thầy Hai, nhưng có nỗi buồn lớn, tôi không làm sao mà vui nhiều như xưa cho được. Xin thầy Hai biết cho.

- Chú khỏi phải thắc mắc. Tôi rất hiểu tâm trạng của người bệnh. Nhưng chú nên cử kiêng và uống thuốc rồi sẽ khỏi.

- Thầy Hai nói như vậy để an ủi tôi, chớ tôi nghe trong người tôi, tôi biết chắc rằng ta không mong gặp lại nhau nữa. Nhưng tôi buồn chuyện gia đạo, chớ không phải sợ chết đâu.

À thì ra ông lão sáu mươi lăm này vẫn còn phải buồn vì gia đạo. Nhưng đã quen với phép lịch sự mới, tôi không dám hỏi gì, mặc dầu tôi rất ngứa biết.

Chú Sáu im lặng một hồi lâu rồi thở dài :

- Buồn quá, thầy Hai ơi ! Tôi còn một công việc phải làm, trước khi nhắm mắt theo ông bà, mà không làm được. Chắc là tôi không thể yên nghỉ dưới suối vàng.

Tôi ngạc nhiên và đã dám hỏi, vì câu chuyện biến khác rồi :

- Sao chú nói buồn về gia đạo, rồi bây giờ lại còn nỗi buồn gì về một công việc nào khác nữa ?

- Ấy, công việc đó đáng đáng tới gia đạo của tôi.

Tôi lại nín vì luôn luôn, tôi cố không xía mũi vào chuyện gia đạo của ai hết.

Nhưng chú Sáu lại nói :

- Chuyện gia đạo mà thật ra là chuyện nước, chuyện lớn hơn chuyện nước nữa kia, chuyện ấy có liên hệ tới tương lai của loài người.

Nông dân ta, từ mười mấy năm nay, đã thuộc lắm danh từ và rất thích dùng danh từ nên tôi không ngạc nhiên trước lối ăn nói của chú Sáu.

Và bây giờ thì tôi đã dám hỏi rồi :

- Nếu không phải là chuyện gia đạo thuần túy, tôi xin được biết nỗi buồn của chú, để cùng chia xẻ niềm đau của chú, và có thể, chung lo với chú.

Chú Sáu lại im lặng một hồi nữa rồi mới nói :

- Năm thầy Hai tản cư vào làng này, thầy Hai đã gần ba mươi, thầy Hai biết rõ tình trạng nước ta thuở đó, nhứt là về đời sống vật chất. Ta sống thụt lùi về nếp sống của người thượng cổ vì những vật cần dùng, ta không làm ra được, toàn là nhập cảng không mà thôi, nhưng Đông Dương lại bị đồng minh vây khốn, không nhập cảng cái gì được nữa hết.

- Ủ, tôi nhớ rõ nếp sống vật chất cổ sơ của ta trong những năm 1942-1943-1944-1945, ta làm lửa bằng cách đánh đá lửa, vì thiếu hóa chất để làm diêm quẹt, còn bật lửa không dùng được vì thiếu xăng.

Lần đầu tiên từ mười ngày nay, tôi nghe chú Sáu cười. Chú cười vui, mà cũng là cười chua xót. Cười xong chú nói :

- Thầy Hai đã vô tình dẫn tôi trở về đầu đề câu chuyện.

Đúng là như vậy, ta làm lửa bằng cách đánh đá lửa. Nhưng cách đó, ta đã bỏ hàng trăm năm rồi nên ta đã quên mất kỹ thuật. Đánh đá lửa, lửa xẹt ra rồi làm sao mà dùng nó ? vì nó yếu quá, không đốt cháy được một cọng rom thật khô. Phái có một chất gì thật nhạy lửa, để phát triển những tia lửa yếu ớt từ hai cục đá lửa xẹt ra. Người ta biết nguyên tắc là thế, nhưng không ai nhớ tổ tiên mình đã dùng chất gì ?

Thuở đó tôi mới có năm mươi, tức không phải là một bô lão, nhưng nhờ tôi tò mò hỏi còn bé, đã hỏi thăm các ông già, bà cả, nên chỉ có một mình tôi là biết chất ấy. Đó là lông của bẹ lá của cây đủng đỉnh mà người ta gọi là meo đủng đỉnh.

- Ủ, tôi cũng nhớ rằng trong túi của bất kỳ ai, cũng có một hộp meo đủng đỉnh cả.

- Lửa coi vậy mà không phải là một vấn đề sống chết, vì người ta có thể không cần đá lửa và meo đủng đỉnh mà vẫn có lửa hoai, bằng cách nuôi lửa mãi tới ngày sáng đêm trên bếp.

Vấn đề sống chết là cái cối xay lúa. Không có xăng, không có dầu cặn nữa, các nhà máy xay lúa phải đóng cửa hết và người ta cần xay lúa giã gạo bằng cối tay. . .

Tôi bỗng chợt nhớ lại cái cối xay chế tạo dở chừng, nó đã làm cho tôi hơi ngạc nhiên. Tôi hỏi :

- À, bây giờ đã trở lại bình thường rồi, sao chú còn đóng cối cho ai nữa đó ?

- Ấy, đó là nguồn chánh của nỗi buồn của tôi.

Xin nhắc lại rằng người ta cần xay lúa bằng cối tay, nhưng thợ làm cối đã tàn lụn hết, không còn ai biết đóng cối nữa cả.

Bỗng có một người nhớ ra là ông nội tôi ngày xưa là thợ đóng cối. Họ hỏi tôi có được ông nội tôi truyền nghề hay chẳng ?

Tôi xác nhận, thế là cả vùng này thoát khỏi sự bối rối của họ.

Một vùng là năm, mười làng, và chắc ở các vùng khác cũng còn sót lại vài người thợ hiếm hoi, nên nhờ vậy mà cả nước ta không ai chết đói cả.

Còn cái cối ngày nay. . .

Để rồi tôi sẽ nói tới cái cối mà thầy Hai thấy.

Hôm đầu năm nay, chưa đi nhà thương, chưa biết gì về bệnh trạng của mình, tôi cũng đã nghe yếu trong người và bắt đầu nghĩ đến cái chết.

Tôi lo cho các thế hệ ngày sau. Nếu vạn như thế giới chiến tranh lại xảy ra nữa thì ta lại phải sống thụt lùi về nếp sống cổ sơ một lần nữa, mà lần này thì loài người sẽ khổ sở hơn vì vũ khí tối tân hơn, sự tàn phá sẽ lớn lao hơn.

Thế nên tôi muốn truyền nghề đóng cối xay lại cho thằng con trai út của tôi.

Tôi gom góp vật liệu, rồi vừa khởi công vừa thuyết phục nó cho nó học nghề. Nhưng nó như đinh không chịu học, còn nhạo báng tôi là lo chuyện trời sập, có bao giờ mà ai lại phải dùng loại cối cổ lỗ đó, trong khi các nhà máy xay một tiếng đồng hồ được hàng trăm gia lúa.

Thất vọng với thằng con, tôi tìm thanh niên trong vùng để truyền cho họ, nhưng cũng không ai chịu học hết, và cậu nào cũng nhạo báng tôi, y như con tôi.

Tôi lo quá, thầy Hai ơi ! Chắc là tôi nhắm mắt không yên đâu”

Nghe chú Sáu tâm sự, tiết lộ nguyên cớ của nỗi buồn bí mật của chú, tôi bỗng bị một cục nghẹn chặn ngang tại cổ họng tôi.

Quả thật tôi không ngờ mà loài người còn chứa chấp những cá nhơn vị tha đến đi lo cả cho đời sau nữa, mà bản khoán của họ rất là có lý do, chớ không phải là không tương, là lo chuyện trời sập đâu. Nhơn loại sẽ trở về đời sống cổ sơ, và nếu nghề đóng cối xay mà thất truyền thì. . . chết.

Ta có thể chột lúa như người Thượng, nhưng khổ một nỗi là đông miệng ăn một ngàn lần hơn người Thượng, ta chột không kịp cho có đủ gạo để nuôi toàn quốc. Ta sẽ chết đói, chắc chắn như vậy.

Cả hai chúng tôi làm thỉnh rất lâu, đoạn chú Sáu nói, trước khi đi ngủ :

- Trước khi theo ông theo bà, tôi muốn để lại cái gì cho đời sau, nhưng khổ nỗi là món tài sản ấy không phải là đám ruộng hay vườn xoài. Nó là cái «biết», mà cái biết không ai chịu học, tôi lo lắm thầy Hai ơi !

Tạp chí Hương Quê, 1966

LƯƠNG TÂM KẺ TRỘM

Ba Khện chuẩn bị chuyến này rất kỹ vì anh không kiếm ăn được gần một năm rồi, mà Tết thì sắp đến nơi.

Gần một năm rồi dịch trâu bò hoành hành trong vùng rồi lan tràn ra khắp bốn tỉnh miền Đông : Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Gia Định và Tây Ninh. Cái nghề ăn trộm trâu, bò, của anh kể như một kỹ nghệ, mà nguyên liệu không có thì anh đói là hậu quả dĩ nhiên vậy.

Những con vật hiếm hoi thoát khỏi ôn dịch, quý như vàng và như vàng, chúng được giữ gìn cẩn thận.

Cặp bò nhà ông Xã Tàn là bò bu, tức loại bò ta lai bò ngoại quốc, rất to con và bán sẽ được nhiều tiền lắm, anh sẽ ăn một cái Tết đế vương, không kém những năm thanh vượng nhứt trong nghề anh.

Năm đêm liền, anh rình nhà Xã Tàn để chỉ làm có một công việc : vớt cho hai con chó nhà ấy, một con chó phèn và một con chó mực, mỗi con một cục thịt bò nướng to bằng trái quít, khi chúng đánh hơi được anh và bắt đầu sủa.

Cuộc chuẩn bị này nhằm hai mục đích : làm quen với chó và báo động cho chủ nhà phải thức rình lại anh cho đến mỗi mồn.

Đêm thứ tư và đêm thứ năm lại là hai đêm cúng kỳ yên ở đình làng mà Xã Tàn, Xã trưởng đương niên, thủ một vai quan trọng về tế lễ và tài chánh, nên qua đêm thứ sáu là nhà ông Xã ngủ như chết.

Chó không sửa nữa mà lại còn chạy ra rào mừng bạn của chúng và đêm nay, chúng dự đại yến vì cục thị bò nướng được ướp sả, muối ấy to bằng ba cục thịt bò các đêm trước, lại kèm theo một khúc xương để chúng gặm chơi.

Nhưng bất ngờ lắm là thằng nhỏ chặn bò lại thức. Cái mới kỳ ! Thường thì cái tuổi 12 là tuổi ăn ngủ mới phải chớ. Sở dĩ chủ nhà để chúng nó ngủ tại cổng chuồng, là cũng như tấn công lại bằng một khúc cây. Chỉ có thể thôi. Khúc cây này, trộm phải dòi đi mới mở cổng được mà hể dòi nó là nó giựt mình thức dậy và báo động ngay.

Nhưng đây là dịp may của Ba Khện, bởi anh ta làm ăn có một mình, không biết làm thế nào để khiêng nó đi nếu nó ngủ say.

Thằng chặn bò vừa ngóc đầu lên thì Ba Khện nói :

- Mà mà cục cựa hay hó hé là tao thọc huyết như thọc huyết heo đặng đình chiều hôm kia, mà có coi, có nhớ chớ ?

Thằng chặn bò sợ mất mật, nằm nín khe. Ba Khện ra lệnh tiếp :

- Ngồi dậy và xuống nằm dưới sân, tránh chỗ cho tao mở cổng.

Năm phút sau là đôi bò đã bị Ba Khện nắm sát mũi dẫn ra khỏi chuồng. Anh ta bắt cóc theo thằng chặn bò và chỉ buông tha nó khi anh ta quất bò nhảy đi, nó có báo động cũng không kịp nữa.

Ra gần tới cổng rào, Ba Khện thấy chiếc xe bò đang được chồng tó đậu cạnh gốc cây sấu và cạnh cây rom, anh ta nảy ra một ý hay.

Bò này anh sẽ đem bán về miệt Tân Khánh, mà từ đây qua đó, phải đi ngang tới bốn làng, tức bốn điểm canh. Khó lòng mà thoát khỏi tất cả bốn điểm đó. Còn băng rừng thì trời tối quá, anh sợ lạc đường.

Nghĩ xong, anh bắt bò vào xe, đoạn mới đánh xe ra con thôn lộ trải đá đỏ. Thằng chặn bò không được phóng thích ngay vì bò kéo xe chạy chậm hơn bò đi không, và nó chỉ được thả ra ở dưới kia, rất xa.

Đây là loại xe kêu là xe chà rẹt, rất nhẹ nhàng, quất bò là nó kéo xe chạy mau gần bằng xe ngựa.

Độ nửa cây số, ra khỏi xóm cuối cùng, thằng chặn bò mới được buông tha rồi Ba Khện quất bò cho chạy như đông.

Trụ sở làng Bình Chánh. Từ đằng xa, Ba Khện đã nghe người trong điểm canh hỏi lớn :

- Ai làm gì mà quất bò chạy dữ vậy ? Ngừng lại coi !
- Tôi đi rước mự cho vợ tôi. Tôi nghiệp tôi, bà con ơi !
- Vậy hả ? Thôi đi mau đi ! Cầu chúc thím ấy mẹ tròn con vuông.

Tới điểm canh làng Tân Lương, Ba Khện cũng nghe hỏi y như vậy và anh cũng đáp y như vậy để được nghe họ thương anh một câu và chúc lành vợ anh một câu.

Hai con bò đã toát mồ hôi vì chúng bị đốt liên tu bất tận phải chạy như chạy giặc.

Thình lình có người nói lớn :

- Ê, cho mượn xe bò ta !

Người ấy cũng nói từ đằng xa, vì xe chạy mau, phải nói trước như vậy, người đánh xe mới đáp kịp.

- Không được đâu bò, tôi đi rước mụ cho vợ tôi.

- Mụ nào ?

- Mụ Dậu.

- Anh xui như người mắc phong long ! Bà mụ Dậu vừa bị rắn cắn, tôi đi rước thầy ngãi cho bà đây !

Đáng lý gì Ba Khện đánh xe chạy luôn, nhưng không hiểu sao anh ta lại kéo bò lại. Xe chỉ còn đi chậm chậm thôi, và tới ngang gã đi rước thầy thuốc rắn, anh ta hỏi :

- Thật hay không ?

- Trời, bộ chuyện chơi sao mà dám nói giỡn.

“Thật là xui không thể tưởng tượng được !” - Ba Khện than thầm.

Anh ta không có rước mụ làm gì hết thì mụ Dậu mà có bị ôn vật, cũng chẳng ăn nhậu gì với anh ta. Nhưng mà. . .

Thầy ngãi kiêm thầy rắn độc nhứt trong vùng là chính ông Xã Tần vừa bị anh ta bắt trộm bò và ăn cắp xe.

Từ đây mà lên tới nhà ông Tần, ít lắm cũng năm cây số. Thế mà cái thằng cha đi rước thầy hấn ta chỉ chạy bộ thì khi ông thầy tới nơi, nạn nhơn chắc đã sôi đàm và kéo hơi lên rồi.

Xã Tần lại không còn xe và cũng sẽ chạy bộ như tên rước thầy thì biết bao giờ. . . Đó là nói thí dụ Xã Tần có lương tâm nghề nghiệp, nghe có người lâm nguy thì dẹp chuyện riêng để lo cho người ta đã, chớ nếu ông ấy mà đang rầu mắt của thì đừng có mong rinh ông ấy xuống đây.

Thật là xui xẻo. Ở thôn quê, làng nào cũng có một bà mẹ vườn, móng tay dài, và đầy cấu, bản cổ trâu, nhưng họ vẫn giúp được dân tộc Việt Nam đông thêm dân số.

Sở dĩ Ba Khện nói tên bà mẹ Đậu ra, mà không nói tới bà mẹ Khỏe ở làng Tân Hòa Khánh chẳng hạn, là vì nhà bà mẹ Đậu ở cách đây có ba trăm thước, anh biết thế, nghĩ tới bà ta, và nói càng như vậy.

Thật là xui.

Anh có thể quát xe chạy luôn. Gã rước thầy đang vịn xe anh mà thở hổn hển vì gã đã chạy mệt, gã không đủ sức mạnh để níu xe này lại, nhưng nhờ nào ?

- Nè bò, - thằng cha rước thầy nói - bà mẹ có được cứu sống, vợ bò mới đẻ được. . .

- Thôi đi cha nội, thiếu gì mù.

- Đành là thế, đàn bà không cần mù vẫn dễ rút được kia mà, còn bà mù bị rắn cắn mà không có ông Xã Tần thì ngẫm cù đeo chắc chắn.

Đúng là như vậy, Ba Khện không còn cãi vào đâu được cả.

- Tại sao bà lại không mắc dịch mà lại bị rắn cắn ?

Ba Khện tức mình cho sự tình cò oái oăm, nên mới hỏi cái câu rất chướng này.

Thằng chả tính : nếu bà mù Dậy mà bị mắc dịch thì lang băm trong xóm đã tới trị cho bà ta rồi, đâu có cần phải cái thằng cha gàn này chạy bộ năm, sáu cây số để rước ông Xã Tần ?

- Ô ! Anh này hỏi lạ ! Bà hồng mắc dịch là tại ôn dịch hồng bắt bà, tôi còn biết sao mà nói. Còn bà bị rắn cắn là tại bà ra ngoài rãnh để đái.

Gã rước thầy vừa đáp, vừa thót lên xe bò. Là tay giang hồ tứ chiến, Ba Khện biết gã ta muốn gì, thủ thế sẵn và tránh khỏi bị gã chụp cổ.

Tuy nhiên gã không chịu thua dễ dàng đâu và Ba Khện phải buông dây mũi bò để đương đầu với một cuộc tấn công phản trắc.

Hai con bò cứ máy móc chậm rãi bước đi chậm chậm trong khi trên xe, hai người lạ mặt đánh nhau vật nhau, dưới một bầu trời sáng sao.

Gã kia không cố ý sát hại Ba Khện, nhưng đã trót làm xằng và bị chống lại, thành thử gã phải tấn công thật sự, y như là để hạ kẻ tử thù và Ba Khện chẳng những phải tự vệ không mà thôi, lại còn phải cố thắng để . .

Ừ, anh phải thắng, mặc dầu không có một sự cần thiết chết, sống. Anh cần tiền để ăn Tết thật đó, nhưng hột đám này, anh làm đám khác, chớ dại gì phải mạo hiểm trong một cuộc chiến đấu cam go. Nhưng anh thấy là anh phải thắng.

Con dao tu giắt sau lưng, anh có thể rút ra, nhưng anh không dùng tới nó, vì anh nghe anh thắng được, và vì anh cần để cho gã kia sống, hầu. . .

Quả mười phút sau, anh vật ngã gã kia xuống, đập chơn lên bụng hắn mà hỏi :

- Mày là gì của bà mẹ Dậu ?

- Ý ui cha ! Tôi chỉ là người lân cận thôi.

- Tốt ! Mày là láng giềng biết thương chòm xóm, tao định tha mày ngay lúc mày bắt đầu tấn công, giờ nghe vậy, tao còn ưa tha mày hơn.

Vậy, cứ quày xe lại rồi quất bò mà cho nó nhảy, kéo không kịp. Tao cho mày luôn chiếc xe và đôi bò này, nếu mày giữ được, không bị người khác giựt như mày đã muốn giựt của tao.

Thôi, chúc mày bình yên vô sự dọc đường ! Và chúc bà mẹ Dậu tai qua nạn khỏi ! ”.

Nói rồi anh Ba nhảy xuống xe, lúi vào bụi.

Gã đi rước thầy răn không làm sao mà tin được rằng thằng cha vừa thắng gã, lại chịu thua. Đã chịu thua ngược đời như vậy, lại còn cho gã đôi bò và chiếc xe, cái mới khó tin dữ !

Gà lồm cồm ngồi dậy, ngơ ngác nhìn quanh rồi gọi :

- Anh ơi !

Đêm lặng ngậm câm và chỉ có trùn, dế đáp lại gã thôi.

- Anh ơi ! Anh à !

Gã réo thêm ba, bốn hiệp như vậy nữa, rồi đánh xe đi về nhà bà mẹ Dậu : gã định bụng là trễ rồi nên thấy là cần chở bệnh tới nhà ông thầy cho khỏi mất thì giờ. Đó là phước lớn của bà mẹ Dậu. Nếu gã không làm thế, gã sẽ bị chủ xe bò bắt nạt làng và không tin rằng có người bị răn cấm và gã đi rước thầy.

Tạp chí Hương Quê. 1965

BẢO MẬT

Má ơi, cho tiền con mua đường cát nấu chè !

Con Hương, con gái thứ của bà Xã Hộ chào Nghiệp mà nó không biết, nhưng không ngại lời mà xin tiền mẹ trước mặt khách, vì nó mới có mười bốn tuổi thôi.

Nghiệp sực nhớ ra rằng hôm nay là rằm tháng bảy nên cười, rồi nói với bà chủ nhà :

- Sáng cúng mặn, tối cúng chè hả bác Xã ?

-Ừ.

Vợ chồng ông Xã Hộ tản cư về Sài Gòn từ năm 1945, rồi ở luôn dưới này không về, trong một căn nhà lá, sau chợ Hòa Hưng.

- Chớ mà quên lời tao dặn rồi hay sao ? Hễ nấu chè cúng thì nấu bằng đường phôi.

- Đường phôi đâu có ?

- Đường cúng hôm Tết, ra Tết tao cất trong khạp da bò, có chỉ cho mày đó mà.

Nghiệp mới hai mươi nên mặc dầu tổ quán của chàng ở tỉnh, đồng hương với vợ chồng ông Xã Hộ, chàng không hề được biết thôn quê.

Chàng ra đời tại nhà thương Từ Dũ năm 1945 mà thuở ấy còn mang tên là nhà thương Bê-Săng (Béchamps). Chàng có thấy đường phôi vào những dịp Tết, nhưng gia đình chàng không hề cúng thứ đường ấy, nên chàng không biết rõ cho lắm về thức ăn này.

Chàng hỏi ông Xã :

- Thừa bác, sao đường phôi Tết mới có, còn ngày thường thì không ? Và đường ấy ở xứ nào chở tới bán vậy bác ?

Ông Xã Hộ cười mà nói rằng :

-Con Hương nó cũng hỏi như vậy nhiều lần, nhưng bác không trả lời làm gì. Nó còn nhỏ quá, nghe rồi quên hết.

Đường phôi chế tạo ở làng mình chứ ở đâu.

- Làng mình ?

- À, quên, làng của bác, của ba cháu. Cháu là dân Sài Gòn, bác quên mất.

- Tức làng Bình Thới, trên Biên Hòa ?

- Ừ. Có một tích hay lắm về đường phôi, để bác kể cháu nghe đăng cháu biết chút ít về tổ quán của cháu.

- Cháu ham nghe chuyện trên làng lắm. Ba cháu đã kể nhiều chuyện, nhưng cháu không hề nghe câu chuyện đường phôi này.

Làng Bình Thới là một làng biệt tịch trong vùng Đồng Nai trung.

Dân làng sống chật vật nhờ những đám ruộng khô hiem hoi và rất ít màu mỡ. Nhưng vài gia đình lại khá giả nhờ một nghề bí mật, nghề trở đường phôi.

Các bạn có biết đường phôi là gì không ? Nhiều bạn trẻ chưa bao giờ thấy mặt miếng đường kỳ lạ ấy, vì trong những năm chiến tranh, Bình Thới không có điều kiện bán ra ngoài thổ sản của mình.

Đường phôi không phải là đường. Thật ra nó chỉ là một thứ quà ngọt chế tạo bằng đường cát trắng, tròng trắng trứng gà và một vài chất khác mà nhà nghề giữ kín cho đến-mãi ngày nay.

Miếng đường phôi mang hình dạng một lá phôi mà bên trong, nó cũng có hang, lỗ y như phôi người.

Đó là một lễ phẩm, người dân Đồng Nai dùng cúng tổ tiên ngày Tết.

Thành phần hóa học của đường phôi, và cách chế tạo nó, những nhà nghề trên ấy thọ lãnh của tổ tiên ngoài Quảng Ngãi, Quảng Nam khi bỏ làng di cư vào Đồng Nai, cách đây trên ba trăm năm.

Những gia đình tốt phước ấy bo bo giữ bí mật nhà nghề để hưởng lợi. Ngày xưa họ nắm quyền hương chánh và đặt ra nhiều tục lệ cay nghiệt để bảo vệ đặc quyền nghề nghiệp của họ : trai làng không được cưới gái làng khác, và gái trong làng cũng chẳng được lấy chồng xa.

Vì trai gái trong làng phần đông là nhơn công của các lò chế tạo đường phỏi, nên họ cấm đoán như thế để tránh sự tiết lậu bí mật nhà nghề.

Vì luật gả thừa trai thiếu, mà gái làng lại không có quyền lấy chồng xa, nên lệ trên gây ra một tình trạng ngộ nghĩnh : là trong làng sống rất nhiều gái già. Nhưng gái già này tuy được nhiều đặc ân của làng nhưng vẫn khổ : một thời thanh xuân thiếu tình yêu và một buổi tàn niên tro trọi, quạnh hiu không con cháu để vui nhà.

Mỗi năm vào tiết tháng Chạp, hàng trăm ghe thuyền từ các tỉnh miền Nam, ngược sông Đồng Nai, lên làng Bình Thới để mua đường phỏi về bán cho tỉnh mình.

Tiểu công nghệ ta sản xuất chậm chạp nên những ghe thương hồ ấy nhiều khi phải đợi hằng tuần mới có hàng.

Trong thời gian chờ đợi, nhiều cuộc tình duyên không có ngày mai, xảy ra giữa gái làng và trai bạn ghe tứ xứ.

Một cuộc tình duyên kia hại thay, lại muốn thoát lệ.

Số là anh Trọng ấy đã yêu tha thiết cô My, con gái của Hương Quán Xệ, một chủ lò đường phỏi.

Ba mùa liền, anh cậy mối mai đến hỏi cô My, nhưng lẽ cố nhiên, cả ba lần anh đều bị cự tuyệt.

Năm ấy anh đổi chiến lược là đưa một tối hậu thư cho người yêu chứ không cậy mai mối nữa. Cô My bị đặt trước hai ngã đường mà cô phải chọn lấy một : xách gói trốn theo người tình phương xa, hay trọn hiếu rồi phụ người yêu ?

Cô đã chọn con đường tình cảm.

Nhưng buổi nói chuyện giữa đôi lứa thiếu niên này lại lọt vào tai một kẻ thứ ba, anh Hòn, một trai làng cũng rắp ranh cô My mà cũng bị cự tuyệt vì địa vị chênh lệch giữa gia đình Hương Quán Xệ và gia đình anh.

Để tán ƠN, Hòn đem câu chuyện rình nghe lóm được mách với cha cô My.

Được tin ông Hương Quán nổi giận đùng đùng. Ông toan bắt con gái đánh một trận nhừ tử để trừng phạt nó.

Nhưng bà Hương Quán khôn ngoan hơn khuyên ông nên trầm tĩnh để thung thăng nghĩ kế.

Đánh con, không ích lợi gì cả, mà còn làm cho nó uất hận mà ham trốn hơn nữa. Cũng không có cách gì nhốt con lại cả. Bắt người bạn ghe thì cũng khó vì hấn chẳng làm gì nên tội. Cho phòrờng hay để nhờ họ xử trí chẳng ? À, điều này thì không thể được, vì như vậy họ sẽ biết hết chuyện xằng bậy của My, xấu hổ cho tông môn tổ đường.

Hai vợ chồng bối rối như vua nước loạn. Ông Hương Quán càng rối trí, càng bức tức muốn đập chết hai đứa báo đời.

Chiều hôm ấy, cô My nhúm lửa ngoài sân để nướng hột điều làm kẹo ăn chơi.

Chất dầu chứa trong vỏ hạt điều, cháy phùng phùng lên ngọn cao ngệu, và tỏa ra một mùi nồng cay khó chịu.

Trong khi cô đang cầm que bới hạt cho nó cháy đều thì ông Hương Quân trong nhà sầm sầm chạy ra.

Ông đá một cái : đưa con ông té ngựa xuống đất. Đoạn, chân đề lên ngực con, tay ông dùng hai cây que mà gắp hạt điều đang cháy, gí vào da mặt cô My.

Chất dầu xỉ thành những vòi lửa nhỏ, bắn vào mặt cô gái tội nghiệp này. Cô ta la bài hải khiến cả nhà và lối xóm bu lại mới hay tự sự.

Họ ngỡ ông Hương Quân hóa điên thành linh nên áp nhau lôi ông đi.

Cỏ My phải nằm dưỡng bệnh đến bảy hôm. Khi những vết thương vừa kéo da non, thì bà Hương Quân mới hiểu thấu thâm ý của chồng.

Ông Hương Quân không phải đốt con để trừng phạt nó. Ông đã dùng dầu và mủ hạt điều nóng để phá hoại nhan sắc của con ông. Đó là lối bảo vệ hay nhứt để ngăn nó theo trai, vì từ đây, không con trai nào thêm ngó ngang đến nó nữa.

Da mặt cô My bị chất mủ hạt điều nóng ăn nám đen nhiều chỗ không bao giờ phai. Tệ hơn thế, nhiều mảnh da trông cứ như là ghê lác đang lở lói, có vẻ như ươn ướt mãi không bao giờ khô ráo cả.

Sức nóng đã tàn phá nhiều sợi dây thần kinh trên da mặt cô, nên nhiều thớ thịt giật xéo một bên, thành ra lúc nào trông cô cũng như đang nhăn nhó một cách xấu xí.

Ngày hẹn nhau cùng đi là ngày lui ghe. Ngày này lại đứng vào con nước ròng chiều hai mươi tháng Chạp.

Cô My ôm gói, ẩn theo những đám mía để ra bờ sông.

Người tình của cô vẫn đứng hẹn. Anh ta tuy có nghe biết câu chuyện nhưng không hề ngờ sự biến đổi về nhan sắc của người mình yêu.

Trọng gặp My ở dưới gốc cây không ở bờ sông. Ban đầu anh chưa nhận ra bạn, giật mình lui bước trước gương mặt quái dị, lạ lùng.

Khi giọng kêu của My giúp anh biết đó là người yêu thì anh rụng rời, đứng trân trân mà nhìn bạn.

My không có gương để soi, nhưng nghe bạn hữu chung quanh nói, thì cũng đã biết mình không còn ra con người rồi. Mặc dầu vậy, nàng cùng đến nơi kỳ hẹn để thử thời vận lần cuối cùng.

Cử chỉ của bạn cho nàng thấy rõ ý nghĩ thầm kín trong lòng Trọng. Nàng ghen ngào nuốt lệ, để rơi gói áo quần không thềm nghe những lời khuyên dụ về luân lý của Trọng. Phải, bây giờ Trọng lại khuyên cô nên dùng chữ Hiếu mà quên Tình. Ở lại với cha mẹ là hơn !!!

Buồm đệm trần một lá vàng tươi chữa phòng lên dưới gió bắc về chiều, ghe từ từ rời bến, mang theo mối tình đầu và mối tình vụn kiếp của một cô gái quê, nạn nhơn bí mật nghề nghiệp.

Sau lưng cô, ông Hương Quán và bà Hương đứng rình con : mặc dầu quả quyết giữ con lại, họ cũng không ngăn được lệ trào.

Không rõ ở làng Bình Thới, ngày nay tục lệ oái ăm ấy còn hay không ? Nhưng một điều chắc chắn là bí mật sáng chế đường phở vẫn được người làng chăm chỉ nắm giữ mãi đến bây giờ.

Tuần báo Lẽ sống, 1950

(Truyện này đã được phát triển thành tiểu thuyết “Trọng Thủy Mị. . . đường» đăng Tiểu thuyết Thứ Bảy, 1960)

BÍ MẬT CỦA CHÀNG

Mặc dầu là thi sĩ, Quỳnh Dao không nghèo túng. Chàng sống về một nghề mà chàng cho là nghề thứ nhì, nhưng thật ra đó là nghề thứ nhất, nghề độc nhất của chàng, nghề dạy học ở các tư thực. Làm thơ có phải là một nghề đâu.

Chàng cũng không xấu trai, không nhát gái.

Thế mà chàng không có mối tình nào cả.

Đúng là như vậy.

Ban đầu thấy chàng cũng đi với gái, mà lại là gái đẹp nữa, tụi nó phục lẫn. Nhưng rồi có những thằng thổ công, chúng nó khám phá ra rằng đó là gái trời đánh.

Thế là cả bọn lại chế giễu chàng là một thằng ngọc, đi mê những ả giang hồ.

Nhưng chàng cứ thay đổi người mãi nên chúng nó lại hết ngộ nhận và không thèm đếm xỉa đến những cô bạn một tuần của chàng nữa.

Nhưng thắc mắc lớn, thắc mắc đầu tiên của chúng nó vẫn còn nguyên vẹn : anh chàng này không hề có một người yêu.

Thật là không thể tưởng tượng được. Con người, ai cũng có ít lắm là một lần yêu. Xoàng thì người ta cưới quách người yêu đó rồi sanh con đẻ cháu đầy nhà là yên chuyện, nhưng mà đó cũng là một mối tình.

Quỳnh Dao không vợ, không con, tức là chưa yêu cô điển lần nào, mà yêu theo tiểu thuyết cũng chưa ai thấy, biết, nghe.

Như vậy hẳn làm thế nào mà làm thơ tình hay đến thế ? Các nhà phê bình gọi hẳn là «Thi sĩ của tình yêu». Hẳn chỉ làm độc thơ tình thôi, chứ không biết triết lý, cũng không nghiêng mình xuống cảnh bần cùng.

Có thằng tự hào rằng giỏi tâm lý phân tách theo phân tâm học, theo khoa học, theo gì gì nữa đó, lu bù thứ và cho rằng sở dĩ hẳn tài thế nhờ bị ảm ức.

Chúng nó bảo rằng khi người ta mơ yêu nhiều quá mà không thỏa thì tình yêu vô đối tượng ấy bị dồn ép thành nỗi ảm ức, ảm ức đó trưởng thành và xì hơi ra bằng nghệ thuật tuyệt vời.

Nhưng nếu có cậu rần rắc hỏi khó rằng tại sao không thiếu điều kiện, hẳn chỉ mơ yêu mà không được thỏa, cho đến đôi bị ảm ức thì nhà phân tâm học đành ngậm họng.

Quỳnh Dao năm nay băm ba tuổi, sức khỏe dồi dào và tắm tiêng đang lên thì dùng một cái, hẳn ngã ra mà chết.

Đó chỉ là một lời nói thôi, chứ hẳn có đau tim đâu mà chết cấp tốc đến thế.

Số là trong những năm đầu của cuộc khởi nghĩa, thuở ấy chàng mới có mười sáu tuổi, chàng đã theo kháng chiến mấy năm.

Bị chứng sốt rét rừng nặng quá, chàng đau gan. Sau, trưởng thành, chàng về thành luôn, được điều trị và khỏi bệnh, nhưng gan vẫn cứ yếu.

Mấy năm tăm tiếng chàng nổi như cồn, chàng bị bạn bè rủ la cà ở các quán rượu và rượu đã giết luôn buồng gan yếu đó và đồng thời giết kẻ mang nó.

Quỳnh Dao chết ở nhà thương, không họ hàng thân thích mà tiền bạc cũng không. Nếu chàng chỉ dạy học chàng đã có dư. Nhưng đã trót làm văn nghệ, chàng cứ thiếu hụt, đó là thông lệ.

Vậy chính văn hữu của chàng chung đậu lại để lo tang ma cho chàng.

Lũ này thương bạn lắm, nhưng không thằng nào khóc được cả, mặc dầu có đến năm thằng làm thơ đăng báo để «khóc Quỳnh Dao».

Nhưng đó là một lũ nông và tinh nghịch, y như người quá cố, có thể đùa được với bất kỳ cái gì, kể cả tang ma nữa.

Chúng nó muốn có người đi theo quan tài để khóc, nói rằng cho rậm đám và ẩm cúng, nhưng thật ra thằng nào cũng muốn được dịp quan sát bọn khóc mướn đám ma, để lấy đề tài sáng tác.

Thằng Ngọc, tiểu thuyết gia, được cắt đặt đi thuê nhà Âm Công với món phụ tùng cần thiết là một ê kíp khóc mướn cho xôm tụ.

Trong bao nhiêu tác phẩm của Ngọc, chưa hề có đám ma nào xảy ra nên nó chưa được dịp nghiên cứu vấn đề, thành thử nó bối rối quá.

Thế nên, nó quyết vào bất kỳ nhà âm công nào mà nó gặp trên đường, trước tiên hết. Đó là nhà “Vĩnh Thọ”

- Đám ma hạng thường có còm mặng, nhưng ê kíp khóc mướn phải đông ít lắm là mười người, cả nam lẫn nữ, người nào cũng phải ăn mặc đàng hoàng, sạch sẽ và khóc cho giỏi.

Bác tư Phệ, chủ hiệu “Vĩnh Thọ” lắc đầu nói :

- Muốn như vậy, thầy chịu khó vô Chợ Lớn đặt người Tàu làm. Không rõ các hiệu đòn người miền Bắc có hay không, chớ bọn âm công miền Nam không sẵn người khóc mướn.

- Bác rán chờ, người chết là dân Việt Nam, mướn người Tàu, họ khóc tiếng cắc chú, nghe sao được.

Bác tư Phệ thấy khách hàng kỳ cục, cười ha hả mà rằng :

- Khóc bằng tiếng gì, cái ông chết đó cũng nghe không được. Còn người sống thì làm sao mà biết ông ấy thuộc quốc tịch nào. Nói chơi vậy chớ, chúng tôi rất tiếc không làm vừa lòng thầy được.

Bác tư Phệ tiếc thật chớ không phải nói văn hoa đâu. Bác đã có ý nghĩ từ lâu lập ra một ê kíp khóc mướn, nhưng không thấy ai đòi hỏi thứ đó nên lại thôi.

Khách hàng vừa trở gót bỗng bị gọi giật ngược lại :

- Thầy hai ơi, thầy cho thêm bao nhiêu về khoản khóc mướn ấy ?

Người gọi không phải chủ nhà âm công mà là chú Ba cặp rằn, xếp đạo tỳ của hiệu Vĩnh Thọ. Chú Ba thủ vai quan trọng nhứt trong hiệu này. Chú điều khiển tất cả, kể cả việc bán quan nữa.

Bác tư Phệ nhìn chú Ba, ngạc nhiên, lo lắng, nhưng không hỏi gì con người trăm mưu ngàn kế ấy.

Ngọc hỏi lại :

- Chớ các ông đòi bao nhiêu ?

- Xin thầy cho ngàn rưỡi, mười người khóc. Đó là giá phải chăng.

Ngọc mừng quá, không thềm mặc cả, nhận ngay đề nghị ấy.

Chàng đi rồi, bác tư Phệ mới cất vắn viên xếp đạo tỳ :

- Chú tìm đâu cho ra đủ mười người, nhứt là đàn bà ?

- Ông chủ đừng lo. Tôi ra tiệm cà phê, quơ một nắm là được năm anh thất nghiệp, cho các ảnh mỗi người một trăm, mình còn lời năm chục mỗi cái đầu.

- Còn phụ nữ ?

- Chị bếp của ông chủ nè, con nhỏ giữ em nè, vợ lớn và vợ bé của anh Chín xích lô đập sau nhà nè. Anh ấy đau ốm suốt tuần rồi, họ cần tiền lắm.

- Nhưng cũng phải một người nữa ?

- Con Nâu được lắm. Nó đẹp, lại trang lứa với người chết, có thể mặc đại tang như vợ ông ấy.

Bác tư Phê cười ha hả. Bụng mỡ bệu của bác đội áo bà ba lụa lên và nhảy dưới làn lụa như áo bác có nhột một con thỏ.

- Con Nâu à ? Nhưng nó lại ngọng.

- Không hề gì. Nó nói ngọng, nhưng nó có khóc ngọng đâu.

Con Nâu cũng là đứa đang thất nghiệp. Nó cũng đã ba mươi rồi nhưng cứ bị gọi là con Nâu vì nó là kẻ ở mướn lại có tật nguyên. Nó đẹp lắm nhưng bị nổi đơn mấy năm nay, không ai dám mướn nó làm gì hết. Nó sống lây lất và ngủ trong trại hòm của hiệu Vĩnh Thọ.

Nhà xác của nhà thương hôm ấy coi cũng rậm đám lắm. Phu đồn, đạo tỳ và các nhơn viên khác của nhà âm công Vĩnh Thọ đông cũng được lối hai mươi người.

Bọn văn nghệ sĩ bạn thân của Quỳnh Dao còn đông hơn nữa và kẻ luôn mười người khóc mướn, người nào cũng mặc tang phục thì số người theo đám đông ngót một trăm.

Chỉ có con Nâu là mang đại phục, còn thì ai cũng chỉ mặc một chiếc quần chế, hoặc bịt một cái khăn.

Ê kíp này là ê kíp nhảy dù nên khóc rất dở và vai chính là con Nâu lại không khóc được. Nó chỉ thĩnh thoảng hỉ mũi thôi, khiến chú cặp rằn Ba phải rĩ tai cho vợ bé anh phu xích lô đạp đi sát con Nâu để kẻ, tạo cảm giác đơn sơ rằng chính con Nâu kẻ.

Chị ta kêu gào : “Anh ơi, sao anh đi, anh nỡ bỏ em lại bơ vơ, trơ trọi một mình, tứ cố vô lân. . . hu. . . hu. . . ”

Con Nâu bật cười, lấy chéo khăn tay che miệng lại, và con cười bị đè nén của nó, khá giống con khóc ngất.

Đoàn đám ma bị kẹt đèn và lúc ấy, một công voa nhà binh dài bất tận đi qua trước đó.

Vì bị kẹt lâu nên thầy chùa phải tụng kinh, kéo lạnh lêo đám, và con Nâu phải ra trước linh xa thấp hương.

Lúc cắm nhang vào bình hương, nó ngẩng lên rồi trông thấy cái gì, nó nhìn sững, đứng ì ra như bị trời trồng.

Đó là bức ảnh cuối cùng của chàng thi sĩ tài hoa, xinh trai, được hằng ngàn cô gái xa lạ mơ đến, nhưng không có lấy một người yêu trong đời.

- Thầy Hưng ! Lâu lắm - nó kêu lên nho nhỏ như vậy.

Ngọc cần quan sát kỹ để viết tiểu thuyết, theo dõi từng người một nên đã để ý đến sự rưng rờ của cái chị mặc đại tang và cũng khá xinh đẹp ấy.

Chàng bước đến hỏi nho nhỏ :

- Chị có quen anh ấy ?

Nâu không đáp mà lầm bầm một mình : “Thầy Hưng đã chết... đã chết rồi ? ”

- Ủ, đó là anh Hưng. Chị có quen ?

- Có... à... không !

- Là thật ! Có hay là không ? Anh ấy đã chết, đang nằm trong hòm này, tôi nói cho chị biết.

Từ cõi xa, Nâu trở về, ngơ ngác hỏi lại như không tin lời Ngọc :

- Thầy Hưng đã chết rồi à ?

- Ừ.

- Thầy Hưng dạy học ?

- Ừ, chính anh ấy ! Chị có quen biết hay không ?

- Chết rồi !

Nâu lặp lại mãi hai tiếng «chết rồi» như tiếng vang đáp lại chính lời nó.

Nó ôm mặt, môi mấp máy bỗng mếu lại, rồi vụt nấc lên rồi khóc òa.

Cặp rắn Ba khoái chí mà khám phá được một diễn viên cừ khôi trong ê kíp khóc mướn tương lai mà ông Phê và chú ta quyết định lập. Hôm nay họ nhận bưng để lấy tiền, nhưng quả thật ê kíp nhảy dù này làm không được việc chút nào, khiến chú ta lo, lát nữa sẽ bị tang gia bớt tiền.

Người qua đường không để ý bao nhiêu đến góa phụ nín lặng xa mà nước nở, nhưng cả bọn văn nghệ sĩ và chú Ba cắp rằn đều hài lòng mà thấy đám này khá âm cúng. Riêng chú Ba, chú định cũ con Nâu làm xếp ê kíp, ăn tiền khá hơn mọi người khác để thưởng công của nó đã cứu vãn tình thế hôm nay.

Vào phút hòm hạ huyết, Nâu lăn cù xuống cỏ ướt mà khóc kể, lại toan nhào xuống lỗ huyết nữa, khiến chú Ba phải nín nó lại :

- Thôi, vừa rồi, đừng có làm quá !

Chú ta sợ nó trở tài nghệ siêu việt rồi đòi thêm tiền chằng nên mới la rầy nó nhỏ nhỏ.

Sợ bị bớt tiền vì bị người ta ngỡ mình làm quá mức, Nâu nín bật, ngồi dậy nhưng không cảm giữ được những tiếng nấc bị đè nén nghẹn ngào nơi cổ họng nó.

Mỗi xuống đất đổ vào lỗ huyết được Nâu đánh nhịp bằng một cơn nước nở vì nó nghe rằng người chết xa lần nó vì lớp đất cứ dày dần lên ấy.

Khi nắm đất đã vun lên cao, Nâu quên sợ cặp rằn, nhào lăn xuống, ôm lấy nắm mộ mà kêu gào.

- Thôi, làm đại mau rồi về, trời chuyển mưa đen ngịt kia.

Cặp rằn Ba hồi thúc nhọn viên mà không nể mặt tang gia vì chú ta biết nắm mồ vô chủ bên đường Bà Quẹo ấy không có ai lưu luyến mà phải ngại lời.

Lần lượt bọn phu đòn gom góp đồ vật thả lên xe cam nhông rồi gọi ê kíp khóc mướn lên sau rồi để ra về.

Ngọc giữ chị Nâu lại, nói là để thưởng thêm tiền rồi sẽ đưa chị ta về bằng xe tắc xi neo của chàng.

Một thằng trong ba thằng thuê chiếc tắc xi này phải cạp xe của mấy đứa có xe riêng mà còn dư chỗ.

Da mặt chị Nâu đã dày lấm và đỏ rân vì phong đơn mới lộ. Nhưng khi nãy được khăn tay che khuất nên không ai thấy. Tuy nhiên vẫn có thể tìm trên đó dấu vết của một nhan sắc đáng kể mấy năm trước đây.

- Chị Nâu nè - Ngọc hỏi - chị quen biết với anh Hưng hồi nào.

- Ngâu ngăm - Nâu đáp xằng lè như vậy, và cả xe đều kinh ngạc mà chột biết rằng chị ta ngọng.

- Lâu là bao nhiêu ?

Ngọc khéo léo, dẫn dắt chị ta đi lần và ráp nối lại những tiết lộ của chị ta thì dựng lại được câu chuyện thật sau đây.

Năm đó Hưng về thành, nghèo lắm, xin ở đậu trong ga ra một người bà con có biệt thự lớn. Hắn vừa học vừa kiếm ăn, ban ngày đi châu chực để xỉa bông mua vải, mua sữa, mua bơ, bán bông lấy tiền ăn cơm, tối học. Chàng tự học lấy.

Nâu ở mướn trong nhà của người bà con ấy và cố giấu không cho Hưng biết rằng chị ta ngưng. Cậu hai mươi tuổi, cô mười chín, cô si cậu ghê lắm, nhưng ban đầu cậu chỉ hơi thèm thuồng cô thôi.

Mấy tháng trôi qua và một hôm bệnh sốt rét của Hưng trở lại. Chàng sốt li bì, nằm liệt giường liệt chiếu mà không được ai đoái hoài đến.

Chính đứa con gái xinh đẹp ở mướn ấy đã tận tâm săn sóc chàng cho đến khi chàng bình phục hẳn. Cô gái vẫn lặng lẽ giúp bạn để giấu nhem tật nguyên của nàng và cảm nghĩa thiếu nữ nghèo khổ và tối tăm, Hưng yêu cô ta, yêu thật sự bằng cả tấm lòng chàng.

Tình yêu thầm lặng và trong sạch giữa họ kéo dài mãi cho đến bốn tháng. Hưng hứa sẽ đưa bạn ra khỏi nghề ở mướn, cho bạn đi học thêm một thời gian, luyện cho bạn một phong cách khả dĩ xứng đáng với chàng, rồi cưới nàng làm vợ.

Nâu chỉ làm thỉnh, viết giấy nói rằng mình đau cổ và phải uống thuốc năm ba tháng nữa nói mới được.

Nhưng sự thực không thể giấu mãi và một khi kia, Hưng khám phá ra rằng Nâu ngưng.

Đó là mối tình đầu của chàng, mà lại là mối tình lớn, Hưng đau khổ mất mấy tháng trời.

Rốt cuộc chàng rút lui, để lại cho Nâu một bức thơ, thú thật rằng mối tình của chàng vẫn còn nguyên vẹn, tuy chỉ có không thể lấy Nâu làm vợ thôi.

Bằng đi hai năm, Nâu mới lại được tin tức của Hưng và biết rằng hắn đã đỗ đạt và đi dạy học. Hắn có gởi quà và gởi tiền đến biếu người bạn cũ nhưng không ra mặt. Người bạn cũ thăm lặng khổ đau và không bao giờ nguôi mối tình của nàng, không bao giờ hết hy vọng.

Hai người bạn trai trên xe, nghe xong câu chuyện, lặng lẽ nhìn nhau. Thì ra bí mật của chàng là đây. Chắc không phải chàng xấu hổ mà giấu mối tình lớn của chàng, nhưng ích gì mà kể chuyện cho ai nghe.

Cả hai đều không buồn cười người bạn quá cố của họ đã yêu một ma-ni-sén ngọng, mà trái lại, họ cảm phục không biết bao nhiêu con người đã trung kiên với mối tình tăm tối ấy, mãi cho đến lúc đời chàng lên phong độ, đủ điều kiện để yêu đương, chàng vẫn không hề có người yêu nào cả.

Tiểu thuyết Tuần san, 1960

NẮNG CHIỀU HẤP HỐI

Minh đi chậm rãi, mỉm cười một mình, rồi lấy thuốc với lại hộp diêm ra. Chàng vừa đưa điếu thuốc lên môi thì chợt thấy giấy quần thuốc ướt mem. Thì ra, trời đang mưa mà chàng không hay.

Chàng nhìn xuống áo quần của mình thì thấy vãi thấm nước dính sát vào da chàng. Trời chỉ mưa rỉ rả thôi, nhưng đủ nước để làm cho những người không áo tơi phải ướt như vừa té dưới sông.

Thầy thợ kí đánh máy này vội chạy vào mái hiên một hiệu sách để đụt. Thầy hình dung ra sự kinh ngạc của khách qua đường khi này, chắc họ đoán rằng chàng là một kẻ thất tình.

Minh lại mỉm cười, khi nhớ ra sự thật nó đã xui chàng quên cả trời đất, sự thật trái hẳn lại với ngộ nhận của thiên hạ.

Áo ướt, nhưng chàng lại nghe ấm, là vì khi này, hời còn ngồi trong sở, chàng đã thoáng thấy hạnh phúc mỉm cười với chàng.

Minh làm thợ ký đánh máy cho hàng I. F. A/T. O. . . Tên hãng có vẻ Tây thế, nhưng đó chỉ là một hãng xuất nhập cảng của người mình thôi.

Một thầy thợ ký đánh máy thì cuộc sống khuất dạng và tối tăm đến bậc nào trong một hãng buôn lớn ?

Đời Minh đã buồn như buổi chiều mưa dầm này, lại càng buồn hơn vì chàng có ý thức về số phận mình, có tham vọng vươn mình lên, nhưng chưa thấy được tia nắng nào ở đằng chơn trời u ám cả.

Nhưng cái buổi chiều mưa dầm dề, hồi nãy đây, đã hưng hửng nắng.

Hồi nãy đây, Minh đang ngồi đánh máy thì bỗng nghe một cô gái hỏi chàng, cô ấy đang đứng sau lưng chàng, và rất gần.

- Ba tôi đi đâu, thầy có biết không thầy ký ?

Minh giật nảy mình, ngồi chết trân ra đó, không day lại, mà cũng không mở miệng được.

Đây là một giọng rất quen thuộc, giọng của người con gái thứ của ông chủ hãng, một nữ sinh mười tám tuổi, thỉnh thoảng qua lại nơi đây để tìm cha cô, vì nhà ông ấy ở ngay bên kia đường.

Giọng cô gái trong và ấm. Cô ta chắc cũng chỉ nói như thường thôi, nhưng Minh lại nghe là lời lẽ của cô thân mật.

Chàng sợ điếng người vì hai lẽ. Chàng nhát gái lắm, phương chi đây là một thiếu nữ rất đẹp. Chàng lại sợ vì đang làm một chuyện quấy mà cái người đứng sau lưng chàng lại là con gái của ông chủ hãng, rất có thể đã thấy được tội lỗi của chàng.

Lâu lắm Minh mới đứng lên được, day ra sau chào thiếu nữ mà không dám nhìn mặt cô ta rồi ấp úng đáp :

- Thưa. . . ơ cô. . . ông chủ. . . ơ. . . vừa ra đi. . . với một người khách đàn ông.

Thiếu nữ mỉm cười, mắt sáng lên sự tinh nghịch và hỏi :

- Tại sao thầy lại phải nói rõ rằng người khách ấy là đàn ông?

Minh đỏ cả hai tai, cúi xuống nhìn mũi giày mà chịu trận.

Cô gái làm bộ lên giọng kẻ cả, cốt ghẹo phá người thơ ký nhút nhát này chơi :

- Nếu người hỏi là má tôi, thì bà sẽ sanh nghĩ ngay vì cái chi tiết không cần thiết mà thầy vừa đưa ra ấy. Từ rày, đừng có nói

đư nghe chưa, hỏi đâu đáp đó là đủ lắm rồi. À, còn thầy bận làm việc, sao lại biết rõ những gì xảy ra chung quanh thầy ?

Minh tức sôi gan nên quên sợ, chàng phản đối :

- Cô không phải là chủ của tôi mà được phép khiển trách tôi. Tôi nói không biết gì hết thì sao ? Thì có phải là cô sẽ cự rằng tôi ngồi đây mà như là không có mắt hay chẳng ?

Thiếu nữ không kinh ngạc trước sự nổi loạn táo tợn này, không giận vì mịch lòng mà trái lại cô gật đầu mà nói :

- Khá lắm, biết tự trọng và biết tự vệ ! Chỉ tiếc là tự vệ không khéo. Tôi không có quyền khiển trách thầy thật đó, nhưng tôi có thể mách ba tôi, nhứt là có thể thêm bớt này kia, nếu tôi bị mịch lòng, nhứt là thầy đang đánh cái gì không có vẻ giấy tờ thương mại chút nào. Đánh truyền đơn chống chánh phủ hả ?

Nói xong, cô gái này bước tới chiếc máy đánh chữ thật lẹ.

- Đâu nào ! Đối lập chống ai đây ?

Tờ giấy trắng cuốn lại, nàng vặn cây trục để tháo nó ra, rồi bấm chốt để rút giấy.

- A ! Làm thơ ? Để xem thơ có hay không.

Tôi là kẻ chẵn cừ
 Yêu nàng công chúa
 Nàng công chúa đẹp như buổi mai
 Tôi núp sau cây sồi
 Rình chiếc xe song mã
 Mà trên đó nàng ngồi
 Lòng tôi rộn rã
 Dạ tôi bồi hồi
 Cậy roi tôi buông thả
 Và nàng đã qua rồi.

Thiếu nữ cười giòn lên rồi phê :

- Tây lắm ! Hồng. Ở xứ ta không có nghề chẵn cừ.
- Tôi không cần có nghề ấy.

Đây là một thi sĩ nông nói, còn thầy ký nhút nhát đã đi mất rồi.

- Sao lại không cần ?

- Văn thơ hoặc phải mang màu sắc địa phương, hoặc phải có tánh cách đại đồng. Chọn một trong hai thứ ấy đều ổn.

- À, thế à ? Hình như là thầy có lý. Nhưng vẫn còn hồng.

- Hồng ở chỗ nào, thưa cô ?

- Tôi đọc chuyện cổ tích Âu Châu, chỉ thấy người ta nói đến những ông hoàng yêu các cô chẵn cừ mà không hề thấy nàng công chúa nào yêu một anh chẵn cừ.

- Nàng công chúa của tôi có yêu tôi đâu. Tôi yêu đơn phương ấy chứ.

- Không nổi loạn à ?

- Nói loạn về gì, thưa cô ?

- Về bất công của những nàng công chúa.

- Không, tôi chỉ tự hỏi sao có ông hoàng yêu cô chẵn cừu mà không có công chúa yêu anh chẵn cừu. Có lẽ vì có cô chẵn cừu đẹp, nhưng không có anh chẵn cừu nào đẹp trai hết.

- Người ta yêu vì nhiều yếu tố chứ có phải chỉ vì bóng sắc không mà thôi đâu. Chẳng hạn, người ta có thể yêu vì tâm hồn. Nhưng thôi, chào thầy ký, à không, chào ông thi sĩ. Mong được đọc thơ khác của ông.

- Thưa cô, tôi có một tập thơ đây.

Nhưng ái nữ của ông chủ hãng I. F. A/T. O không buồn nghe câu chót đó. Cô vừa đi vừa nhảy vừa hát một bài hát yêu đời, lời bằng tiếng Pháp.

Mình nhìn theo nàng công chúa ấy, ngẩn ngơ rất lâu, đoạn ngược mặt lên tường xem đồng hồ, rồi dẹp các thứ trên bàn để đi về.

Bây giờ mưa đã nặng hạt. Trời mưa to, cảm nghe ít buồn hơn là mưa dầm. Đứng dưới mái hiên nhà sách ấy, Mình vừa chột bắt đầu thoáng ngậm ngùi thì nghe yêu đời lại ngay.

Chàng ngậm ngùi vì kinh nghiệm ở đời cho chàng thấy câu nói mát lòng của cô Da Nết Hương, người con gái đã ghẹo chàng khi nãy, câu nói cho rằng các nàng công chúa có thể yêu vì cái khác hơn là tiền, danh vọng, bóng sắc, có thể yêu vì tâm hồn, câu nói ấy, cô ta chỉ, nói theo tiểu thuyết lãng mạn để nghe cho hay vậy thôi chứ trên thực tế thì không phải vậy.

Nhưng con người mơ mộng của chàng lại cãi : “Biết đâu đây không phải là một người con gái đặc biệt tánh tình phóng khoáng, thoát ra khỏi được nhân sinh quan thường ! ” Thế là chàng lại nghe vui trong lòng.

Chàng còn cả một tập thơ dày đã khoe với người đẹp, nhưng người đẹp phớt đi, có lẽ vì nàng vội chạy tìm cha chàng ? Rồi nay mai gì đây, nàng sẽ trở lại để hỏi mượn tập thơ ấy.

Nàng sẽ rơi lệ mà đọc những bài thơ khóc nỗi cô đơn của chàng và nàng sẽ tìm thấy một tâm hồn bầu bạn nơi tác giả của tập thơ đang sống trong cảnh tăm tối này.

Ngày kia, chàng sẽ nổi danh, và sẽ xứng đáng với con gái của ông chủ hãng vì một chú rể thi hào, phải hơn một chú rể bác sĩ chứ.

Đêm ấy Minh làm thêm được ba bài thơ. Tình yêu, không, chỉ mới là giấc mơ yêu thôi, giấc mơ yêu là một liều thuốc kích thích mạnh vô cùng. Tứ thơ tới ào ào và vần thơ cứ rụng xuống dễ dàng như lá thu.

Người thư ký đánh máy này vẫn còn ở gác trọ lợp tôn, nóng như nằm trong lò Bát Quái đã thiêu Tôn Hành Giả, nhưng chàng thấy trước một tương lai huy hoàng. Không, chàng không hề ham tiền bạc, không hề nghĩ đến gia tài của ông chủ hãng LF. A. T. O, cái gia tài đồ sộ mà chỉ phải chia ra có hai phần, một phần cho anh cả của cô Da Nét Hương và một phần cho nàng.

Tương lai này chỉ thuộc loại tình cảm thôi. Chàng đang mơ yêu, một giấc mơ mà trong đó người yêu của chàng chỉ là một cái bóng rất mơ hồ, thì bóng ấy bỗng lộ rõ lên, và may mắn làm sao, nàng rất vừa mắt chàng.

Người con trai chưa hề yêu này yêu vội lắm. Chàng quên mất rằng còn phải biết tâm hồn người ấy thế nào, nhứt là tình cảm của người ấy đối với chàng thế nào. Về điểm sau cùng này, chàng có hơi hơi nghĩ đến, nhưng chàng khờ dại tin rằng nàng đã bị chinh phục rồi vì tư cách người thơ của chàng.

Vì thế mà chiều hôm sau, khi Hương lại sang sở tìm cha, có lẽ để vòi tiền, gặp mặt chàng, nàng hỏi : “Thế nào, ông thi sĩ ? «, thì chàng ửng đỏ cả hai tai vì sung sướng mà cũng vì hơi thẹn thẹn, cái thẹn của một trinh nam bị con gái tinh nghịch trêu yêu.

Chàng không thể nhận được hơi hương mĩa mai trong câu hỏi của thiếu nữ này, nàng chắc nghĩ rằng chàng chỉ làm được thơ con cóc trong hang con cóc nhảy ra thôi.

Thường thì một tuần lễ, Hương chỉ sang đây độ hai lần thôi, riêng tuần này, vì cả hai lần đều không tìm được ông bố của nàng, nên nàng qua lại tới ba bốn lần.

Minh tự hỏi thăm không rõ có phải là cô bé vẫn biết cha đi vắng, nhưng cứ giả vờ đi tìm để có cớ mà gặp mặt chàng để hỏi một câu gì đó hay chẳng.

Thế nên tuần sau, Hương lơ lơi tới, chàng nghe nhớ và buồn ghê đi.

Minh rất muốn đánh bạo gửi cho Hương một bức thơ, nhưng lại không dám, không phải vì sợ thơ lọt vào tay ông chủ hãng rồi chàng sẽ mất sở làm, mà vì tánh nhút nhát của chàng.

Trong khi chờ đợi, chờ đợi, cái gì, chính chàng cũng không biết nữa, thì người thư ký đánh máy nay tạm bằng lòng với bốn kỳ thấy mặt «nàng công chúa» trong một tháng vậy.

Đó là một nàng công chúa của thời không ai viết truyện cổ tích nữa, nên nàng không có dịp yêu một anh chẵn cừ. Thế nên Minh yêu thầm đơn phương như vậy được bốn tháng thì một hôm thấy báo đăng rùm lên lời chúc mừng của mấy ông chủ hãng khác, mừng cho cô “Da Nét Hương, ái nữ của chủ nhơn kiêm giám đốc hãng I. F. A. T. O đẹp duyên cầm sắt với ông Ngô Nhựt Thanh, kỹ sư điện”.

Thứ nắng chiều mà người thư ký tăm tối này đã thấy hứng ở chơn trời, chỉ là thứ nắng đang hấp hối thôi mà chàng làm lẫn với nắng sớm càng phút càng bùng lên.

“Tin vui”, sao buồn thế ! Minh đọc báo thấy tin này vào một buổi chiều mưa cuối mùa, y hệt như buổi chiều mưa đầu mùa mà chàng đi ngoài trời như một thằng điên.

Chiều hôm nay, ra sở, chàng cũng đi ngoài trời như một thằng điên, chỉ có khác là trước, chàng điên vì quá yêu đời, giờ chàng điên vì cuộc tan vỡ của giấc mộng vàng.

Chiều hôm nay trời không có nắng. Nắng đã chết rồi, chớ cũng chẳng được một dư ánh đang hấp hối nào nữa cả.

Nhật báo Tiếng Vang 1964

RẮN CẢN LÀM PHƯỚC

Đồn bà là loài rắn độc hay cắn ta
(N. Đ. Thịnh).

Có thể. Nhưng lắm khi nó chỉ cắn làm phước thôi

B. N. L.

Khải cười lớn rồi nói :

Đồn bà là con rắn độc, anh biết chưa ? Chỉ có người ngây thơ như anh mới bình vực đồn bà. Tôi mong anh bị rắn cắn một lần cho anh sáng mắt ra.

Anh nói rồi nhìn Nghĩa bằng cái nhìn thương hại của một kẻ đã trải đời, tội nghiệp cho đứa em còn khờ, có những ý nghĩ rất sai lầm về lòng người.

Cả bàn không ai nói gì, nhưng họ mặc lặng cho rằng Khải có lý. Sách vở từ cổ chí kim đã chẳng chỉ chép độc có những tích về loài rắn độc này nó ngấm hại đồn ông à ? Báo chí hằng ngày chẳng đã loan tin phần lớn là những vụ nàng xách gói ra đi, nàng bỏ thuốc bả chuột vào món ăn của chồng à ? Còn nói về tài trồng tía của nàng, trồng sừng ấy, thì hình như không hôm nào người ta quên ghi thành tích một lần.

Nơi người đàn ông, có cái mốt thờ dài mà than :

- Ôi đồn bà ! Tôi ghê tởm, tôi chán phèo cái thứ ấy ! Ai mà biết than như vậy thì ra về ta đây thạo đời lắm.

Anh Nghĩa không bao giờ than như thế cả, thì làm sao mà có uy tín được đối với anh em. . . Anh ta cười một cách ngây ngô như định thú nhận sự kém cỏi của mình.

Người ta định bụng sẽ cười chế nhạo anh một cách rất là bằng hữu khi anh phục thiện. Anh ngớ ngẩn cười rồi nói :

- Rắn mà có cắn bọn đờn ông ta thì ta cũng không đến đâu. Nhưng nếu ta đá rắn thì rắn đau biết bao nhiêu !

- Không đến đâu nào ? Đó là luận điệu của một cậu chưa từng bị rắn cắn bao giờ.

- Có, tôi có bị rắn cắn một lần.

Cả bàn đều trở mắt mà nhìn anh con trai hiền từ này. Anh ta mà đã sấu tình một lần rồi à ? Có thể lắm con người ngây thơ như vậy thì rắn nó ngại gì mà không cắn !

Nhưng không nghe anh ta căm thù đàn bà lằn nào cả, mà trái lại nữa thì. . . chắc là anh ta nói dóc cho đỡ ngượng.

- Đâu mày đặt thử một cái đoạn thiên nói chuyện mày bị rắn cắn thử xem.

- Trước khi đặt - Nghĩa nói đùa lại - tôi nhấn mạnh cho các anh thấy rằng đờn bà ít là rắn hơn đờn ông, và những con rắn hiểm hoi ấy có cắn các anh, các anh cũng không sao cả.

Sở dĩ có cái huyền sử đờn bà là rắn độc là vì các anh nắm độc quyền viết sách, soạn kịch, đặt bài ca để phổ biến huyền sử kia, và các anh lờ đi cho đờn ông, mỗi khi họ hóa rắn.

Năm Nghĩa làm thơ ký tại nha quận Hóc Môn, chàng mới có mười chín tuổi.

Một người bà con ở Sài Gòn gửi gắm chàng nơi gia đình một giáo viên về hưu. Thầy thơ ký bẻ con ấy được cả vùng đặc biệt chú ý đến vì thầy dễ thương lắm về cả bề ngoài lẫn tánh nết và nhất là vì thầy chưa vợ.

Người trong thôn xóm, dẫu sao cũng còn ham gả con cho dân thầy và con gái cũng còn ao ước lấy chồng thầy, y như người của thế hệ trước.

Gia đình nào cũng bí mật lập hồ sơ về thầy. Người ta ghi tên họ, tuổi tác, như là tuổi ta của thầy (để nhờ thầy coi số mạng xem có xung khắc với tuổi con của họ hay không; người ta truy nguyên dòng họ của thầy; và người ta dò xét lối xử thế của thầy. Số lương tháng của thầy cũng bị dò thám coi thật ra là bao nhiêu, coi thầy còn làm công nhứt hay đã vào ngạch.

Nếu dân trong vùng làm gián điệp thì thầy Nghĩa cũng làm phản gián điệp. Con trai mười chín tuổi mà không muốn yêu là con trai vút đi. Thầy Nghĩa muốn yêu và phản gián để xem có cô nào thầy thích hay không.

Làm việc ở đó được sáu tháng, thầy đã thuộc lòng các xóm, trong đó có bao nhiêu nòng, nhưng thầy chưa cảm ai hết.

Nghĩa định bụng rằng ở đây không có người hấp nhần nên chàng thôi, để tâm mơ những người đẹp xa xôi mà chưa gặp mặt bao giờ.

- Cậu Nghĩa à, chiếc áo này, tôi thấy vứt ngoài sau hôm qua, tôi đã đem trải trên nắp rương của cậu, sao nay lại trở ra đây nữa.

Của cậu chứ ?

Cô Diệu cầm chiếc áo pijama đưa lên, lưng áo rách một đường dài.

- Phải, chính áo của tôi - Nghĩa đáp. - Nhưng tôi bỏ, và đưa ra sau cho chị làm nùi lau.

- Trời ơi, áo còn tốt quá, sao cậu bỏ ?

- Vì nó rách.

- Thì vá nó.

- Tôi không biết vá.

- Để tôi vá giùm cho.

- Được như vậy thì quý lắm, nhưng tôi không dám làm phiền chị.

- Phiền gì mà phiền.

Cô Diệu là con gái thứ ba của ông giáo Hoặc, và cũng là con út của ông này. Người anh của cô đã có vợ và đi làm ăn ở xa, nên chỉ một mình cô phụng dưỡng cha mẹ.

Cô năm nay hăm sáu tuổi mà chưa có chồng, chưa chia sẻ tình thương cho gia đình riêng của cô, nên cô dồn tất cả tấm lòng cô vào công việc phụng dưỡng này.

Nghĩa đã may mắn mà lọt vào đây và được xem như là đứa em út.

Ban đầu ở nhà kêu anh bằng thầy. Nhưng họ thân nhau ngay và ông cụ bà cụ kêu anh bằng cháu còn cô Diệu thì kêu anh bằng cậu.

Cô Diệu nói xong đi lấy giỏ may ngay rồi vá áo. Nghĩa nhong nhẽo như em út thật. Anh nói :

- Chị mạn hè, vá coi xấu lắm.

Diệu cười hiền lành :

- Phải, nhưng cũng tùy đường rách. Áo cậu không mạn được. Để cậu xem, tôi vá không thấy dấu vá đâu.

Không công việc gì làm, Nghĩa ngồi nơi ghé xa lông giữa nhà nhìn chị Diệu vá áo. Chị Diệu rất ít lời nên anh cũng không tiếp tục câu chuyện được.

Nghe trống rỗng quá, anh nhìn chị Diệu cho đỡ buồn.

Lạ kỳ chưa, té ra chị Diệu đẹp. Biết chị cao tuổi, Nghĩa quên đi ý đến chị, chỉ biết là chị có duyên vậy thôi.

Cái mặt chị Diệu trông nghiêng, hay quá. Sống mũi chị cao, nhưng không cao như người Âu, mà cao như người đôn bà miền Bắc, thì thật là tuyệt mỹ, theo Á Đông.

Nghĩa nhớ lại thì thân thể chị rất là khéo tạc. Chị mang cái công trình đã xong xuôi của tạo hóa như bất kỳ người đàn bà nào, chớ không phải còn tấm thân đang tô điểm dở chừng của con gái.

Trong giây phút, Nghĩa bỗng chợt khám phá được lòng chàng. Chàng thích đòn bà hơn là con gái.

Nếu người đứng tuổi mà biết được thâm tâm chàng chắc họ sẽ cho đó là sự thương : con trai mới lớn lên thường thích đòn bà.

Nhưng nơi Nghĩa thì lại khác. Anh là một đứa con trai già giặn sớm về cuộc sống bên trong. Anh đã thấy sự so le giữa anh và con gái đồng niên với anh : anh già quá, họ còn ngây thơ quá.

Chị Diệu, qua câu chuyện, tỏ ra có một đời sống nội tâm phong phú, và tuổi tác chị càng làm giàu thêm cho đời sống này.

Sự so le tuổi tác làm mất được sự so le về tâm hồn. Cái so le đầu, Nghĩa xem nhẹ. Phải, chị Diệu đẹp và còn rất trẻ : trông như mới hăm hai, anh còn đòi hỏi gì hơn. Miễn là hai tấm lòng không chênh lệch nhau mới ăn đời ở kiếp nhau mà khỏi hôi com, đắng canh.

Anh có kiếm mèo đâu mà tìm cô gái thật trẻ. Anh kiếm một người bạn đời để mà gởi gắm tâm tư, thì ai hiểu lòng anh được là anh chọn người đó.

Cái ngày mà Nghĩa tỏ tình với chị Diệu, chị bị choáng váng như là say mật. Ngon ngọt thật nhưng mà say người. Chị đứng trơ một hồi rất lâu ở sân sau nhà mà chưa hết kinh ngạc. Chị nhìn lại Nghĩa xem anh ta có phải vừa hóa điên thành linh hay không.

Không bao giờ chị ước mong lấy một người chồng trẻ quá như vậy, và cũng không bao giờ chị ngờ có một cậu trai ngây thơ yêu chị.

Nếu như Nghĩa là người thường thì hoặc là chị mắc cỡ vì thích chị, hoặc phần nộ vì không ưa. Nhưng kẻ tỏ tình là một đứa em dễ thương, nên chị chỉ sững sốt thôi, rồi khi trấn tĩnh lại được, chị nghiêm nghị nói bằng một giọng bề trên nhiều lý trí :

- Tôi tin rằng cậu nói thật. Nhưng cậu đã suy nghĩ kỹ càng hay chưa cái đã ?

- Tôi đã hỏi lòng tôi nhiều lần rồi. . . Cô Diệu à. . .

Nghĩa không kêu Diệu bằng chị nữa mà do dự trước chuyển hướng xưng hô mới.

- Hỏi lòng không mà thôi, chưa đủ, phải hỏi cả trí khôn của cậu nữa.

- Cái gì tôi cũng đã hỏi rồi cả.

Diệu thở ra, trầm ngâm giây lâu rồi, không nói gì, bỏ đi vào trong.

Hai tuần lễ đã qua mà Diệu vẫn không trả lời trả vốn gì cả. Nhưng Nghĩa thấy là anh hy vọng được vì Diệu sẵn sóc đến anh nhiều hơn. Đó là những cái sẵn sóc nho nhỏ mà chỉ có người làm và người hưởng là nhận thấy thôi, và người hưởng tự nhiên hiểu rõ những lời nói cam lặng ấy và tin nơi nó nhiều hơn là lời nói to nào cả.

Nghĩa đã chối rằng mình yêu đờn bà không phải giống anh con trai mới lớn lên khác, mà chỉ vì sự so le tâm hồn muốn so lại cho bằng thôi. Lý lẽ ấy đẹp quá, nên anh chỉ giữ nó để trưng ra với chính anh.

Sự thật thì anh cũng chỉ là một anh con trai như bất kỳ anh nào. Anh con trai thiếu niên, chưa nguôi hẳn tình mẹ, thấy nơi người đờn bà, hình ảnh của một kẻ đã nuông chiều mình mười mấy năm trời nay.

- Cậu nói nghe đỡ, vậy có muốn ăn chút cháo không ?

Diệu đứng nơi cửa buồng mà hỏi như vậy.

- Tôi thèm cơm hẹ.

Khi đau ốm, anh con trai càng nhõng nhẽo hơn và luôn nói thêm tiếng hẹ sau câu đòi hỏi của anh.

- Nếu cậu thèm cơm thì thật là triệu chứng hay. Vậy để lát nữa ăn cơm luôn với ở nhà.

- Ừ. Nhưng giờ chị cho tôi cái gì ăn cho đỡ hôi miệng.

Diệu vội vàng trở gót và giầy lát sau đem vào một đĩa mặn với muối ớt.

- Chị ngồi đây một chút, được hay không chị ?

Diệu không đáp, kéo ghế ngồi sát giường Nghĩa.

- Bữa nay chị trả lời câu hỏi hôm nọ của tôi có được chưa ?

Diệu cũng cứ làm thinh, lấy một trái mặn, chấm muối rồi trao cho Nghĩa.

- Chị à - Nghĩa không cầm mặn, lại kêu Diệu mà hỏi - sao chị lại không yêu tôi được ?

- Tôi chỉ sợ Nghĩa lắm một lúc thôi, rồi sau phải hối hận.

Diệu không kêu người con trai bằng cậu nữa.

- Nhưng nếu tôi không làm. . .

Hai người im lặng một lúc lâu, rồi Nghĩa hỏi tiếp :

-... Thì chị yêu tôi được hử chị ?

Anh vừa hỏi câu đó, vừa nhận mặn và không hiểu sao giữ luôn tay Diệu.

Họ yêu nhau đến muốn cùng chết ngay, sợ ngày kia không yêu bằng lúc ấy nữa rồi phải tiếc rẻ. Đây là mối tình đầu của Nghĩa. Nhưng nó lại là mối tình lời của Diệu. Cô gái đứng tuổi ấy được một người con trai thơ ngây yêu như ngây thì đôi tình của cô chắc phải rất đậm đà.

Nghĩa chỉ đợi hai tháng nữa cho qua khỏi thời tập sự là xin cưới Diệu. Mọi việc đều xuôi cheo mát mái, chắc thuyền sẽ đến bên đúng kỳ.

Một hôm, Nghĩa đọc báo nói :

- Tỉnh Kiến Tường mới mở, ai xung phong đi Mộc Hóa sẽ được nhiều ân huệ về sau. Nghĩa muốn đi, Diệu nghĩ sao ?

Diệu cười ngất mà dọa :

- Dưới ấy chỉ có đồng trống. Nghĩa đi rồi phải ở góa ға.

Nhưng suốt tuần đó, không hiểu sao; Diệu lại lo ra trông thấy. Nàng vẫn sẵn sóc Nghĩa, nhưng ít nói chuyện với anh, và hay đi đó đi đây.

Tuần sau, nhà có khách. Một ông cụ đến và ở rất lâu, kể chuyện Tàu, kể chuyện Tây suốt ba bốn tiếng đồng hồ mà chưa chịu về cho. Ông cụ đến hồi mười giờ sáng, mà chừng Nghĩa đi làm buổi trưa, ông cụ vẫn còn ngồi đó mà nói.

Tuần sau nữa, ông giáo Hoạc tuyên bố gả con, gả cô Diệu cho thầy giáo Mã.

Thầy giáo Mã này người rất xấu trai. Thầy ta đeo đuổi cô Diệu đã ba năm rồi mà chưa được, vì cô Diệu không ưng lấy thầy,

Nghĩa đợi dịp để hạch sách bạn, chờ một phút bằng một thu dài, bực tức đến muốn phát điên lên. Chừng có dịp hỏi được điều chàng băn khoăn thì Diệu không chịu đáp mà chỉ nói :

- Nghĩa đi là hơn. Nhưng đừng đi Mộc Hóa. Ở đó ít người quá, khó tìm an ủi lắm.

Diệu cứ cầm cái miệng lại, thấy mà muốn bặt tai. Một ngày có mấy lần nói chuyện với nhau được đâu, mà lần nào thuận tiện là Diệu trốn trong sự ngậm miệng, không chịu bước ra khỏi đó.

Tôi lại, nàng đóng cửa buồng kín mít, Nghĩa muốn liêu cú phá nhà thử coi, ra sao thì ra. Nhưng anh không dám.

Hôm ấy anh đưa đơn tình nguyện đi Mộc Hóa. Ông quận trưởng nhìn anh giây lâu, rồi hỏi anh cái câu mà Diệu đã hỏi :

- Thầy đã hỏi lòng thầy chưa ?

Không, từ đây, Nghĩa không thềm hỏi ai cái gì nữa cả. Anh nhắm mắt hành động càn bừa, tới đâu hay đó.

Đi xa là hơn. Anh ăn không được, ngủ không được, ở đây thêm ngày nào là giảm thọ ngày ấy.

Mộc Hóa buổi đầu. Người công chức chưa đủ tiện nghi. Nhưng nhờ sự thiếu thốn ấy mà Nghĩa quên rất mau, đến đổi chàng phải ngạc nhiên.

Sau đó, chàng nhớ chuyện Mông Cổ và Trung Hoa nên hết lấy làm lạ nữa. Sách nói rằng Mông Cổ nhờ sống kham khổ nên rắn lòng rắn chí, thế nên thắng được Trung Hoa đã quá ủy mị trong giàu sang và tình cảm.

Hai tháng sau, Nghĩa nhận được một bức thư. Có nên xem hay không, chàng tự hỏi khi nhìn ra tuồng chữ nơi phong bì. Không, không cần tiếp xúc với người phụ nữ khốn nạn ấy nữa, cho dầu bằng thơ. Chàng vừa quên được, nên quên luôn là hơn.

Nhưng tò mò vẫn mạnh, chàng mở thư ra xem.

Nghĩa ơi !

Nghĩa đã đau lắm hử Nghĩa. Diệu cũng đau, có phần còn hơn Nghĩa nữa. Mỗi tình đầu của Nghĩa chẳng qua là một cuộc dò dẫm thôi, con trai vẫn thế, họ dò dẫm để tìm kinh nghiệm. Nhưng mỗi tình đầu của Diệu là tất cả đời Diệu thì còn đau nào bằng đau phải dứt bỏ nó.

Mà Nghĩa ơi, Diệu yêu Nghĩa quá, không muốn Nghĩa thất vọng và bực mình về sau, Diệu cũng trọng tương lai Diệu lắm, không muốn bị Nghĩa bỏ rơi khi mà Nghĩa khôn ra đôi chút. Không, ta không thể ăn đời ở kiếp nhau được đâu. Diệu sẽ già trước Nghĩa, sự so le trông thấy ngay và Nghĩa sẽ đổi ý đổi lòng. Giờ chắc Nghĩa không tin Diệu, nhưng mười năm sau Nghĩa sẽ thấy Diệu có lý.

Thôi nhé ! Đừng hờn Diệu nữa nha em nhỏ ! Diệu đã trả Nghĩa lại cho đời, còn nguyên là anh con trai. Nghĩa có thiệt hại gì đâu ! Không yêu Diệu nữa thì Nghĩa yêu người khác, còn hơn Diệu mười phần.

Mối tình của ta để nơi lòng ta một kỷ niệm đẹp, Nghĩa còn muốn gì hơn ? Diệu đã bỏ rơi Nghĩa à ? Phải. Nhưng Nghĩa té mà không việc gì cả, đau chút xíu rồi thôi. Nam nhi mà ! Nhưng Nghĩa thử tưởng tượng Diệu bị xô ra với bốn năm đứa con trên tay thì còn đau đớn nào bằng.

Thôi chúc Nghĩa chọn được vợ hiền và nhứt là xứng đôi. Đừng thí nghiệm lần thứ nhì tình yêu kỳ lạ đó nữa nha.

Diệu, kẻ nhớ mãi mối tình đầu.

Nghĩa kẻ xong, nói thêm :

- Con rắn đã cắn tôi, chỉ cắn làm phước thôi. Có thể có thứ rắn cắn vì ác tâm.

Nhưng nạn nhân của rắn không thể bị việc gì cả ngoài đau khổ vài tháng. Diệu đã nói : «Trả Nghĩa lại cho đời, còn nguyên là anh con trai».

Đến như ta đá rắn thì khác. Ta trả rắn lại cho đời rắn, không còn nguyên là con gái nữa được, với lại rắn nhiều tình cảm quá, khó nuôi hơn ta nhiều. Rắn hay tự tử hơn ta kia mà.

Tuần bảo Tầm Nguyên. 1954

LÁ RỤNG VỀ... NGỌN

Sài Gòn, ngày. . . tháng. . . năm. . .
MÌNH

Cô Tư mở thư ra đọc, nhưng mới thấy chữ đầu, cô giựt mình xem lại phong bì. Rõ ràng là tên cô và địa chỉ của cô, nhưng sao lại. . .

Bút rút vì tò mò, cô vội vàng đọc ngón ngấu những hàng chữ trên tờ giấy màu ngà thật đẹp ấy. Càng đọc tới, mặt cô càng tái đi, rồi khi xem xong, cô vò nát bức thư lại, hai hàm răng cắn chặt môi dưới, mắt đắm đắm vào khoảng không.

Chi, đứa con gái độc nhứt của cô, đặt chiếc áo đang tra khuy vào lòng nàng, trân trân nhìn mẹ nhưng không dám hỏi gì.

Khi nàng thấy hai hột nước mắt từ từ lăn trên hai má của mẹ nàng, nàng hết hồn, đoán biết là thư ấy đưa đến một tin quan trọng, mà lại là tin đau thương.

Từ thuở nhỏ, nàng ở với mẹ, và cuộc sống của hai mẹ con rất bình thường. Không có nỗi vui nào lớn, cho đến một mối buồn to cũng không có để đánh dấu kỷ niệm đời nàng. Mười năm về trước, bà ngoại nàng qua đời. Nhưng chết già không phải là tang đau đớn lắm, mặc dầu sau cái tang ấy, hai mẹ con thật bơ vơ trên đời. Rồi thôi, mãi cho đến ngày nay. Ngày nay, mẹ nàng may mắn, còn nàng thì giúp mẹ. Thật là một cuộc đời bằng phẳng như đám ruộng mình mông trước nhà và sau nhà.

Chi rón rén bước lại gần bàn may máy mà sau đó mẹ nàng đang ngồi. Nàng đặt nhẹ tay lên nắm tay của mẹ đang giấu trọn bức thư vào nát, rồi kêu nho nhỏ.

- Má !

Cô Tư bỗng nức nở lên. Chi cũng òa khóc theo mẹ, mặc dầu chưa biết mẹ sầu chuyện gì.

Khi niềm riêng của cô Tư đã theo nước mắt mà thoát bớt được ra ngoài, cô với tay kia vuốt lên tóc con và mở nắm tay nọ ra. Chi hiểu ý mẹ, cầm thư lên, vuốt lại cho bằng phẳng rồi lẩm nhẩm đọc.

Đọc xong chữ đầu. Chi ngơ ngác, y như mẹ nàng hồi nãy.

Cha nàng đã chết từ lúc nàng mới lọt lòng, mẹ nàng nói như thế. Nhưng nay thì. . . «mình» nào nữa đây ?

Chi ngược lên nhìn mẹ thì thấy mẹ trợn mắt nàng. Lòng nàng bỗng chua xót một niềm tủi hổ vì nàng ngỡ mẹ có một dĩ vãng không hay. Để khỏi thắc mắc, nàng đọc tiếp :

«Gần hai mươi năm rồi mà tôi còn nhớ địa chỉ của mình thì mình đủ biết tôi không quên mình.

Không quên mình, nhưng nói làm sao cho hết nỗi lòng của tôi để mình tin ? Biết nói cũng vô ích, nên hôm nay tôi xin dẹp chuyện cũ, chỉ bàn với mình một việc thôi.

Con Chi của chúng ta, năm nay đã lớn rồi. Nếu tôi nhớ không lầm thì nó đã mười tám rồi thì phải.

Như vậy cũng gần tới tuổi mà ta phải lo cho nó. Vẫn biết ở dưới mình cũng tính việc tương lai của con được, nhưng có cha thì vẫn hơn. Phải không mình, mình nghĩ kỹ thử coi, một đứa con gái không cha thì gả về một nơi xứng đáng sao được.

Cũng vì thương con nên tôi phải làm mặt lì, gởi thơ cho mình hôm nay, cầu xin mình cho con Chi về trên này. Tôi đã tiên liệu hết mọi việc và mẹ sắp nhỏ tôi cũng bằng lòng coi con Chi như con gái đầu lòng của nó.

Thôi mình à, nhớ làm gì chuyện xa cho thêm buồn. Bề gì cũng đã lỡ rồi; và tôi đã biết ăn năn tội lỗi thì mình cũng nên tha thứ cho tôi.

Nhưng nếu mình cố chấp, tôi cũng xin mình nhắm lại tương lai của con, đừng để lòng hờn riêng làm hỏng hạnh phúc của nó.

Chừng nào mình cho phép, tôi sẽ xuống dưới thăm hai mẹ con và thu xếp cho con nó về trên này.

Kêu mình bằng mình trong thơ này thật tôi cũng quá bạo. Tôi không có quyền. Trước kia tôi kêu mình bằng em; tôi đã khốn nạn phụ em và bây giờ tuy lo gỡ tội tôi cũng vẫn không có quyền xưng hô với mình như thế.

Nhưng mà phải kêu như vậy vì tôi nhứt quyết về sau, ngày đám cưới của Chi, mình sẽ là bà suôi gái chánh thức và mẹ sắp nhỏ tôi sẽ nhường chỗ cho mình trong buổi lễ.

Tiếp theo đó là lời chúc rồi một chữ ký không đọc được.

Chi thù người ra. À, nàng nghĩ bụng, té ra mình vẫn còn cha và lời giải thích trước kia của mẹ, chỉ là một sự bịa đặt.

Còn khờ dại, Chi mừng rỡ, nổi mừng của một đứa bé vừa bắt được một vật lạ, chưa biết dùng vào đâu nhưng vẫn xem đó là một may mắn.

Nàng ngược lên nhìn mẹ, nhưng khi thấy vẻ mặt tuy ráo lệ, nhưng vẫn còn buồn vô hạn của cô Tư, nàng bỗng nhớ lại đoạn thăm sử trong đời tình ái của mẹ mà nàng vừa mới khám phá được, nên sa sầm nét mặt ngay, và nghe thương mẹ hơn bao giờ hết.

Nàng ngã vào lòng mẹ, cử chỉ mà nàng thôi làm đã hai năm nay, rồi hai mẹ con lại khóc đầm dề, một người thì khóc cái đau khổ âm thầm của mẹ mà mình vừa hay biết, một người thì khóc tủi thân, vì niềm đau riêng mang nặng gần hai mươi năm mới được một kẻ đoái hoài đến, và cũng khóc vui sướng vì kẻ kia chắc chắn chia sẻ niềm đau ấy.

Cô Tư vuốt tóc con mà nói :

- Con đã biết hết rồi, má không còn gì để nói thêm nữa. Nhưng má xin con đừng khinh má, mà tội nghiệp cho má. Má chỉ dại dột lỡ lầm một lần ấy thôi, rồi má vẫn đoan chính nuôi con đến ngày nay.

Chi đề mạnh tay mẹ lên đầu nàng để tỏ tình một cách căm lạnh, và hôn vào lòng mẹ rất dài rồi hỏi :

- Má ơi, tại sao. . . tại sao. . . Nàng do dự không biết dùng tiếng gì để chỉ cái người xa lạ mà có liên hệ mật thiết đến đời nàng kia. Rốt cuộc, nàng phải dùng một tiếng mà nàng không thích :

- . . . Tại sao ba con lại phụ má ?

- Vì má là con không cha, y như con vậy. Người đời họ cho tất cả những người đàn bà chữa hoang đều không nên nét, nên con gái của những người này chỉ đáng cho họ hưởng qua đường thôi.

Hai mẹ con lại làm tỉnh mà ôm nhau như vậy lâu lắm. Rồi cô Tư hỏi :

- Con nghĩ làm sao về vụ này ?

- Con không có ý kiến gì hết.

- Con không căm giận sao ?

- Giận chứ, má. Con ngỡ má hỏi về điều khác. Má khổ như vậy mà con không căm hờn sao được.

Thật ra, nàng chỉ mới giận đấy thôi, chưa sâu đậm lắm để gọi là căm hờn. Hồi nãy nàng đã mừng một cách đại dột, rồi bận thương mẹ, nên chưa kịp nghĩ gì về người lạ mặt kia.

Quả thật, Chi không thương người đó. Không có một giây liên lạc mong manh nào cả giữa nàng và cái người đã cho nàng máu mủ. Nhưng không thương mà có muốn giận được liền cũng còn là khó. Một kẻ làm khổ mình, chắc mình cũng thôi giận hẳn sau hai mươi năm. Thời gian hay xóa nhòa mọi việc, cứ sao lại không xóa được nỗi căm hờn. Huống chi trong trường hợp này, Chi lại không khổ trực tiếp mà chỉ đau lây, vì niềm đau của người khác, mặc dầu người khác đó là người nàng thương yêu nhất trên đời.

Không thương, không giận, nàng chỉ khó chịu về mối tình hỗn độn sanh ra từ một tình thế trái ngược. Người cha, bắt gặp trong một trường hợp như thế thật đã làm khổ tâm nàng, vì bồn phận khiến nàng phải ghét giận con người không hề lo tới nàng kia. Nhưng ai lại ghét cha bao giờ.

Cô Tư buông con ra, hừ một tiếng mỉa mai :

- Hừ, má nghĩ cũng buồn cười. Con người sao mà mặt chai mày đá. Có ai bát nước đổ đi rồi còn hốt lại được đâu.

Chi lật đến trang tư thì nhìn sững ảnh mẹ. Mẹ nàng quả đẹp thật, thuở còn trẻ. Người thiếu nữ kiều mị ấy thế mà cả một thời xuân bị bẻ gãy, thâm lặng ôm hận trong hai mươi năm dài.

Chi lật qua trang để khỏi rơi lệ trên ảnh mẹ cũng có, mà để xem lại chính ảnh mình. Thiên tình sử đau thương của mẹ, nhắc nàng nghĩ đến thân phận của nàng, điều mà từ hôm qua đến nay, bận thương mẹ, nàng quên mất. Nàng quyết xem lại ảnh nàng coi có thật đẹp không; và nếu có, thì cái đẹp ấy có xấu số như vẻ đẹp của mẹ nàng hay không.

Nàng đẹp quá. Bức ảnh mới chụp vào đầu tháng tư trước đây, chụp nàng đứng một mình, dựa ngửa vào thân một cây dừa nghiêng mình xuống rạch. Cảnh đẹp, ảnh đẹp, mà người kiều cũng đẹp tuyệt vời.

Chi bỗng giựt mình sợ hãi. Bà ngoại nàng xưa kia cũng đẹp lắm. Nàng đoán thế vì vẻ trang nhã của bà lúc bà trở về già. Và trong hai đời liền, có hai người đàn bà có con không chánh thức! Mặt Chi tái ra khi nghĩ đến. . .

Bấy giờ cô Tư trong cửa buồng bước ra, thấy con đang cúi xuống xem gì, cô rón rén đi lại sau nó. Cô Tư đi nhẹ như bước chơn bọc gòn. Thế mà sao Chi lại nghe biết. Càng hoảng hơn, nàng bối rối rồi mỉm cười, gượng gạo hỏi mẹ liền một câu, cốt đánh trống lảng :

- Má ơi, con có giống ba con không má ?

Cô Tư bỗng sa sầm nét mặt lại, khi nghe câu hỏi này.

«Lá rụng về cội»

Cái tiếng «giống» của Chi làm cho cô nhớ lại câu tục ngữ trên đây rồi lấy làm lo lắng. Cô nhìn lại đứa con gái thân yêu đã bắt đầu đẹp trong thời trở mã. Nó giống cha nó thật ! Cái gương mặt đẹp và dễ thương đó là gương mặt của con người mà cô yêu không cân nhắc hồi hai mươi năm về trước. Nhưng không rõ lòng dạ nó sẽ ra sao.

Trong giây phút, cô cảm nghe như ghê tởm đứa con của kẻ phụ tình; nó sẽ phụ tình mẹ con như cái con người đã làm hỏng một thời xuân trẻ của cô.

Nghĩ thế, cô nhìn con bằng đôi mắt e dè, khiến Chi kinh hãi. Con bé rất thông minh, đã đoán hiểu tâm trạng mẹ, nên nó khép nép nhỏ xiu lại như chính nó đã phạm tội với mẹ nó vậy.

Thấy thế cô Tư bỗng hối hận vô cùng. Cô muốn chạy lại ôm lấy con để ngậm xin lỗi nó, ngậm chuộc tội bất công bằng cách vuốt ve, nựng nịu nó. Nhưng có cái gì giữ cô lại : cô vẫn còn hơi ngờ vực; lòng thương con của cô, đau thay, đã bị sứt mẻ đi rồi.

Chi bây lớn cái đầu mà còn ngủ với mẹ như là còn nhỏ em lắm. Con một ấy mà ! Vả lại cô Tư cũng thích thế. Cô không muốn thấy con của cô lớn, vì lớn là nó sắp đi lấy chồng, là nó sắp xa cô. Cho nên cô thi hành đủ mảnh khốc để có cảm tưởng gặt gẫm là Chi còn bé bỏng như ngày nào. Việc ngủ chung giường là một.

Trái với mọi đêm, đêm nay Chi không rúc vào nách mẹ. Nói cho đúng ra, nàng không thể rúc được, vì cô Tư đã lách mình nằm dang ra xa, khiến Chi không dám lết theo. Hai mẹ con giống như gà mẹ và gà con vừa mặc áo lá : mẹ cắn đuôi con để ra bày, con luyến tiếc mẹ mà chẳng dám chạy theo.

Cô Tư, thật ra không hẳn là giận ghét con. Hơn thế một khi cô đã nghe bớt ngờ vực thì tình thương của cô lại đầy lần lên. Nhưng cô lại mắc cỡ nên không làm lành được với con. Con cô nó đã lớn rồi, đã có đời sống bên trong của nó. Tại sao mình lại lạnh lạt làm chi với nó cho nó nghĩ lung tung, có thể khinh mình là khác, rồi bây giờ muốn âu yếm trở lại, lại lỡ dở ?

Chi nằm chèo queo một lúc, nghe rất thèm hơi mẹ mà nàng đã ghiền từ lâu, nên nàng lết lần, lết lần lại phía cô Tư mỗi lần một quãng thật ngắn thôi.

Khi nàng nghe đã gần kề cái mùi khó tả mà rất mến thương của mẹ, cái mùi quen thuộc hơn là chính mùi của nàng, nàng làm bộ ngủ say lẫn trở, lật qua một cái thì đã lọt vào nách mẹ. Mẹ nàng vốn đã chờ đón nàng từ lâu, nên đã chìa sẵn cánh tay ra như để làm gối đầu cho một người vô hình nào.

Chi cố chui sâu vào nách mẹ như một con đê nhũi; nàng ư một tiếng dài, như ngáy ngủ, rồi hươ tay gác qua ngực mẹ. Rồi nàng hít hơi mẹ, nghe sung sướng quá, như hơi đó là một nguồn sinh lực. Nhưng cái sung sướng được hưởng mẹ không trọn vẹn vì thiếu sự truyền cảm của hai vật sống. Mẹ nàng có lẽ ngỡ nàng ngủ thật, và như thế chỉ coi nàng khá hơn một cái gối thôi; âu yếm không truyền qua nàng chút xíu nào cả.

Có nên cho biết mình thức hay chẳng ? Nàng do dự lâu lắm, lắng nghe ngực mẹ phồng lên, xẹp xuống dưới sức nặng của cánh tay nàng.

Bỗng trong một cơn thêm thương yêu quá sức kèm chế, nàng siết cánh tay lại, ôm ghì lấy mẹ mà hít dài.

Cô Tư kẹp mạnh cánh tay đã chìa ra, nhốt đầu con trọn vẹn vào nách. Đầu Chi bị đội đi mấy lần vì cái thồn thức của mẹ nàng. Cô Tư vỗ vỗ vào lưng con như để ru một đứa bé, cúi mặt xuống mà hun lên tóc Chi đến mấy mươi lần. Gối đã ướt nhem lệ mẹ và nách áo mẹ đã ướt nhẹp lệ con. Thỉnh thoảng trong đêm lạnh, tiếng tấm tức tấm tưởi của Chi lại vang lên.

Sáng hôm ấy Chi xách giỏ đi chợ sớm hơn ngày thường. Nàng lại làm dáng đặc biệt và đứng rất lâu trước chiếc tủ để suy tính chọn áo.

Nhưng trưa hôm ấy nàng lại về chợ trưa hơn bao giờ hết. Chi không giấu nổi sự bối rối của nàng, khiến cô Tư rất ngạc nhiên. Nhưng cô không vặn hỏi duyên do của sự bất loạn tâm thần của con, nó đã lộ ra quá rõ rệt, vì cô vừa làm lạnh với con thì bỗng bị ngờ vực mới này thả bức màn cách biệt xuống.

Từ đó đến chiều hai mẹ con không nói với nhau một lời nào, mẹ thì ngại ngại bức tức, con thì như đứa mất hồn.

Tối lại, sợ phải hối hận như đêm rồi. Cô Tư nắm lấy tay con mà hỏi :

- Con thương má hôn con ?

- Má còn ngờ vực tình thương của con nữa sao ?

- Không, má chỉ hỏi cho chắc ý vậy thôi. Má muốn nghe chính miệng con đêm nay xác nhận tình con thương má. Không hiểu sao hôm nay má vô lý quá. Mẹ con mình thâm lặng thương yêu nhau từ bấy lâu nay cũng đủ lắm rồi, muốn con nói lớn ra nữa làm chi. Nhưng hôm nay má lại cứ nghe như là sợ cái gì, sợ một tai họa gì sắp xảy ra vậy. Linh tính báo hiệu gì đó chẳng ? Cho nên má cần nghe con nhắc lại rằng con thương má, như hồi con còn nhỏ é mà.

Rồi cô Tư nhắc lại những câu đối đáp giữa hai mẹ con thuở Chi còn bé.

- Dạ ớ con !

- Dạ.

- Thương má hôn ?

- Thương.

- Nhưng tiếng thương sau cùng, giờ đây hai mẹ con thốt ra một lượt. Rồi Chi hỏi :

- Nhưng má lo sợ cái gì kia chứ ?

Cô Tư ngần ngại lâu lắm mới nói :

- Con có biết câu tục ngữ «Lá rụng về cội» hay chẳng ?

Chi thờ người ra. Mẹ nàng đã bị ám ảnh vì nỗi lo sợ nàng về với cha nàng, nàng biết thế. Nhưng cái ý bỏ mẹ chưa hề lãng vãng qua trí nàng. Thế mà lạ sao, khi mẹ nàng vừa đọc câu tục ngữ ra là nàng như sức tỉnh một cơn mê, như tìm được một lối thoát cơn nguy mà nàng đang mang phải.

Thấy con trầm ngâm, cô Tư càng ngỡ Chi đang khó chịu vì ý định bị mẹ nàng muốn ngăn trở, nên cô nói :

- Nói thì nói vậy chứ cũng tùy ý con; nếu con thích về với. . . cha con thì má dầu có muốn, cũng không ngăn cản được.

Lời cô Tư nói có điểm một hơi hướng chua xót. Cô nghe tim mình như có ai nắm lấy mà vặn lại.

Chi theo dõi ý nghĩ của nàng : “Phải, chỉ có cách ấy mới giải quyết được ngõ bế tắc mà mình lâm vào”.

Nàng bỗng thấy dễ dàng quá, cái tình thế ngỡ là khó xử của nàng : tạm về trên ấy, làm con có cha một thời gian ngắn, rồi thì...

- A ha - nằng reo thẳm trong bụng - Sao mà tron tru như thế? Vậy mà mình rối trí, chỉ mới nghĩ tới điều đó nầy giờ đây thôi. Đành là về trên ấy thì quần thần lơ lảo, tui hổ lắm. Nhưng không về là phải chết !

Cô Tư nuốt kêu ừng ực cái gì nó toan trào lên cổ họng của cô. Hơi ghen ngào, cô nói :

- Chi oi, mới hôm qua đây, má hỏi con, con phân trần liền. Bữa nay con nín thinh về vụ con về trên. Hay là con đang toan tính thiệt hơn về vụ đó ?

Rồi bỗng hoảng sợ, cô Tư hết còn kiêu ngạo được nữa, mà lại xuống nước nhỏ, van lơn con :

- Con ơi tình mẹ con. . . con. . . con. . .

Chi bình tĩnh nói :

- Thí dụ như con tạm về trên ấy một lúc, thì có tổn thương gì đến tình con thương má đâu, má ?

Cô Tư nhìn con, kinh ngạc đến cực độ, giây lâu mới hỏi được:

- Té ra cái ý nghĩ về với cha con quả đã lớn vồn trong trí con rồi à ? Té ra má nghĩ không sai à ? con thấy làm việc ấy là tự nhiên được sao con ?

- Thừa má, con không thấy nó tự nhiên chút nào hết. Nhưng ở đời nhiều khi người ta phải buộc lòng làm những việc không tự nhiên.

- Ở đời ! Ở đời ! Con chưa bao nhiêu tuổi mà dám nói đến chuyện ở đời.

Cô Tư như không còn sức để giận, để khẩn cầu, để giải thích nữa. Cô lăm bắm : “Thôi quả lời tục nói không sai : lá rụng về cội; kinh nghiệm của bao vạn kiếp người cố nhiên là đúng hơn mong mỗi hão huyền của mình. Hừ, cái lá này lại giống cội của nó như đúc. Cũng là giống bạc bẽo ấy, cũng cái nòi không tình cảm ấy ! «

Sau nửa giờ thần thờ, cô Tư lấy giấy mực ra, vắn cao ngọn đèn dầu lên rồi viết :

Mỹ Tho, ngày. . .

Kính Ông,

Tôi có được thư của Ông nói về con Chi.

Đây có phải là lòng thương con của một người cha hay không? Tôi không thể nào tin như vậy được.

Cái ý nghĩ trước tiên đến với tôi là con tôi sẽ bị lợi dụng. Con Chi nó có sắc. Có lẽ Ông sẽ bán sắc nó và che đậy cuộc buôn bán này bằng một đám cưới linh đình. Tôi đoán bậy mà rất có thể đúng sự thật.

Hay Ông tính dùng Chi để làm nấc lều, leo cao thêm trên chiếc thang xã hội ?

Những lời mùi mẫn trong bức thơ của ông không làm tôi cảm động được. Nhưng không tin, không xúc cảm, không thừa nhận quyền hạn của ông đối với Chi, tôi cũng làm vừa ý ông, vì con ông đã muốn như vậy. Ông nghe ra chưa ?

Con ông à ? Phải, kể từ giờ phút này, Chi là con của ông. Thật là rau nào sâu nấy !

Rất thương con - cho dầu sao đi nữa, thì ít ra tôi cũng phải buộc ông trình bảo đảm rằng vợ ông sẽ đối xử tử tế với Chi. Nhưng thôi, nó đã muốn như vậy, âu cũng là số kiếp của nó.

Nhưng có một điều tôi cần lắm là ông phải đích thân xuống đây mà rước con ông. Tôi không thể để nó đi một mình.

Ngày nào, giờ nào, tùy ông định. Tôi chỉ báo trước là tôi sẽ không tiếp ông; và nào nhà tôi, ông chỉ ở được hai mươi phút thôi, cho Chi đủ thì giờ sửa soạn ra đi.

LÊ THỊ DƯƠNG

Cô Tư dường như đã trả thù được ai bằng những lời thơ này nên trở lại thản nhiên như không có gì. Cô bình tĩnh đưa thơ cho Chi đọc.

Khi đọc xong, cô gái ấy lăn ra mà khóc mù. Mẹ cô chỉ cười dài, những chuỗi cười ghê rợn, đượm vẻ khinh khi.

Trọn một tuần lễ sau khi bức thơ ấy gởi đi thì giữa hai mẹ con sập xuống một bức tường dày.

Đôi khi Chi đón mẹ trên đường ra lối vào :

- Má ơi, má, nếu má biết được nỗi lòng con. . .

Hoặc :

- Má ơi, má, hay là con ở lại với má mãi mãi, miễn má thôi hờn con. . .

- Má ơi, má, con chỉ mới nói thế thôi, chớ nào con có xin đi bao giờ đâu ?

Mỗi lần như thế, đụng đầu vào bức tường câm lặng của cô Tư. Chi lại lăn ra mà khóc.

Cô Tư không khóc nữa. Suốt ngày này qua ngày khác, cô chỉ cứ ngồi đó mà nhìn vào khoảng không. Những bộ y phục lãnh may đã tới kỳ giao, đã quá kỳ, mà vẫn còn nằm bừa bãi ra đó. Khách hàng trong xóm đến thúc hỏi không ngớt. Cô Tư trả lời bầy bạ như người điên, khiến họ ngạc nhiên hết sức.

Còn Chi thì rút mắt trong buồng từ sáng đến chiều.

Sáng hôm ấy, vào lối chín giờ, ông Trần Quang Hổ, tác giả bức thơ tạ tội hôm nọ, xuống tới nơi.

Nghे tiếng xe ngừng ngoài đường, cô Tư hỏi hộp dòm ra nhìn người khách lạ vài giây. Khi cô nhận ra người đó là ai, cô toan lẫn vào buồng tức khắc. Nhưng cô không thi hành ý định mau lẹ được vì chon cô bị tê liệt. Dĩ vãng bùng dậy thành linh, căm hờn sôi lên vọt tóe, bao nhiêu thứ tình lộn xộn làm cô xúc động thái quá đến muốn ngất đi.

Cũng may là người ấy còn ngó trước dòm sau để tìm nhà. Chắc hẳn đã hỏi thăm kỹ, biết cô Tư vẫn còn ở y nơi đó. Những cảnh cũ mà hắn không giữ hình ảnh trong trí vì không mến thương, đã làm hắn bỏ ngõ một lúc. Nhờ đó cô Tư đủ thì giờ lúi vào trong.

Nghe gõ cửa, Chi từ dưới bếp chạy lên. Thấy người khách lạ đang đứng đằng hắng ở hàng hiên, nàng khựng lại giây lâu rồi, theo bản năng, nàng lùi lại vài bước để tránh con vật dữ, hay một kẻ thù đến toan bắt mình.

Người khách tóc bạc hoa râm nhưng mặt còn tươi lắm, nhìn Chi rồi hỏi :

- Con, à cháu. . . ơ. . . ơ. . . à cô, có bà chủ nhà ở nhà hay không ?

Chi cúi đầu chào khách rồi đáp :

- Thưa có, mời ông vào nhà.

Ông Hồ bước vào rồi đứng xó rợ nơi một góc xó.

- Mời ông ngồi.

Ông ta lại ngồi xuống.

- Thưa, ông hỏi má cháu có việc chỉ ?

- Vậy ra. . . cô. . . con là Chi đây sao ? Con đã đọc bức thơ chưa ?

- Thưa ông thơ gì ?

Chi đã đoán biết khách là ai từ lâu. Nhưng nàng hỏi vặn lồi thối, không phải vì ác tánh mà chính nàng cũng chẳng biết ăn nói làm sao ngoài những câu mời hỏi khách sáo.

- Thơ của ba gởi cho má con. Con là Chi à ? Vậy thì cha là cha con đó. Trời ơi, cha con tôi gặp nhau mà không biết, tôi thật là một người khốn nạn.

Rồi ông Hồ khóc. Ông khóc thật tình vì xúc động thật sự, ông dễ cảm như bất kỳ bà cụ nào đi xem hát, gặp tình tiết éo le một cách rẻ tiền nào cũng khóc được cả. Nhưng chỉ đến đó mà thôi.

Chi cũng hơi xúc cảm nhưng cô không khóc được dễ quá như vậy.

- Con ơi, ba đây con - Ông Hồ lau ráo mắt mà nói chuyện và hỏi tiếp :

- Vậy chớ má con ở đâu ?

Ông ta vừa hỉ mũi thật to trong khăn tay vừa hỏi câu ấy, ông cố ý hỉ mũi ồn ào để cho ai cũng có thể nghe thấy cả, nhứt là để cho một người kia nghe hầu thấy rõ niềm ân hận của ông.

Chi cứ đứng trân trân, lặng thinh, hết ngó khách đến nhìn xuống gạch. Không nghe Chi đáp lại, ông Hồ cười mà rằng :

- Hà hà, con tôi còn bỡ ngỡ. Mà không hề gì, lại đây con. . .

Chi vẫn không nhúc nhích.

- Cui kia, lại đây, ba không ăn thịt con đâu mà con sợ. Tội nghiệp con tôi quá ? Hay là con hờn ba ? Nếu như vậy, con cứ lại đây mà hài tội, ba nhận hết thảy và sẽ tạ tội với con.

Chi hơi nao núng trước thái độ xuống nước nhỏ của một người, dầu sao cũng là cha ruột của nàng.

Ông Hồ đoán biết tâm trạng con, và không để lỡ dịp, ông thêm :

- Hay là, nếu con không nhìn nhận cha của con, thì ít ra con cũng nên coi ba là một người khách thường chớ, con phải nói lời gì kia chớ ?

Biết Chi không còn cự được nữa, ông nài nỉ ráo riết lời :

- Mà coi ba là khách thường sao được; nếu chỉ là khách thường thì con đã không có thái độ đó. Thôi lại đây với ba đi con !

Chi bước tới một bước ngập ngừng, rồi dừng lại.

- Xích lại đây con - Ông Hồ biểu, giọng hơi cứng rắn.

Chi tiến lại gần sát cha như con mèo nhỏ bé, bị con rắn lớn thôi miên. Ông Hồ cười hì hì mà rằng :

- Đó ! Bây giờ con cứ kêu đại ba bằng một tiếng “ba” đi, rồi thì thấy nó quen đa con !

Chi vẫn còn lặng thinh, khiến ông Hồ lại phải dặt nẻo :

- Con à !

- Dạ.

- Con nói lên thử một tiếng coi : ba !

- Ba !

Cùng với tiếng ba vừa thốt ra ấy - thốt ra như từ miệng một đứa bé bập bẹ học nói, thốt ra với tất cả khó khăn ngượng nghịu - nức lên những tiếng khóc khó lòng mà hiểu được ý nghĩa.

- Ấy, ậy, con mới gặp ba lần đầu thì con nên mừng chứ. À, hay là con mừng quá mà khóc ? Ba cũng muốn khóc đây.

Ông Hồ nói vậy và thật tình muốn khóc lắm, nhưng ông không khóc được. Để khỏi ngượng, ông hỏi :

- Vậy chứ má con ở đâu con ?

- Thừa ba, má con ở trong buồng.

- Đâu, con vô mời má con ra cho ba nói chuyện một chút xíu coi.

Chi bước vào buồng trong thấy mẹ nằm im thín thít, chiếc gối áp đầy lên mặt. Nàng đi rón rén lại gần giường, giở gối ra thì thấy mẹ tràn trề nước mắt.

Nàng kêu nho nhỏ :

- Má !

Rồi ôm chầm lấy mẹ mà khóc òa.

Giây lâu nàng mới nói được :

- Má ơi, ba hỏi má.

- Không, má không thể nào tiếp người ấy được; thôi con sửa soạn rồi đi, kéo trưa. . .

- Thôi, con không đi má à.

- Kể từ lúc viết thư, má đã tính như không còn con nữa rồi. Đã hết rồi con ơi !

Lòng Chi bỗng se thắt lại. Thật đã hết rồi à ? Từ khi hiểu biết, Chi chưa hề bị mẹ nặng nhẹ, hắt hủi một lần nào cả cho đến một tiếng nói lầy cũng không có. Nàng đã quen quá với tình thương không khúc mắc của mẹ, cho nên hôm nay vừa vấp phải một cái gút trong mối tình mẫu tử luôn luôn trơn tru kia, nàng tin mẹ bằng lời, và thấy ngay cả một sự sụp đổ lớn quanh nàng.

Thật đã hết rồi à ? Trời ơi, mẹ đành không thương mình nữa à ? Thôi còn gì nữa đâu, ý nghĩa của sự sống của mình ?

Chi đứng lên, tiu nghỉu đi ra như con gà giò bị mẹ cắn đuôi để phá bày, trí điên dại như kẻ thất tình.

Thấy mặt con, ông Hồ đoán biết một phần nào tấn bị kịch trong buồng, nhưng ông cũng hỏi :

- Sao, má con nói làm sao ?

- Thừa ba, má con. . . khó ở.

- Ba biết căn bệnh của má con rồi, mà con nên nói với má con rằng ba muốn gặp mặt má con đừng nói một chút việc thôi, chỉ nói vài phút thôi.

- Ba lại không biết tánh ý của má con sao, má con chỉ nhứt định một lần thôi.

- Thôi được, má con bệnh thì ba phải vào thăm mới là phải cho.

Ông Hồ vừa đứng dậy thì bỗng nghe cửa buồng đóng lại một cái rầm. Ông bậm môi, châu mày nhẩn nại ngồi trở xuống, thở dài mà rằng :

- Má không muốn thấy mặt ba thì thôi; con sửa soạn rồi vào từ giã má con mà đi kéo trưa.

Chi chỉ rửa mặt cho sạch nước mắt, không chải gỡ gì cả, tròng áo dài lên mình, rồi trở ra, đi lại buồng mẹ mà gõ cửa. Nàng nghe tiếng guốc của mẹ đi từ giường lại cửa, tiếng mở khóa, tiếng hột xoài cửa bị vặn kêu rít lên và nhìn thấy chiếc hột xoài bằng sứ trắng từ từ quay, ngập ngừng do dự, rồi lại trở về vị trí cũ. Rồi tiếng guốc của mẹ nàng lại trở về giường.

Thôi rồi, thật là hết ! Tầm cửa đá của động núi đã đóng chặt, không bao giờ mở ra nữa, và không bao giờ nữa, nàng còn được trở về lối cũ rợp bóng tình thương.

Cô Tư không mở cửa, nhưng cũng quên khóa cửa. Chi có thể mở lấy mà vào buồng, nhưng nàng không làm. Cánh cửa lòng mẹ nàng đã khóa, có vào cũng chẳng ích gì.

Ông Hồ bước lại cửa buồng, đấm vào đó thình thình bằng cái nắm tay của ông, rồi nói lớn :

- Má nó à ! Thôi, tôi dắt con đi, mình suy nghĩ lại rồi dừng hờn cha con tôi nữa. Lâu lâu, tôi cho Chi nó về thăm mình, thôi cha con tôi đi đây nhá !

Khi cô Tư nghe máy rồ, cô hé cửa dòm ra. Xe đậu trịch qua khỏi nhà một chút, nên cô không thấy Chi được; qua tấm kiếng vuông nhỏ ở thành mui sau, cô thấy đầu con nhô lên. Như bị đá nam châm hút, cô vội bước ra khỏi buồng.

Lúc bấy giờ Chi ngã người tới, dòm qua cửa kiếng bên hông xe. Cô Tư hốt hoảng định thụt lại hoặc ngó lơ đi, nhưng đã trễ rồi, bốn mắt đã gặp nhau vừa lúc xe rút mình tới, Chi ngã ngựa ra sau, còn cô Tư thì té quỵ xuống.

Dưới đây là một bức thơ dài, cô Tư nhận được hai tháng sau ngày con cô rời nhà cô.

Thơ nặng quá, dán cò không đúng sức nên cô bị phạt. Nhìn từng chữ trên phong bì, cô toan mượn cớ không bằng lòng nhận thơ phạt để trả nó lại, nhưng không thể được. Cô Tư, vì tin chắc con mình bội bạc nên đau như ai rút gan ruột của cô. Tuy nhiên tình mẹ không phai vẫn xui cô hy vọng hảo huyền. Nên khi thấy thơ, cô tò mò không cưỡng nổi.

«Thôi nhận coi nó nói gì trong này».

Thế rồi cô cầm thư vào nhà. Cô giận lây phong thư như chính nó là người, quăng nó vào một xó giường. Nhưng bước đi được vài bước, cô lại quay lại, liếc nó, nhìn nó, rồi trong một phút quá bứt rứt cô đành chịu thua một cách tàn tệ, chạy lại lượm phong thư, xé bì vội vàng đến rách cả bức thư bên trong.

Sài Gòn, ngày. . .

Thưa má,

Đây không phải là bức thư sám hối. Con không tạ tội với má vì đã phụ bạc má. Thật ra, con chỉ ra đi vì một lẽ riêng, tạm lánh mình một lúc, mong rồi sẽ trở về với má.

Cái lẽ riêng ấy, con nói ra đây tiếng đầu, chắc má hiểu liền mà thôi hờn con. Nhưng nói phải có đầu có đuôi, nên con xin theo trật tự thời gian mà kể rõ tình cảnh của con cho má nghe.

Khởi nói chắc má cũng dư biết không khí trong nhà ba con ra sao, khi mà nơi đó có một kẻ lạ mặt xen vào, mà kẻ ấy lại gọi lên ngày một, dĩ vãng ba con cho bà chủ nhà thấy.

Má ơi, con đã cắn răng mà chịu những khóe mắt căm thù, nhưng lời nói chanh chua như vим con mẹ. Con chịu được vì con toan tính là chỉ phải chịu địa ngục ấy vài tháng là thoát ly ngay.

Ba con đối với con thì dường như không thương cũng chẳng ghét. Ba con làm ăn lớn lắm, hoạt động trong ngành nào thì con không rõ, nhưng thấy số người giúp việc đông đảo nên con đoán thế thôi.

Con về được hai tuần thì một hôm ba con kêu riêng con mà nói : «Con à, đặt ra con gái lớn rồi phải có đôi có bạn. Đó là lẽ trời mà cũng là ý muốn của cha mẹ. Con là con đầu lòng của ba; ba nóng muốn làm suôi, để yên lòng về con. Con nghĩ làm sao ? »

Con đáp : «Phận làm con, cha mẹ dạy phải thì phải nghe, ngoài ra con không có ý kiến gì thêm”.

Cha con khen má khéo dạy con, rồi thôi, một tuần lễ trôi qua không có gì lạ xảy đến, trừ những lời xéo xắt của bà vợ của ba con.

Thưa má, con thành thật mà đáp với ba con như vậy chớ không phải vì thuộc lòng khuôn phép hay vì khiêm tốn giả. Rồi má sẽ hiểu vì sao con nhận lấy chồng.

Tuần sau ba con lại gọi riêng con mà nói tiếp về câu chuyện hôm nọ.

«Con à, người nói, cha mẹ thương con thì chắc chắn là phải lựa nơi tử tế để cho con trao thân; hôm trước con tỏ ra rất biết điều, ba mong lần này con cũng sẽ được như vậy.

«Trong vòng quen thuộc của ba không thiếu gì nơi giàu sang quyền quý, nhưng ba chỉ trọng tài đức thôi. Có một gia đình nọ cũng khá giả lại nhơn từ, có con trai có công ăn việc làm đủ lo cho vợ nó no ấm. Không nói vòng vo quanh quất làm chi, ba nói ngay rằng người con trai đó là thầy ba chuyên lo việc thâu tiền cho ba hằng ngày, chắc con đã có dịp thấy mặt rồi.

«Cha mẹ thầy ấy cậy mai đến nói, ba ưng ý lắm, nhưng nghĩ cũng nên bàn lại với con, ba mong ba với con cũng đồng một ý thì quý biết bao ! ”.

Nghe xong lời ba con, con rưng rờ còn hơn khi má nghe con tỏ ý về trên này là không hại gì. Nhưng con trấn tĩnh được sau đó, vì

xét kỹ ra, người không ép buộc gì cả.

Con thưa : «Thưa ba, hôn nhơn là việc hệ trọng, con xin ba cho con suy nghĩ lại”.

Ba cười ha hả mà rằng : «Ba hiểu rồi. Phải chớ, con nên suy nghĩ lại; cũng vì thế nên ba mới hỏi ý kiến con”.

Con sầu chín ruột, chín gan, bà cả tuần, không tìm được giải pháp nào hết, chỉ còn có hai nước : từ chối hẳn và đánh cù cửa để đợi. . . Đợi gì, rồi má sẽ rõ.

Từ chối hẳn, ắt sanh chuyện to, vì ba con đã ưng ý chỗ đó, tuy không cố ý mà hóa ra như là chỉ định vậy.

Còn đánh cù cửa thì thật là không biết đến bao giờ. Con đã viết “một bức thư, mà sao trông mãi không thấy hồi đáp. Không phải viết cho má đâu, mà viết cho một người kia.

Má ơi, má sắp hiểu nỗi khổ của con rồi đây. Má đoán ra hay chưa ? Con nhớ là linh tánh má nhạy lắm. Dầu sao đã đến lúc con phải nói rõ mọi việc : má mà có đoán được thì chỉ đoán ra những đường nét lớn thôi, nhưng chi tiết mới là quan trọng.

«Má ơi, má có xem việc con đã làm và sắp khai ra đây là một cái tội hay không và má có vui lòng tha thứ tội của con hay không ?

Con đã yêu một người con trai. Chắc chẳng hề gì phải không má. Ngặt một điều là con đã đại đột bước qua một bước; qua khỏi mức của tình yêu đoạn chính.

Con sợ hãi lắm lắm, sau cái ngày phạm tội ấy. Nhưng rồi thấy cũng không việc gì, nên con an lòng lại được. Con chỉ xấu hổ lắm là đã giả dối với má, đã bày điều đặt chuyện nọ kia để cắt nghĩa những buổi đi chợ về trưa, những buổi đi giao hàng lâu quá.

Má ơi, má đã cung trên tay một đứa con mà má ngỡ là bé bỏng thơ dại, trắng ngần. Con tin rằng một khi đứa con ấy đã trở thành đàn bà một cách hợp lẽ giáo má vẫn tiếp tục cung như vậy được. Nhưng nó lại lường gạt má, giấu giếm cái thân thể hết thơm của nó

cho má phải lắm. Chính con xấu hổ với con vì chỗ đó và nặng tội lắm với má cũng vì chỗ đó ?

Con hết sợ hãi lần lần và cố nhiên tiếp tục đi lại với anh ấy. Xim tạm ngưng để thưa cho má rõ, anh ấy là anh Thạnh con của ông Hội đồng Phú. Tên người kể ra, chắc má không có gì phản động dữ dội. Phải, anh ấy là con nhà từ tể, anh ấy có học, hiền lương vân vân. . .

Con gặp anh ấy ngày con dọn giỗ lại nhà cậu Cai Tổng. Bạn của anh Thân, con cậu Cai, kéo nhau xuống nhà sau đó là chuyện thường. Họ tinh nghịch đùa cợt, cũng là chuyện thường. Không thường là anh Thạnh anh ấy luôn luôn đứng múp sau lưng bạn hữu mà làm thỉnh mãi. Không thường là chính con cũng dè dặt như thế, không nói cười như mấy chị bạn khác. Thành ra chúng con chú ý tới nhau.

Thấy anh Thạnh nhút nhát quá, anh Thân không có nghi ngờ gì hết và tới nay, anh Thân con cũng chẳng hay biết gì.

Anh Thạnh đứng đắn cho đến đôi, về sau, anh tới nhà chơi, má còn khen nữa là. Cho nên con hết sức mến anh. Một ngày kia, anh ấy tỏ tình. Con không ngạc nhiên lắm. Con hư nơi chỗ đó phải không má, vì y như là con chờ đợi lời tỏ tình ấy. Sự thật không phải thế. Con hư chỉ vì làm thỉnh, không từ chối ngay. Anh ấy thấy vậy đeo đuôi mãi, và từ mến đến yêu, con bước đi sao mà nhẹ đến không hay thấy. Tuy vậy, con vẫn còn đoan trang, yêu cầu anh ấy cậy mai tới nói, anh hứa đằng hoàng.

Thế rồi hôm cậu Cai Tổng qua đời, vì con dọn đám, ở lại lâu ngày quá, nên giữa sự náo nhiệt của đám ma nhà quê, xa mẹ; trong một phút đại đột con đã phụ những lời dạy bảo của má.

Xin nói lại là con đã sợ hãi vô cùng. Nhưng lần lần con bớt lo và tiếp tục gặp anh Thạnh. Trong lúc yêu đắm đuối, con quên mất việc cưới xin, mà anh ấy cũng chẳng buồn nhắc tới. Cho đến một ngày kia thì. . .

Má ơi, con đã làm cho má buồn lắm khi theo ba con.

Nhưng như thế còn hơn là bắt má nghe tin sét đánh này. Bây giờ má nghe, chắc cũng đỡ chát chúa đôi phần, vì con đã đi xa rồi. . .

. . . Cho đến một ngày kia thì con nghe trong mình khang khác. Con đã khôn khéo che lấp những lúc nôn ọe, nhưng trận choáng váng đầu của con.

Má ơi, nhà ta, kể cả đời con, suốt ba đời liền, đã sanh con không cha ! Con không biết điều đó, nên tuy sợ cũng chỉ sợ có chừng mực thôi. Chợt một tuần sau, thơ của ba con đến, và má phanh phui hết sự thật về gia đình.

Biết được họa nhà, con quính lên. Má thương của con ơi, má sẽ đau khổ biết bao, nếu bây giờ con giúp dịp cho miệng thể đồn rằng nhà ta có mã chữa hoang ! Không, con không tin có cái mã ấy, con cực lực phản đối những người nêu lý thuyết ấy ra. Sở dĩ nhà ta phải chịu cái họa đó có lẽ tại nghèo, không che đậy kịp lỗ lăm của mình như nhà khác thôi. Tuy nhiên, thiên hạ đồn là việc hiển nhiên, phải kể đến.

Ngay sau ngày được thơ, con đã tìm anh Thanh để hạ tội hậu thơ cho anh. Anh cũng đã hoảng từ ngày ghe con báo tin. . . buồn. Lần này, không thể lần lựa được nữa với con, anh trả lời dứt khoát rằng ba anh nói vì con-là con không cha, nên ba anh không bằng lòng cưới con cho anh.

Má thương ơi, má cưng ơi, má đừng khóc chó ! Thế hệ này chỉ lặp lại lời của thế hệ trước. Má đã khóc một lần rồi cách đây hai mươi năm, thì bây giờ đừng khóc nữa má à ! Con thương má hơn bao giờ hết sau buổi trả lời của anh Thanh. Vì bây giờ, có đau, con mới rõ niềm đau khổ của má.

Vậy con lại càng quỳnh hơn lên, không kịp buồn hay giận anh Thanh. Con đã nghĩ đến việc quyên sinh, vì con không thể để má bị thiên hạ chê cười. Má đau một lần không sao, chớ đau lần thứ nhì, khi má đã cao tuổi rồi, biết má có chịu thấu chăng ?

Sở dĩ con chưa chết vì thấy má đang buồn vì bức thư. Bắt má phải khóc nữa thì tội nghiệp cho má lắm. . . Chợt lời của má gọi cho con cái ý tạm về với ba con. Phải, con thấy đó là một lối thoát rất ổn. Con về trên này là có cha ngay. Cha lại là người danh vọng, giàu có, thì ba anh Thanh còn chê vào đâu ?

Con giấu má mưu mẹo ấy vì con biết má không thể nào đồng ý với con. Và, má đang hờn con, nói thế nào má cũng đành nín là con kiếm có.

Bây giờ má đã hiểu duyên cớ con ra đi, con xin trở lại chuyện trên Sài Gòn.

Mấy ngày sau, con mới tỉnh lại và giận anh Thanh, con tủi thân đến muốn liều, không thềm biết đến anh ấy nữa rồi ra sao sẽ hay.

Nhưng con kịp nghĩ lại, tin chắc ảnh thương con và ý khinh đời chỉ là của ba ảnh. Vậy nên con mới có mưu tính kia.

Về trên này, khi ba con nói đến chuyện gả con lấy chồng, con đã viết thư mà cho ảnh hay rằng con có cha, hiện ở với cha, và kể địa vị, gia thế của ba con.

Không thấy thư đáp. Cho đến ngày ba con chỉ rõ người đi hỏi con rồi, mà ảnh vẫn bặt vô âm tín.

Trong khi con chờ đợi anh Thanh đáp bức thư thứ nhì của con thì ba con lại hỏi thúc con trả lời về đám đi hỏi ấy.

Con thưa rằng theo quan niệm của con thì trong hôn nhân, việc quan trọng là tình yêu. Con không biết thầy thu tiền ấy, không yêu thầy mà ưng lấy thầy thì khó quá.

Tức thì ba con nổi giận đùng đùng, mắng con sao hôm nọ nói chịu, nay nói không.

Con đã lễ phép thưa lại rằng con chỉ nhận nguyên tắc lấy chồng, chứ chưa nhận lấy ai hết.

Ba con còn giận dữ hơn nữa, vừa mắng con vừa mỉa mai cái việc nói chữ nho của con. Ba con cho rằng dùng những danh từ «quan niệm», «nguyên tắc» là nói chữ nho.

Ba con chấm dứt buổi nói chuyện bằng lời hăm dọa này :

- Mày phải nghĩ kỹ lại, nếu còn cứng đầu thì biết tao.

Mấy ngày sau con như ngồi trên bàn chông. Khó chịu vì những lời nói cạnh của bà vợ ba con thì ít, mà bồn chồn vì bức thư không đến thì nhiều.

Trong hỏa ngục ấy, tình cờ chi bồi ruột của ba con gởi gắm con những lời sau đây. Là chị ta bắt chợt được câu chuyện sau đây giữa ba con và vợ của người : thầy ký thu tiền ấy mỗi ngày đi thu tiền nhiều quá, đóng ký quỹ bao nhiêu cũng không đủ bảo đảm, nên ba con muốn cột thầy bằng hôn nhân với một đứa con gái kẻ bỏ để làm một công mà hai việc : được tiếng thơm không bỏ con rơi, được một người giúp việc đắc lực mà chắc ý, khỏi sợ thụt két. Vợ của ba con rất là không bằng lòng, vì bà ấy

không muốn có người rẽ riêng của ba con xen vào tiền bạc nhà này, với lại cũng vì lúc dọ hỏi, bà biết con đẹp, sợ đem con về rồi con lấn con bà chẳng ? (Em con nó nhỏ hơn con một tuổi, đã hứa gả cho một sinh viên, mà nó xấu xí nên bà không muốn trong nhà có một đứa con gái khác trội hơn). Nhờ ba con khéo lắm bà tới chịu nghe.

Câu chuyện kín này không làm con sâu tủi thêm chút nào hết. Con có ưng lấy thầy thu tiền ấy đâu.

Má đã tiên đoán là ba con sẽ lợi dụng con. Má đoán đúng đó. Nhưng nghĩ kỹ ra, đó cũng không phải là một cuộc lợi dụng tàn nhẫn cho lắm. Con không thiết đến hôn nhân ấy, không thèm xét đến nó, chỉ vì con đã trối yêu rồi, hơn thế, đã có thai với người khác rồi.

Vừa lúc đó thì thơ của anh Thạnh đến. Anh Thạnh đã đại dột hết sức mà nói thật cho ba ảnh biết là con đã có thai. Ba ảnh cho rằng phạm con gái hư, thì chính cha mẹ nó phải đến mà cầu cạnh, bù của, bù tiền, người ta mới hỏi cho.

Sự đại dột của anh Thạnh đã làm hỏng mưu kế của con. Má nghĩ, con là một đứa con bỏ, người ta gả cho một thầy ký là quý báu lắm rồi, mong gì người ta đi cầu cạnh ai nữa.

Má ơi, con đã ra đi ngay sát ngày được thơ anh Thạnh. Không biết ba con có về dưới mà tìm con hay không, chắc là không, của bỏ, chắc chẳng ai tiếc gì mà tốn công lặn lội.

Hiện nay con ở trong một căn nhà lá tại Hòa Hưng, tuy còn nhờ vả người ta chút ít nhưng con tự sống được ngay bây giờ và cả về sau nữa.

Con không tạ tội ra đi với má vì má đã hiểu nhiều rồi, không còn hờn con về chỗ đó nữa. Còn cái tội không đoan chính của con thì dầu xin tha, chắc cũng chẳng được nào.

Con sống một mình được, nhưng làm sao quên má, má ơi ! Đời con chỉ có má và đứa bé sau này. Má được bà ngoại, sao con lại thiếu má. Con nói thế không phải để phân bì mà để than thân đó thôi.

Bà ngoại không xấu vì má, nhưng má lại xấu vì con, nghĩ cũng phải : đến đời má, họa chỉ mới xảy ra một lần. Đến đời con, nó tới bận thứ nhì, làm sao không khiến người ta chú ý và gần về cái mã khôn nạn kia. . .

Má là một người tự trọng, chắc má cũng sẽ không cố gì được như ai mà phú mặc cho miệng đời mai mỉa.

Nhưng cả họ mình nào có lỗi gì đâu, phải không má ?

Dur hiểu lẽ đó, nhưng me con mình vẫn không đủ can đảm đương đầu với miệng thế. Con âm ức nhiều về chỗ đó. Và con cũng suy nghĩ nhiều về chỗ đó.

Một hôm ngồi buồn, nghe bên hàng xóm người ta hát ru con :

Họ giàu họ ghinh hôn giá thú

Đôi ta nghèo thì rủ nhau đi.

Không hiểu sao, con không nghĩ đến cảnh nghèo giàu mà lại nhớ tới điều khác.

Câu hát nhắc con tưởng đến sự lâu đời của nó. Hai trăm năm chẳng ? Con không biết. Rồi con lại hình dung cảnh dân ta hồi mới tràn vào đây. Trong cảnh định cư hỗn độn, lắm khi một xó rừng chỉ lựa thừa vài ba người, con tin chắc rằng họ không cưới xin lôi thôi phiền phức gì cả. Vậy mà ta vẫn đông đúc ra được, tiến bộ được làm giàu, để con khôn ngoan được, và tạo ra một miền Nam quan trọng.

Mỹ tục có cũng đẹp đấy, con nhận như thế, mà nó không thì có hại chi cho sự đi tới của ta ?

Người ấy lại hát :

Thương em, lấy cẳng anh quèo,

Thiên hạ bắt được, nói bạn nghèo với nhau.

Rủ nhau đi, tuy không đẹp nhưng rồi vẫn có tấm chồng như ai. Đến như chỉ thềm lên mà quèo cẳng nhau thì quả có xấu hơn nhiều. Tuy thế, kẻ làm quấy rất đông cho đến đổi có câu hát, thì con nghĩ, tội của con rồi cũng sẽ loãng đi trong khối tội của đám người này được. Phải, mẹ con ta quá sợ vì ngờ quanh mình ai cũng sạch chỉ một mình mình dơ thôi. Nhưng má có thấy không, bản thiêu (đáng thương hay đáng trách mắng, con xin không nói đến) không phải là độc quyền của nhà ta.

Con nói nhiều quá, chắc dư lời. Má có cần đâu những lời tự bào chữa của con, con biết lắm. Tha thứ hay không là do cả ở tình mẹ của má mà thôi. Nếu má thương con nhiều thì dầu phải chịu đến thế nào chắc má cũng sẽ cắn răng mà chịu. Con mong ước được về với má thì chỉ kêu gọi tình thương của má là đủ rồi. Mà con chắc má thương con nhiều nên con hy vọng dữ lắm.

Má cứ sợ con trở về cội. Nay hẳn má đã rõ là con không tính tới điều ấy thật tình. Và bây giờ con muốn trèo lên ngọn, lẽ nào má lại chẳng cho.

Con không biết má sẽ tha thứ con hay không, nhưng nếu có, xin má gửi cho con ba chữ tại địa chỉ tiệm thuốc bắc ngoài đường mà con biên dưới đây. Tiệm ấy sẽ trao thư lại cho con.

Con không bao giờ hết hy vọng. Nếu năm này má làm thỉnh năm tới con sẽ gửi thơ cho má nữa, con gửi tới ngày má già, tới ngày con già, ngày mà tình con thương má không còn cái thân con để mà nương dựa, con mới thôi.

CHI

Có những chiếc lá, sau khi rụng xuống cội cây, gặp cơn gió lốc lại bay lộn lên ngọn. Nó dính nơi đó, và nhờ điều kiện bí mật nào không rõ, không bao giờ rụng trở lại cả. Sanh ra trên ngọn cây, nó sống nơi đó và chết nơi đó, tàn mục nơi đó.

Năm ấy cô Chi trở về quê mẹ và sống yên lành cho đến ngày nay.

Tạp san Nhân Loại, 1957